

PHỒ THÔNG

TẠP-CHÍ

LOẠI PHÂN TẠP CHÍ VĂN HOA VIỆT NAM
PHỒ THÔNG VÀ PHỒ ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307

BỘ MỚI SỐ 26 — 1.1.1960

1.— Văn chương và tư-tưởng V.N.	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Bài ca Ngày Chúa Nhật	Võ-bá-Hài	10 — 13
3.— Một trang lịch-sử bi-dát	Minh-Cao	14 — 16
4.— Ca-kịch Việt-Nam	Tchya	17 — 19
5.— Một đời người	Thiếu-Son	20 — 25
6.— Thơ Phan Khôi (giai thoại Văn-chương) .	Minh-Kha	26 — 27
7.— Người hóa-cop (truyện-ngắn)	Hà-Li-Hải	28 — 32
8.— Đòi Thi-sĩ (thơ)	Trúc-Son	33
9.— Cô Kiều với Phan-văn-Tri.	Nguyễn thị Kim-Liên	34 — 35
10.— Văn sĩ thi-sĩ tiền chiến: Từ-Bộ-Hứa . . .	Nguyễn-Vỹ	36 — 39
11.— Cái chết của người đưa thư (truyện ngắn)	Hoàng-Thắng	40 — 44
12.— Ân tử và Nâgasena nguy biện	Thâm-Thệ-Hà	45 — 50

W179 874

101

13.— Tiếng sáo đêm thu (nhạc)	T. H. D. và Nguyễn-Vỹ	51
14.— Khổng - Minh.	Nguyễn-quang-Lục	52 — 57
15.— Thương một niềm trăng (thơ)	Vương-Kiều	58
16.— Đôi nét về Hàn Mặc Tử.	Quách Tấn	59 — 67
17.— Cây thông Noël	Thái-Thúc-Diễn	68 — 71
18.— Minh ơi! Mahomet	Diệu - Huyền	72 — 87
19.— Món ăn Huế	Cô Phương-Thu	88
20.— Cô gái diên (truyện-dài)	Vi-Huyền-Đắc	89 — 93
21.— Thơ lên ruột: Bức họa khỏa thân . . .	Diệu-Huyền	94 — 95
22.— Xã giao	Cô Bình-Minh	96 — 99
23.— Thi-sĩ lão thành: Bà Song-Thanh . . .	Diệu-Huyền	100 — 103
24.— Kiên-Trình (truyện dài)	Cô Văn-Nga	104 — 109
25.— Sờ tay của anh chàng họ Cao.	Trọng-Tấu	110 — 112
26.— Tranh hài hước	Gyao	113
27.— 4.000 năm ca dao	Ba Tèo	114 — 115
28.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	116
29.— Đáp bạn bốn phương	Bạch-Yến	117 — 127

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu. . . Cô Diệu-Huyền

✱ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

✱ Bìa Offset Vạn-Quốc

Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG »
và đóng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous
pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

VĂN-CHƯƠNG

VÀ TƯ-TƯỢNG

VIỆT - NAM

QUA CÁC

THỜI ĐẠI

Xem **PHỔ-THÔNG** từ số 20

CHƯƠNG I

*Nguồn - gốc người Việt
và tiếng Việt.*

CHƯƠNG II

*Nhận-xét tổng-quát về
Văn-học-Sử Việt-Nam*

A. — Một Dân - Tộc

Thi sĩ

B. — Lý - do vì sao

*Thi - ca chiếm - ưu
thắng trong văn-*

chương Việt-nam

1. — Tiếng Việt rất

thuận lợi cho Văn Thơ

2. — Ảnh hưởng của

Văn Thơ Tàu, nhất là

thơ đời Đường.

**C. — Tuy-nhiên văn-học
Việt-nam không được
phong-phú lắm.**

NH ÌN tổng-quát, chúng ta lại thấy rằng tuy Dân tộc Việt-Nam yêu-chuộng Văn-thơ như thế, tuy hầu hết người Việt-Nam mở miệng ra là nói văn - chương, hạ bút xuống là viết văn-chương, tuy ngâm-ngã

thi vịnh đã thành như một thú tiêu-khiển chung cho cả một dân-tộc, từ một bài điệu - văn khóc người chết đến mấy vần thưởng nguyệt Trung Thu, và một bài vè, một câu hò đã gạo, một lời hát ru em, thấy thấy đều là thơ, — tuy Việt-nam là một Đất-Nước ưu-ái đặc-biệt của Thi-Văn, nhưng, lạ thay, văn-học Việt-Nam lại có vẻ nghèo-nàn, kém-cỏi.

Nó không nghèo-nàn đối với các dân-tộc mà trình-độ văn-hiến còn kém hơn nó, như Thái-Lan, Cao-Miên, hay Nam - Dương, nhưng so với một số nước khác trên Thế-giới thì Văn-học của ta còn thua sút quá nhiều.

Sánh ngay với nước Tàu, bước tiến của Văn-học-sử Việt-nam cũng chậm hơn, yếu-ớt và dụt - dè. Đồng - hóa với Tàu, nhưng không có thời - đại nào Văn-học của ta đi song-song với Văn-học Trung-Quốc, tuy Văn-tài của ta không kém.

Chúng ta không khỏi ngạc-nhiên trước nhất nhận thấy rằng **TỪ ĐỜI HỒNG-BÀNG** lập-quốc mãi **CHO ĐẾN THẾ KỶ XIII**, Việt-nam **KHÔNG CÓ ĐƯỢC MỘT SẢN - PHẨM VĂN-HỌC NÀO CẢ**. Trong khi bên Trung-Quốc, từ đời nhà **HÀN**, trải qua đời **TAM-QUỐC**, nhà **TÂN**, nhà **TUY**, nhà **ĐƯỜNG**, cho đến nhà **TỐNG**, Văn-học phồn-thịnh kể tiếp một truyền-thống vẻ - vang

rực-rỡ vô-ngần, thì ở Việt-nam ta yên-lặng như tờ !

Đành rằng dưới đời nhà **TÂN**, người Tàu không muốn người Văn-Lang đồng-hóa với họ, thì không nói làm gì. Nhưng từ Tây - Hán trở về sau, hai **Thái-thú TÍCH - QUANG** và **NHÂM-DIÊN** đã đem Hán - tự sang dạy cho ta. Dân ta đã bước lên rất nhanh trên nền học-thuật, đã thi đỗ, làm quan, chữ Hán đã bắt đầu thông-dụng khắp nơi.

Đời nhà **LÝ**, người nước ta đã sang Tàu thỉnh kinh *Tam-Tạng*, Vua ta đã lập Văn - Miếu, thờ

KHÔNG-TỬ với 72 vị Tiên-Hiền. Hơn nữa, đầu Thế-kỷ **XI**, Vua **Lý-Nhân-Tôn** đã mở **HÀN LÂM - VIỆN** Văn-học rồi. Nghĩa là ở nước Việt thời ấy, Văn-học còn tiến-bộ hơn nước Việt ta ngày nay !

Ấy thế mà tại sao nước ta chưa sản - xuất được một Thi-phẩm nào đáng kể, hay là một bộ truyện cón-con ? Chẳng có một ông Nho-sĩ nào hạ bút xuống viết được vài bài thơ. Các Thi-nhân Nữ-sĩ Việt Nam chưa ra đời ư ? Khí thiêng của núi Nùng, sông Nhị chưa nung-đúc ra nhân-tài ư ?

Ta biết hỏi ai bây giờ, nếu không hỏi người **DÂN QUÊ GIAO CHỈ**? Vì, chỉ có người Dân quê ấy mới có thể trả-lời cho chúng ta rằng suốt trong thời gian dài đặng-đặng từ

Hồng-Bàng lập quốc đến 1300 năm sau, tất cả di-tích văn-học còn để lại chỉ là một mớ VẠN-CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU của họ mà thôi! Ấy là thời-kỳ góp nhặt từ cửa miệng người này sang cửa miệng người khác những chuyện *thần thoại, cổ-tích, ca-dao, tục-ngữ*, mà tác-giả là *Vô-danh*.

Nói cho đúng thì từ Lý-thường-Kiệt, (ĐẦU THẾ-KỶ XI) cho đến nhà Trần (THẾ KỶ XIII) đã có lác-đắc năm ba vắn thơ bằng Hán tự, và vài quyển Sử-ký, nhưng ngần ấy Văn-thơ trong 250 năm chỉ là những tiếng bập-bẹ của thời kỳ trứng nước.

Phải đợi đến GIỮA THẾ-KỶ XIII, một con cá Sấu bỗng-dưng từ trên Mạn-Ngược bơi theo giòng sông Cái xuống nằm gác mỏ ở ngoại-ô thành Thăng Long, trên Văn-đàn Việt-Nam mới bắt đầu xuất-hiện một bài thơ bằng Việt-ngữ. Bài thơ Việt ngữ ấy lại làm theo điển-tích một Thi-sĩ Đời Đường của Trung-Quốc. Giả sử không có con cá sấu tiên-phong kia, ai dám chắc thời bấy giờ đã có một tác-phẩm nào bằng chữ *Nôm* ? (1)

Từ THẾ-KỶ XIII đến cuối THẾ-KỶ XVI, (đời Lê Mạc) trong khoảng 300 NĂM mới có độ 10 nhà Thi-sĩ, sản-xuất được chừng 15 tập thơ mong-mạnh, trong đó có vài truyện cổ tích, vài bài gia-huấn, hồi-ký

du-lich, viết bằng *thơ-lục bát* hoặc theo thể *bát cú Đường-thi*. Mặc dầu vậy, Văn-chương Việt-Nam đã có triển-vọng. Thời kỳ sơ khởi đã qua, người ta đang chờ một bước tiến mạnh-mẽ.

Nhưng THẾ-KỶ XVII LẠI LÀ CA MỘT RỒNG KHÔNG! Nguồn thơ của đời Lê Mạc đang có chiều phát-triển, bỗng dưng bị tắt tịt. Chúng ta có cảm tưởng rằng dòng Thi phú phôi thai đang tìm địa điểm tốt để tuôn tràn ra bốn hướng, không ngờ trút hết xuống một hố sâu. Đây là đương thời Chúa Trịnh. Không kể năm ba quyển *Sử-ký* bằng Hán văn, ghi chép riêng những biến-cổ đã xảy ra dưới các thời Vua Tiên Triều, ngoài ra không có một tập thơ, hoặc một quyển truyện nào viết bằng chữ *Nôm* cả.

Có một điều lạ-lùng, là ở giữa Thế kỷ này xuất-hiện một lối chữ mới gọi là « QUỐC-NGŨ » dùng mẫu tự La-tinh và Bồ-đào-Nha, phiên âm trực-tiếp tiếng nói của người Việt, không cần viết chữ Tàu. Chữ « Quốc-ngữ » do một nhóm giáo-sĩ ngoại-quốc của đạo Gia-tô đặt ra. Nhưng vì lý-do chính-trị và tôn giáo, chữ « quốc-ngữ » này chỉ lên-lút thông-dụng trong các nhóm tín-

(1) Sẽ có một chương sau nói riêng về chữ « Nôm » và lối viết của nó.

đồ Việt-nam của Giáo-sĩ. Toàn thể nhân-dân và Triều-đình các vua chúa không hề biết đến và không hề thấy hình-dáng của nó ra sao. Chữ Quốc-ngữ hồi Thế kỷ XVII như một đứa con hoang-thai, đứa con « Tây-lai » vô-thừa-nhận, phải sống lén-lút dưới bóng cây Thánh-giá của các giảng-đường Gia-tô-giáo.

Thời-kỳ u-ảm này kéo dài đến 100 năm, rồi bỗng-dưng, trong lúc bình-minh của THẾ KỶ XVIII vừa chói-rạng, một thiếu-phụ trẻ-đẹp, vợ lẽ của một viên quan ở triều Mạc-Lê, trỗi lên giọng ngậm-nga trư-tình của một thiên-sầu-mộng. Lời CHINH-PHŨ khai màn cho một Thời-đại quốc-văn phồn-thịnh. Nói phồn-thịnh là tương-đối với các Thời-đại dĩ-vãng, chứ đa-số tác phẩm đều viết bằng Hán-Văn. Lịch-sử Văn-học riêng-biệt của ta chỉ góp-nhóp được mươi-lăm quyển, toàn là THƠ, PHÚ và vài TRUYỆN BẰNG THƠ, đôi bài VẦN-TẾ.

THẾ-KỶ XIX, trên Văn-đàn Việt-nam thuần-túy, cũng là một Nữ-sĩ chiếm một ghế ngồi độc-đáo. Nàng không đẹp, mặc rõ như đá ong, tính-nết lẳng-lơ, nhưng nàng là một nữ-sĩ tiến-bộ nhất, thông-minh nhất, Việt-nam nhất. Thế-kỷ XIX, Văn-chương và Tư-tưởng Việt nam bộc-phát khắp cả bờ cõi Tiên-Long, ở BẮC là Nữ-sĩ HỒ-XUÂN-HƯƠNG, ở TRUNG là NGUYỄN-DU, ở NAM là NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU, ba ngôi sao chói-sáng — hay là nói theo các nhà Thiên-văn-học là ba « Ngôi sao lớn bậc nhất — Etoiles de première Grandeur » — trên vòm trời « nhị-thập-bát tú » của Thế-kỷ XIX.

Nói « Nhị-thập-bát tú », tuy là mượn tìm danh-từ của Lê-Thánh-Tôn hồi 400 năm xưa, nhưng kể hết các Thi-nhân từ Hồ-xuân-Hương đến Nguyễn-đình-

Chiểu cũng vào khoảng 20 người, với trên ba chục tác-phẩm mà thôi.

THẾ-KỶ XX, mở đầu cho thời đại « Quốc-Ngữ », đã thay đổi khá nhiều. Đứa con hoang-thai vô thừa-nhận hồi thế-kỷ XVII, khai-sinh trong bộ Tự-Điển Dictionarium Annamiticum Lusitanum Latinum, tại thành La-mã năm 1651, đã lớn lên và ngẩng-nhiên, do trường-hợp ly-kỳ của Lịch-sử, được vào quốc-tịch Việt-nam và hoàn-toàn Việt-nam-hóa. Văn-chương và Tư-tưởng Việt-nam nhờ đó bỗng dưng phát-triển mau lẹ và mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Tuy-nhiên, kiểm-điểm lại diễn-tiến của Văn-học-sử Việt-nam, với một ý-thức hoàn-toàn khách quan, chúng ta nhận xét một điều rõ-rệt là mặc dầu có sự phát-triển rất đáng mừng của ba thế kỷ sau này, XVIII, XIX, XX, Văn học của ta VẦN CON NGHÈO NÀN. So với Văn-học sử của nhiều nước trên Thế-giới, Văn-học của ta còn sút kém nhiều, trên phương-diện phẩm cũng như lượng. Về tất cả các bộ môn : Thơ, Kịch, Truyện, Hồi ký, Ký-ức, Phê-bình, Phiên-dịch, Sử ký, Triết-học, Khảo-cứu, v...v... chúng ta đều chậm-trễ.

Một số người quá giàu lòng tự ái dân tộc, và hơi quá tự-cao tự-đại cho nói giòng Tiên-Rồng, cứ ôm khư khư một quyển KIỀU mà la to lên rằng « Văn chương Việt Nam đời-dào phong-phú lắm ! » Không ! Một quyển « Kiêu » của chúng ta đâu phải đủ để hành-diện với muôn ngàn quyển « Kiêu » khác của thiên hạ ? Chúng ta nên khiêm nhường một tý, có lẽ hay hơn.

Biết người, biết mình, mới có tiến bộ. N.V.

Kỳ sau : D. — Lý-do vì sao Văn học Việt-Nam không được phong-phú.

BÀI CA «NGÀY CHÚA NHẬT ÂM-U»

(Sombre Dimanche)



MỘT bài ca có cung mơ rêu-rất đậu vào cái u-buồn trầm-tịch có thể lắng chìm miên-mang

trong cõi lòng bao người. Một bài ca phá tan nếp sống hồn-nhiên để khơi lên niềm xúc-dộng khiến hơn 20 người đã chết vì bài ca, kể từ khi bản nhạc đó mới phát-hành đến khi bị cấm hẳn.

Vâng, phải cấm hẳn khúc ca giết người bằng văn chương, văn-chương trừ tình khiến người đọc sướt-mướt tán tụng tình yêu. Chúng ta không lạ gì từ giới thanh-niên, học sinh đến các thợ thuyền, quan-chức, dân đen đều có thể tự-tử vì nó bằng súng lục, bằng giòng nước. Họ đã thả hồn và đi sâu vào tâm sự nên thơ, say đắm trong những hương yêu nồng nặc của mối tình băng quơ lãng-

★ VÔ-BÁ-HÀI

mạn tạo bằng lý-tưởng, một khúc tình nước mắt mà tất cả những khách hào hoa đa-cảm đều đồng điệu theo nhịp-nhàng của cung đàn giọng ca.

Mới đầu chỉ một vài người quỳn-sinh, thiên hạ còn trông đợi sự ngẫu-nhiên nhưng từ từ trước mắt họ lại diễn thêm bao lần nữa. Bài ca có niềm xúc động mạnh mẽ đó lại được quảng-cáo qua các cửa miệng và nó vẫn bán chạy như tôm tươi, nguồn thơ thâm-nhiêm sâu đậm vào tâm tư mọi người ăn mòn trong khối óc, rạo-rực trong quả tim! Khi người ta đã thấy sự hiệu-nghệm sát-nhân của nó và cấm tuyệt nó đi thì đã muộn rồi!!!

Bài ca đó là bài « Chúa Nhật âm-u » (oh ! sombre dimanche) mà chúng tôi xin theo nguyên-văn

BÀI CA NGÀY CHÚA NHẬT

bản - dịch Pháp ngữ của báo Paris-soir.

« Chúa Nhật âm-u », đây tiếng nhạc bắt đầu rạo-rực trời lên theo làn gió, thanh âm vào thính quan mọi người. Ta hãy nghe cái « âm u » của ngày « chúa nhật » mà thi sĩ tài-hoa Javor tạo nên dư-khúc và nhạc-sur Seress đã phổ thành nhạc. Hai danh-nhân của thành Budapest đó vô tình là kẻ sát nhân đã giết hơn hai mươi mạng người đồng-điệu tại kinh-thành.

Đây bản Pháp-văn oh ! Sombre Dimanche :

OH ! SOMBRE DIMANCHE

Par ce sombre dimanche, les bras chargés de fleurs,
Je suis rentré très tôt dans ma petite chambre

Où pourtant je savais que tu ne viendras pas...

J'ai murmuré des chants d'amour et de douleur

Je suis resté tout seul et j'ai pleuré tout bas

En écoutant souffler le vent froid de décembre,

Sombre dimanche :

Je mourrais un dimanche où j'aurais trop souffert

Alors, tu reviendras, mais je serai parti

Des cierges brûleront tendrement comme l'espoir...

Pour toi, rien que pour toi, mes yeux seront ouverts

N'ate pas peur de mes yeux, s'ils ne peuvent te voir

Ils te diront que je t'aimais plus que ma vie

Sombre dimanche.

CHÚA-NHẬT ÂM-U

Chúa-nhật âm-u hôm nay,

Ta sớm đợi em,

Trong gian phòng nhỏ nhỏ

Muôn cánh hoa trong tay ta đành sẵn

Suốt cả ngày

Nhưng,

Ta hiểu rằng em không đến

Ta nguyện lời cầu tình yêu và đau-khổ

Ta cô đơn

Ta khóc lên và lắng nghe gió lạnh ngừng than tan-tát.

Em ơi !

Chúa-nhật âm-u sau cùng !

Lòng ta tràn đầy đau khổ

Ta sẽ chết vào ngày chúa nhật hôm nay

Em, xin em hãy đến cùng ta

Những ngọn nến, chốc quan-tát đưa anh vào cõi chết.

BÀI CA NGÀY CHỨA NHẬT

Như hy-vọng của anh.

Em hãy đến

Mắt anh sẽ mở để trông thấy em

Em đừng sợ-hãi đốt mắt anh.

Dù không thấy được em, nhưng

vẫn thăm nhủ rằng: ta yêu em

hơn suốt cả đời ta.

Ngày chúa nhật âm u sau cùng!

Hỡi những người bạn đa-cảm

của tôi ơi, có thể nào chúng ta

đọc mà tim lòng chúng ta không

thôn-thức! Khúc ca nước mắt

ràng-rụa tuôn tràn vào thành mi

tạo nên mối sầu vạn-kỷ!

Và đây là bản dịch bằng tiếng

Việt, chúng tôi xin trích đăng

(báo Ngày nay số 168). Báo Ngày

Nay đã dịch nguyên bản Pháp của

bác sĩ Paul Calolian (báo Les

Annales).

Hai bản Paul Calolian và báo

Paris-soir có khác nhưng về ý vẫn

giữ được nguyên vẹn, truyền-cảm

nên chỉ chúng tôi chọn bản dịch

tiếng Việt đã dịch sẵn ở báo

Ngày Nay để làm linh-hồn bài ca

vẫn trong sáng nhẹ rung theo nhạc

sâu cổ-điệu:

Ôi! Ngày chúa nhật âm-u!

Hôm qua chờ đợi em, ta vì em

dành sẵn

Trăm ngàn bông hương trắng

Với bao lời cầu-nguyện chan

chứa ở tâm hồn,

Nhưng điều tưởng nhớ bồi-hồi.

Ta đợi em hết sáng ngày chúa-

nhật

Cò sầu nào của lòng ta trở về

không mang em đến

Rồi từ ấy các ngày chúa nhật

của ta

Không ngày nào có ánh-sáng

Ta chỉ những ướng nước mắt

Và chỉ nuốt cỏ nổi đau lòng

Đến ngày chúa nhật sau cùng

của ta người yêu hỡi!

Xin em hãy đến cùng ta

Em sẽ thấy một cò săng, một cò

nhà táng với một tấm khăn liệm

Một cò săng phủ hoa dưới một

cây nở hoa

Đó là nơi ta yên nghỉ bước

sau cùng

Mắt ta sẽ mở để trông thấy em

Nhưng,

Mắt ta em đừng sợ hãi

Bởi vì trong cõi chết, ta vẫn

còn ơn em vẫn đã đến

Ngày chúa nhật sau cùng của ta.

Chúng tôi viết và sưu-tầm bài

ca trên với sự dè-dặt thường-lệ

và tin rằng nguồn rung cảm của

dân tộc phương đông nói chung

và Việt-Nam nói riêng không đến

mới phải lãng-mạn nồng cuồng

như làn sóng ngập tràn miền âu

mỹ và nhất là không quá nồng-nổi

táo - bạo như ở Hongrie vậy.

Chúng ta chỉ thường-thức hương-

vị của ngày « chúa nhật âm - u »

cũng như thường thức những khúc

ai-oán sầu thương của những tác

phẩm cổ Kim Việt-Nam mà thôi.

Khí giới sắc bén của văn-

chương! Trời, ai có ngờ đến

thế! Văn - chương giết được

người?!!

Chúng tôi lại nghĩ đến cái giết

người khác trong một tác phẩm

của Thế-Lữ (Lê - Phong phóng

viên) mà một nhân vật trong truyện

đã giết Mai bằng văn thơ « chơi

vui cảm-tác ».

« Muốn tìm tảng đá để thi... »

Khí giới nguyên tử giết được

người, văn - chương giết được

người. Cả hai đều là sát nhân?

Gớm quá nhỉ!



Tờ «Gazet Vant Geut» ở Bỉ là tờ báo chiêm ký lục về sống dai. Tờ này ra đời ngày 1 tháng giêng năm 1667 và chết vào ngày 1 tháng giêng năm 1937. V1 chỉ thọ được 270 tuổi.

Một bác-sĩ người Anh, sau khi khảo xét các bản thống-kê về số người điên trên vạn quốc, tuyên-bố rằng đến năm 2139, trên trái đất này toàn là người điên.

Đi từ so sánh năm 1859 trong 535 người tỉnh thì có một người điên; năm 1897 trong 312 người tỉnh thì có 1 người điên; năm 1936 trong 150 người tỉnh thì có 1 người điên; như vậy đến năm 1977 cứ trong 100 người tỉnh thì có 1 người điên, và đến năm 2139 thì tất cả người ta trên trái đất sẽ điên hết.

Không thấy bác-sĩ ấy bảo, có phải số người điên càng ngày càng tăng là tại con người càng ngày càng «văn-minh» chăng?

VỤ ÁM SÁT

Phụ Chánh

TRẦN TIÊN THÀNH

★ MINH-CAO



Ông Vương-Đức - Hà trong tạp-chí Phổ-Thông số 20, dưới đầu-

đề « Bèn là lịch-sử : Mượn cái đầu » (trang 25, 26 và 27) có nhắc đến vụ ám-sát Trần tiên Thành (cuối tháng 11 năm 1883), nhưng vì ông căn-cứ theo tài-liệu sơ-sài như Báo Trung-Nhật chửi-tranh nên bài ấy có phần sai sự thật, có nhiều điều thêm thối làm chết của một vị trung-thần như Trần tiên Thành, tưởng như đã bị

tiểu-thuyết-hóa.

Nay tôi xin theo tài-liệu lịch-sử chính-xác kê nhau :

1) *Tiểu-sử Văn-Nghị-công Trần-tiên Thành* (1) của Đào-duy Anh đăng trong Tạp-chí Huế-thành hiệu-cổ (*Bulletin des Amis du Vieux Huế*), số 2. Tháng 4 năm 1944 ;

2) *Đại-Nam chính-biên liệt truyện, nhị-tập*; thuật lại vụ ám-sát này cho đúng với sự-kiện lịch-sử, một cách khách-quan.

Như chúng ta đã biết, Nguyễn

(1) *Les grandes familles de l'Annam : S. E. Trần-tiên-Thành.*

MỘT TRANG LỊCH-SỬ BI ĐÁT

văn Tường và Tôn-thất-Thuyết tự ý phê vua Dục-Đức mà không cho Trần-tiên Thành biết, đầu ông đứng đầu Triều. Trong buổi họp Đình-thần, Trần-tiên Thành lớn tiếng phản-đối làm Tường và Thuyết phải bực-tức. Khoa-đạo Phan Đình-Phùng cũng đứng lên thẳng-thẳng phê-bình thì bị bắt trói giữa Triều, trước mặt bá-quan.

Buồn thấy mình lẻ-loi, Trần-tiên Thành xin từ-chức Thượng Thư Bộ Binh mà ông giữ luôn gần 20 năm không thôi được, tuy tuổi đã 70, vì vua Tự-Đức không thuận cho. Trần-tiên Thành chỉ còn giữ chức Tổng-tài Quốc-sử-quán mà thôi. Thuyết được cử lên thay Thượng-thư Bộ Binh làm cho uy-quyền của Tường và Thuyết càng tăng thêm.

Lúc bảy giờ Hiệp-Hòa được tôn thay vua Dục-Đức. Dầu còn nhỏ tuổi, Hiệp-Hòa cũng tỏ bất-bình về thái độ của Tường và Thuyết nên tìm cách trừ bỏ đi. Hiệp-Hòa thường tỏ nỗi thối-mắc của mình với Tham-bien Hoàng-Sâm (1) và Tham-tri

Hương-Phi (2) được vua tin cậy. Hai ông này làm mật-sớ xin xử tử Nguyễn-văn-Tường, trong sớ nói việc này « đã được Phụ-chánh Trần-tiên Thành ý hiệp ». Việc bại lộ, vì Nội-giám Phạm Tác làm phản, mách lại với Nguyễn-văn-Tường.

Tường và Thuyết đối-phó ngay bằng cách hội Đình-thần để ký vào Phiến xin truất-phế Hiệp-Hòa. Trần-tiên Thành không đến họp, vì cáo bệnh về ở nhà riêng ở Chợ Dinh. Nhưng Tường và Thuyết cũng phái người đến xin ký vào Phiến ấy. Trần-tiên Thành không những từ-chối không ký, lại phê vào giấy : « Phế lập là việc tối quan trọng, sao lại có thể tái-diễn luôn như vậy ? Tôi đã về hưu nên không dám dự bàn ».

Biết trước hậu-quả của thái độ trung-trực của mình, Trần-tiên Thành lo sắp-đặt việc nhà, cho gia-quyển về trốn tại chánh-quán là làng Minh-hương, trong nhà chỉ giữ lại người thiếp tên là Lê thị Như và vài lính hầu.

(1) con Tuy-Lý vương

(2) con Tùng-Thiện vương

Hiệp-Hòa bị phế và buộc phải uống thuốc độc tự-vẫn. Đêm 30 tháng 10 âm-lịch, Thuyết lại sai đội *Phấn - Nghĩa* do *Hương-Hàng*, *Hương-Chức* và *Hương-Tế* chỉ-huy kéo đến nhà *Trần-tiến Thành* ở *Chợ-Dinh*. Nhà này theo kiểu xưa, trước có ba căn, làm phố buôn bán. Căn giữa có cửa bằng thông ra nhà ngang. Nhà ngang có gác thấp. Bốn phần-nghĩa bố-trí ngoài đường, chỉ độ mười người vào gõ cửa, mạnh đến nỗi các nhà lân-cận đều thức dậy tưởng là quân cướp. Trong nhà không chịu mở, họ phải cạy cửa mới vào được. Một tên đi trước mang tráp đồ sơn son thếp vàng (thường dùng đựng *Chiếu*, *Chỉ*), người chỉ-huy ngó lên gác la to :

« *Có Chiếu Chỉ cho mời Tướng-công vào Triều gấp.* »



★ THĂM THAI

Bà có bầu : Bẩm bác sĩ, theo như cái thai này thì tôi sẽ sanh con trai hay con gái ?

Bác sĩ : Ấy, cái thai này của bà mang chứ có phải của tôi đâu mà tôi biết.

— !!!

LINH - ĐĂNG

Trần-tiến Thành nghe nói ngồi dậy choàng áo đen, và bước xuống thang gác, tay trái vin vào vai *Lê thị Như*. Xương khỏi thang, tay còn mắc gài khuy áo dài chưa xong thì *Thành* bị đâm nhiều mũi giáo. *Lê thị Như* lạnh lẽo muốn che đỡ cho chồng nên bị đâm ở tay mặt.

Đó là sự thật về vụ ám - sát *Trần-tiến Thành* kể lại theo tài-liệu lịch - sử chính - xác và tập « *Minh-hương Trần - thị Thế-Phổ* » mà tôi được hân - hạnh nghiên - cứu thêm. Như vậy những điều : « *Mượn cát đầu của Tướng - công... Nàng hầu-vung kiếm lên..., thương - thức thêm vài điều thuốc nữa...* » mà *Ông Vương đức Hà* đã thuật lại cho chúng ta, tuy có phần vui lạ nhưng tiếc lại không đúng sự thật.



(Tiếp theo P. T. số 25)



là bản thể của tinh thần vui vẻ cổ truyền. Chỉ riêng hơi Nam là chịu ảnh hưởng trực-tiếp của âm điệu *Chiêm-Thành*, và người *Chiêm-Thành*, trong thuở nước mất nhà tan, không thể nào cảm lòng mà không phát-lộ ra những lời ai oán được.

Đó cũng chỉ mới là một lẽ, sui khiến lối ca Huế có những điệu *âu-sầu*, thốn-thức *nhớ-nhung*. *Lê thứ hai* có thể là một hiện-tượng tâm-lý.

Lúc người Bắc theo Chúa -

★ TCHYA

Nguyễn vào Nam, thì tâm-trạng cũng chẳng khác gì tâm-trạng của những kẻ di-cư, phút chốc phải lìa nhà xa cửa. Đi qua sông *Giang* để vượt *Trương nhà Hồ* mà vô *Phú-xuân*, những phần-tử di-cư trong thời *Lê-Trịnh* làm sao tránh khỏi nỗi bùi ngùi thương tiếc, trông về quê xưa mà chẳng mũi lòng. Nỗi nhớ-thương dần dần xâm chiếm tâm-hồn, rồi biểu lộ ra lời nói.

Chẳng cứ gì điệu *Nam-Bằng Nam-Thương* mới lâm-li khác-khoài, đến cả những điệu hát ru em, những điệu hò mái nhì mái dấy, cũng vẫn áp-ủ mỗi *đa-sầu đa-cảm* của những khách tha-hương vô vô một phương trời.

Nhưng, dù ở một phương-

trời xa lạ, con người vẫn không làm sao quên được ái-tình. Ái-tình nảy-nở và phát-triển bất-luận ở phương Trời nào, xui khiến những thanh-niên thiếu-nữ gặp nhau thì trao đổi những lời gắn-bó. Do sự trao đổi đó mà nảy ra những câu «lý giao-duyên», ngộ nghĩnh và âu-yếm :
Mưa lâm-râm ướt đầm bông

*huê tảo,
 Anh cảm thương cô mình mặc áo vá vai,
 Ôi nường nường ôi !
 Anh cảm thương cô mình mặc áo vá vai.*

Điệu hát lý đó là một điệu đặc biệt phát-xuất từ xứ Thần-Kinh. Lý giao duyên, lúc đem ra áp-dụng cho các loài hoa, thì hóa ra một nhạc khúc đa tình hết sức:

*Bách huê đầu dãi tuyết sương,
 Huê lan huê cúc anh thương huê nào ?
 Anh cảm thương huê mạn huê đào,*

*Còn bông huê lý biết vào tay ai ?
 Xin chàng đừng thắm chớ phai
 Thoảng thoảng huê nhạt mà lại thơm lâu.*

Em thương nhớ chàng trăm thăm ngàn sầu

Điệu ca Huế có một thú thanh nhã chẳng kém gì điệu hát a-dào. Duy có điều là chúa Nguyễn mãi lo công việc khai khẩn đất đai, nên không có thì giờ nhàn-rỗi mà ngồi thưởng-thức ca hát bằng tiếng trống chầu quý-phái. Thành ra, trong lối ca lý Huế không có trống chầu như những môn nghệ-thuật cổ.

Nghệ-thuật không có bờ bến, và không có xứ sở, nên ca Huế đi mãi, tiến mãi, vào tới Nam để biến ra ca Cải-lương. Cách đây 30 năm về trước, ca Cải-lương cũng chỉ là một lối hát chơi-bời thanh lịch mà thôi, nhưng dần-dần Ca Cải-lương tự biến cải để thành ra một nghệ-thuật sân-khấu.

Muốn biến ra nghệ-thuật sân-khấu, Ca Cải lương hóa ra hát Cải lương, và phải bỏ buộc bất-chước bộ điệu hát tuồng để thành ra một thứ ca Vũ-Kịch nửa tân nửa cựu.

Về phương-diện Thi-văn, Kịch Cải-lương lấy những âm-điệu của cổ nhạc Huế, biến thể đi cho thích-hợp với lòng thị-hiếu của thời nhân. Những bản

cũ như Lưu-thủy, Hành-vân, vẫn được duy-trì, nhưng các ông «thầy tuồng» lại đặt ra những nhạc khúc mới nữa, như Vọng-cổ hoài-lang, Tứ đại oán, Văn-thiên - Tường, Tây - Thi, Bình-bán v.v...

Các nhạc khúc đó, buổi ban đầu, rất ngắn-ngủi và lạnh-lẹ. Bài Vọng cổ ngày xưa mới thoạt vào, chỉ có những câu rất vắn-tắt :

*Từ đưa phu tướng,
 Bảo kiếm sắc phong lên đàng,
 Vào ra lưỡng trông tin chàng,
 Năm canh mơ-màng...*

Ngày nay, cách chưa đầy nửa thế-kỷ, bài ca đó đã kéo dài từ 4 nhịp ra 32 nhịp, và âm-điệu cũng buồn rầu áo-não chẳng kém gì âm-điệu của những khúc Nam-Ai, Nam Bằng.

Tuy nhiên, ngoài bài Vọng-cổ ra, còn nhiều điệu khác nữa. Hát Cải-lương là một nghệ-thuật đang tự tìm tòi và đang muốn tiến-hóa, vì nghệ-thuật đó ra đời chưa được bao lâu.

Giữa khi hát Cải-lương đang được thể ưu-tiên, vì làm lu-mờ được môn hát tuồng, thì bỗng gặp phải một địch thủ tân-tiến. Địch thủ đó là hát Cải-cách, và

kịch thơ.
 Kịch thơ hiện thời không được thịnh-hành bằng hát Cải-cách. Các điệu hát Cải-cách này là những khúc điệu, phổ vào một thứ âm-nhạc mới. Âm-nhạc mới này, cũng như thơ mới, là âm-nhạc Tây-phương, nhưng chế-biến đi cho hợp tinh-thần và tính-cách của dân-tộc Việt-Nam.

Nếu thơ mới là một thể thơ đang cố gắng đạt tới một hình-thức hoàn toàn mỹ-mãn, đánh dấu thời-đại giao-hòa giữa Đông phương và Tây-phương, thì ca nhạc mới cũng là một nghệ-thuật đang dò-dẫm tìm đường, ngõ hầu thoát ly khỏi nền-nếp bó buộc của thời xưa để bước vào một cuộc sinh-tồn khác, có nhiều tương-lai và triển-vọng rực-rỡ huy-hoàng.

Dù muốn, dù không, một khi hai nền thơ mới và ca nhạc mới đã ra đời, thì cả hai đều phải cố gắng để trưởng thành, rồi cố gắng mà tồn tại.

Đó là điều mà tất cả mọi người Việt-Nam đều muốn như vậy, và chúc như vậy, nhưng nền Thi-Ca Việt-Nam rồi đây tiến tới trình-độ nào, chỉ có Tương-Lai mới có thể trả lời được.

HỒI KÝ

Một Đời Người

THIỆU-SƠN

PHẦN THỨ HAI

VII

VÀO ĐẢNG XÃ-HỘI

(Tiếp theo P. T. số 25)

Từ lâu tôi đã nghe nói ở bên Pháp có Đảng Xã-Hội yêu công - lý, trọng nhân-đạo và hay binh-vực những nhà ái-quốc Việt-Nam. Như nghị-sĩ Moutet đã can thiệp ở Nghị-trường đòi thả cụ Phan - châu-Trinh, như toàn-quyền Varenne đã ân-xá cụ Phan-bội-Châu đều là đảng - viên Đảng Xã - Hội Pháp. Tôi còn nghe nói hồi đó có Chi-Bộ Xã-Hội Pháp ở Hà-nội do giáo-sư Louis Caput lãnh-đạo kết - nạp được nhiều đảng-viên Việt-Nam và hoạt - động khá lắm.

Nhưng ở Saigon tôi chưa

thấy mặt ông Tây Xã-Hội nào. Sau những cơn khói lửa đầu tiên ở Saigon tôi nghe tin có nhiều người Pháp bị sát-hại hoặc mất-tích trong đó có 2 ông Tây Xã-Hội mà tôi không còn nhớ tên.

Rồi có tờ báo Pháp xuất-bản ở Saigon lấy tên là *Justice* (Công-ly). Hai số đầu *Justice* mạt-sát những kẻ sát-nhân không tiếc lời và than-thở về cái chết của 2 ông Tây Xã-Hội, những người đã thành-thật yêu - mến dân-tộc Việt-Nam, những người luôn luôn phục-vụ công - lý và nhân-đạo v.v... Tôi thấy giọng

MỘT ĐỜI NGƯỜI

điệu của *Justice* cũng không khác gì giọng-điệu của thực-dân.

Nhưng qua số 3 thì *Justice* thay đổi hẳn lập trường và giọng-điệu. Nó chủi thực - dân mạnh mẽ và qui-tội cho thực-dân phải chịu trách - nhiệm về những cuộc đổ máu ở Việt-Nam.

Nó kêu dân-tộc Việt-Nam là dân-tộc anh em và kêu cuộc xung-đột Pháp-Việt là huynh-đệ tương-tàn v.v...

Tôi đọc liên-tiếp nhiều số và đâm ra say - mê *Justice* và say-mê luôn cái Chi-Bộ Xã - Hội Pháp ở Sài-gòn.

Tôi cùng vài người bạn Việt Nam tìm kiếm họ vừa lúc họ cũng đương tìm kiếm những đồng chí Việt-Nam.

Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau ở Hội quán Hội Bắc-Kỳ Ái-hữu vào khoảng tháng 12 năm 1945.

Có lối độ 5, 7 ông Tây Xã-hội và không đầy nửa chục người Việt-Nam. Người ta giới thiệu ông Tổng Thơ-ký Chi-bộ là ông Valère, một ông Tây đen người xứ Martinique.

Ông Tổng thơ ký nói qua về

chủ-nghĩa Xã-hội, về Đảng Xã-hội Pháp, về lập trường của Đảng xã-hội là ủng-hộ phong-trào giải-phóng của dân tộc Việt-Nam. Rồi có nhiều ông khác thay phiên nhau nói. Tôi cũng ngửa miệng hỏi các ông :

« Tôn chỉ và mục-đích đảng xã-hội như thế là đẹp lắm. « Nhưng các ông là người Pháp, « chúng tôi là người Việt-Nam. « Nay các ông ủng-hộ chúng tôi. Mai một các ông bỏ rơi « chúng tôi, chúng tôi cứ theo « các ông riết thì chúng tôi mới « trả lời ra sao với đồng bào « của chúng tôi sau này ? »

Ông Tổng thơ ký trả lời :

«Nói là đảng Xã-hội Pháp cho-gọn chữ thật ra nhưng thật ra chỉ là một chi bộ Pháp của quốc-tế Lao-động (Section française de l'Internationale ouvrière) (1) gọi tắt là S.F.I.O.

Vậy thì đây là một đảng quốc-tế, chủ nghĩa tuy một nhưng lập-trường có thể thay đổi khác nhau tùy theo hoàn cảnh mỗi nước.

(1) *Bây giờ quốc-tế Lao động đã đổi thành quốc tế Xã hội (Internationale Socialiste)*

Khi mà lập trường của các đồng chí Việt Nam cách biệt với lập trường của đảng bộ ở Pháp thì các anh có thể cứ tranh-đấu trên lập trường của các anh, hoặc xin ra khỏi đảng hay xin thành lập một Chi-bộ Việt-Nam độc-lập liên hệ thẳng với Quốc-tế Lao động."

Tôi bằng lòng xin gia nhập đảng và từ ngày 15-12-1945 tôi được chánh thức kếp- nạp vào Đảng Xã-Hội Pháp.

Tôi kiểm đọc những sách, báo Xã-Hội, tôi viết báo Justice và thấy lòng say-sưa với một đạo-lý mới, rộng-rãi hơn, cao đẹp hơn cái đạo-lý « độc - thiện kỳ-thân », trốn trong Tháp Ngà để trau dồi nhân-cách.

Chủ-nghĩa Xã - hội đặc - biệt chú-ý tới những người đói cơm, rách áo, bị bóc lột và bị áp bức. Nó cũng chú - trọng mỗi dân-tộc có quyền tự-quyết, mỗi quốc-gia có quyền đòi độc-lập. Nhưng hết thấy mọi người đều nên thương yêu nhau, coi nhau như anh em một nhà và giúp đỡ lẫn nhau chống với Tư-bản chủ-nghĩa (và những hình-thức khác

của nó là Thực-dân và Đế-quốc chủ-nghĩa.

Như thế thì không còn nên chia loài người ra làm 2 hạng : hạng quân-tử và hạng tiểu nhân. Quân-tử phải chăng là bọn chủ-nhân-ông, bọn tư-bản của thời phong-kiến ? Tiểu - nhân phải chăng là những người làm tôi-mọi cho bọn quân-tử nói trên ?

Chủ-nghĩa xã-hội muốn thiết-lập một chế-độ xã-hội công-bằng, nhân-đạo không có cảnh người bóc-lột người.

Cổ - nhiên là người xã - hội chọn - chánh không thể về phe với thiểu-số thực-dân để áp-bức bóc-lột cả một dân - tộc đương quyết liệt tranh-đấu cho độc - lập và tự-do của mình.

Ngoài ra tôi còn nhận thấy ở các đồng-chí Pháp một cái gì khác hẳn với thực - dân. Họ giản-dị, họ thẳng - thắn, họ có tình, có nghĩa, không kỳ - thị chủng-tộc, không phân-biệt màu da và nhiều khi họ dám hy-sinh cho lý-tưởng một cách gan-dạ vô cùng. Những chuyện đó, thủng-thẳng sẽ nói sau.

VIII

TÔI KHÔNG THÈ

Dầu đối với chính-quyền cách mạng tôi không tín-nhiệm lắm, nhưng cuộc cách-mạng giải-phóng được nhân dân ủng-hộ nhiệt-thành thì tôi thấy lòng tôi cũng nghiêng về với nhân-dân.

Hơn nữa tôi đã thè trước bàn thờ Tổ quốc là không cộng-tác với thực dân thì tôi cũng muốn giữ trọn lời thề. Mỗi ngày vợ tôi phát cho tôi 5 các uống cà-phê. Sau tôi xin thêm được 5 các nữa mua báo. Tôi khó chịu về sự nghèo túng của tôi thì ít nhưng khổ tâm vì sự vất vả của vợ con nhiều hơn. Con tôi ngồi bán thuốc hút ở đầu đường và mỗi ngày cũng kiếm được ít đồng về góp cho mẹ. Riêng tôi, chẳng làm được nghề ngỗng gì để kiếm ra tiền. Chẳng lẽ lại viết bài cho mấy tờ báo Tương-lai, Phục Hưng là những tờ báo do thực dân bỏ tiền ra mượn vài ký giả thiếu lương tâm để chửi lại Kháng chiến ?

Lâu lâu vợ tôi lại mót đờ

trong nhà đem đi bán để đóng gạo.

Tuy nhiên, sự túng thiếu chưa lung lạc được lòng tôi. Điều đáng sợ là lâu lâu lại có thông-cáo của nhà cầm-quyền Pháp kêu gọi và định kỳ hạn cho công-chức phải trở về làm việc. Có những người thân Pháp tới tận nhà tôi khuyên tôi phải đi làm việc không thì sẽ bị khủng-bố. Mọi đầu tôi còn coi thường nhưng sau tôi không thể coi thường được nữa. Lâu lâu lại có những cuộc «bổ, ráp», hề không có giấy tờ của nhà chức trách cấp phát thì bị bắt, bị giam, khổ lắm, chịu không nổi.

Tôi đành phải lổi thề mà ra nhà giấy thép chánh trình-diện.

Một ông Tây mới hỏi qua lý-lich tôi rồi nói :

— Anh bằng lòng trở lại làm việc với chúng tôi, phải không ?

Tôi đáp :

— Không phải. Các ông ra thông cáo hẹn ngày giờ cho chúng tôi phải tới trình diện thì tôi buộc lòng phải tới theo mạng lệnh của các ông. Nhưng nếu ông đã đủ người giúp việc thì

tôi vui lòng lui bước chứ không xin làm lại với các ông đâu.

Rồi người ta trả lời rằng người ta cần dùng tôi và tôi phải trở về chỗ cũ tức là nhà giấy-thép Gia-Định.

Về sở cũ tôi gặp lại những bạn đồng-sự hầu hết đã lục-tục kéo về trước tôi.

Ngồi trong sở ngó ra đường phố còn vắng hoe, lâu lâu mới có 1, 2 người khách hàng lui tới, tôi cảm thấy tủi hổ trong lòng. Vậy mà cuối tháng lãnh lương đủ, lâu lâu lại lên lương và lãnh truy cấp (rappel), phong hậu ghê.

Sự tủi hổ lần lần phai lạt nhưng rồi nó lại có dịp trở lại cắn rứt lòng tôi.

Sau khi chánh-phủ tự-trị của Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thỉnh bị lật nhào và kết-liệu bằng cái chết đau thương của ông thì Bác-sĩ Lê-văn - Hoạch lên thay thế để lãnh-đạo chánh - phủ bù - nhìn « Nam-kỳ-quốc ».

Mà không bù nhìn sao được khi bộ máy cai-trị vẫn hoàn-toàn nằm trong tay người Pháp,

cả đến ông chủ Tỉnh cũng vẫn là người Tây.

Thủ-tướng Hoạch buộc toàn thể công-chức người Việt phải thế trung-thành với Chánh-phủ của ông. Ở Gia định thì tập trung tại Tòa bố để thế.

Tôi hỏi ý kiến anh em đồng sự thì anh nào cũng riu-riu thi-hành mạng lịnh. Tôi không dám can anh em và cũng không dám trách anh em. Nhưng lương-tâm tôi cũng không cho phép tôi làm y như anh em. Nên tôi thảo liền một lá đơn từ chức và quay điện thoại nói với ông Trưởng-phòng nhân viên về lý-do từ chức của tôi. Rồi tôi không đi thế.

Ông Trưởng-phòng Nhân-viên là một ông « Tây mới », một người Pháp dân chủ. Ông tên là Georges Kling. Ông nghe tôi trình-bày hết lý-lẽ của tôi: Tôi đã thế một lần rồi mà tôi không giữ được vì bắt buộc phải trở lại làm việc với người Pháp, lần này tôi không thế nữa vì sợ cũng không giữ được lời thế như lần thứ nhất. Và lại, tôi nghĩ rằng làm việc là bán sức-khoẻ, bán ngày giờ, vận dụng khả năng mình để kiếm đồng-

lương chứ không phải bán linh-hồn cho chủ, v.v... Ông gật đầu tỏ ý tán thành và nói : « Anh làm ở một công sở liên-bang, không trực-thuộc chánh-phủ tự-trị Nam kỳ, họ không có quyền bắt-buộc anh phải làm những việc như thế. Như vậy thì anh không còn lý-do xin từ chức. Nếu chủ tỉnh làm khó dễ anh thì anh ra Saigon làm việc với chúng tôi ».

Thế là tôi khỏi phải xin từ-chức và cũng khỏi phải thế.

Tôi còn đem việc này nói với các bạn đồng chí trong Đảng Xã hội thì các anh cũng bất-bình. Một phái đoàn Xã hội được thành lập để đưa tôi lên phản-kháng với Ủy viên cộng-hòa hồi đó là ông Torel, một cựu công-sứ đã làm việc ở Cao nguyên Trung kỳ.

Ông Torel có bản mặt thực-dân rõ-rệt, thương không vô. Sau khi đã nghe lời phản-kháng của chúng tôi, ông nói :

« Tự-do dân chủ tốt đẹp thật nhưng chỉ có thể áp dụng ở những nước văn-minh, chứ ở Đông-dương dân chúng còn lạc

hậu cần phải có chánh-sách mạng-linh thì họ mới tuân theo. Tôi đã cai-trị bọn Mọi ở vùng Cao-Nguyên và đã rút được nhiều kinh-nghiệm. Họ chưa tới trình độ biết xử - dụng tự - do. Bàn-hành tự-do cho họ tức là cho họ một thứ khí-giới mà họ không biết xài, rồi họ lạm dụng mà làm rối trị - an hay làm hại đời họ v.v... »

Tôi trả lời : « Nghĩa là ông coi dân-tộc Việt - Nam cũng như những người Mọi của các ông. »

Các đồng-chí Pháp thay phiên nhau cho lão thực-dân đáng ghét này những bài học đích-dáng về tự-do và dân-chủ. Tôi được làm chứng một cuộc tranh-luận hào-hứng giữa hai hạng người Pháp và tôi càng thấy rõ ai là bạn, ai là thù của ta trong cuộc cách-mạng giải-phóng này.

Ít ngày sau tôi được lịnh thuyên - chuyển ra Sài-gòn làm việc và còn có dịp nói tới Georges Kling.

(Còn nữa)

Thơ PHAN - KHÔI

CÁCH đây mấy mươi năm, và mãi đến bây giờ, trong làng văn, làng báo xứ ta, người ta chỉ biết ông Phan Khôi là một « nhà văn », chớ ít ai biết ông Phan-Khôi « nhà thơ » vì ông không hay làm thơ. Ông sợ-trường về loại văn nghị-luận, biện-bác, khảo-cứu, với một lối hành văn danh thép, già dặn và một lý-luận cứng rắn, vững vàng. Bài của ông được đăng rải-rác trên các báo - chí nổi tiếng Nam-Trung-Bắc.

Hồi còn bình-bút cho tờ « Phụ Nữ Tân Văn », có lần ông đã cao-hưng đề-xướng ra lối « thơ mới », cũng gọi là thơ « tự do » làm sôi-nổi dư - luận một dạo. Ông hăng-hái đã-kích lối « thơ cũ », cho là bị gò - bó trong khuôn-giới chật-hẹp và bị niêm-luật chi - phối nên không thể « nói » hết tư-tưởng mình. Ông chủ-trương làm thơ « tự do », bất chấp cả niêm - luật, cũng

* MINH KHA

không cần hạn - chế số câu, số chữ, chỉ cốt « ăn văn » là được.

Ông mạnh dạn đưa ra một bài thơ làm mẫu - mực cho loại « thơ mới » ấy, nhan đề là « Tình già » mà tôi rất tiếc, chỉ nhớ được có đoạn đầu :

Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa
mưa.

Dưới túp lều tranh, trong
gian nhà cũ.

Hai mái đầu xanh, kề nhau
than-thở.

Rằng : Đôi ta tình thương thì
vẫn nặng,

Nhưng lấy nhau thì hẳn là
khôngặng.

Nếu sớm biết phải xa nhau
Thà trước liệu mà buông
nhau...

Người đầu tiên hưởng - ứng lối « thơ mới » của ông Phan-Khôi, là cô Nguyễn - thị - Kim

biệt hiệu Manh - manh Nữ - sĩ. Kể đó là ông Hồ-văn-Hảo, cả hai đều là ký giả báo Phụ Nữ Tân-Văn thời bấy giờ.

Ông Phan-Khôi đáng gọi là người đã mở đầu cho lối « thơ mới », theo quan - niệm « thơ mới » lúc bấy giờ.

Tuy ông là người tham - gia sốt-sắng phong-trào « thơ mới » nhưng oái-oăm thay, bài thơ của ông, được người đời truyền tụng nhất lại là một bài thơ làm theo « lối cũ » tức là theo thể thất ngôn, bát cú, Đường luật. Còn bài « thơ mới » của ông (Tình-già) thì người ta chỉ đọc lên để... cười chơi, vì nó chỉ là một bài vè, không chứa đựng một chút « thi vị » nào cả.

Bài « thơ cũ » của ông, nhan đề là « VIẾNG MỘ LÊ-CHẤT », nguyên văn như sau :
Trần - quốc, Bình - Tây tiếng
mấy thu,



* AI MUỐN MUA VỢ ?

Một lão ở Diyarebakir (Ankara) vừa « ra giá » ai muốn cưới con gái lão phải nộp số bạc 150.000 quan mỗi kỳ lô tính theo sức nặng « cô » (lối 2 triệu quan) và một lão khác ở Ayalik đòi 2 livres 50 đồng mỗi năm tuổi. Cậu nào muốn cưới thì trả tiền để lấy... hóa đơn.

Ấy hoa mờ cỏ, sắc âm-u.
Chim gào hồn sót, xuân âm-l
Hùm thét uy lưạ, gió vụt-vù.
Ấy dưng, ấy trung là thể-thế,
Mà nhân, mà nghĩa ở mô-mô ?
Cát chuyện anh - hùng ai nhắc
nữa,
Hồ tây vắng-vắng tiếng chuông
bu...

Điều đáng chú ý là trong thơ, ông dùng nhiều tiếng miền trung (quê ông ở tỉnh Quảng - Nam) như « uy lưạ », « mô - mô », « tiếng chuông bu », cũng như trong bài « thơ mới » trên kia, ông dùng toàn tiếng « nôm », cố giữ cho bài thơ có vẻ « bình dân », giống như những câu « ca-dao » từng được phổ biến trong dân chúng. Điều đáng chú ý nữa là hai câu kết của bài thơ này (câu thứ 7 và thứ 8) cũng sai niêm luật, lại chứng tỏ rằng ông Phan - Khôi không phải là một Thi - sĩ « chánh hiệu » !

CHUYỆN NGẮN

PHÓNG
DỊCH

Người

hóa Cọp

Nguyên tác Pháp-văn của
NGUYỄN - TIẾN - LANG

* HÀ LI HẢI N. T. dịch



XU A kia,
Nghệ - An
là một xứ
rừng - rú
thác ngàn,
nên mới có
câu ca dao:
«Yêu em

anh cũng muốn vô,

Sợ truông nhà Hồ, sợ phá
Tam-Giang».

Một buổi chiều nọ, một quan
Ngự-sứ được vua phái qua tỉnh
này. Theo ông có rất nhiều quân
hộ vệ. Khi đến thấy cánh rừng
âm-u thì ngựa nhảy lồng lên,

hí dãi vì sợ hãi và không
chịu tiến nữa. Và sự
kinh-sợ len mạnh vào
những người hầu-vệ.

Quan Ngự-sứ thúc
ngựa lên, con vật chỉ
hục hặc. Ông liền hỏi
quân lính. Người già
nhất trong đoàn thưa :

— Thưa quan ngài,
ấy là vì ông Ba mươi
đấy. Vì ông Cọp đen
đấy. Ông sống trong
rừng này đã lâu lắm rồi.
Ông reo-rắc sự sợ hãi
cho mọi người và loài
vật nữa. Không một ai

dám qua vùng này một mình...
những kẻ đến đây đều dừng
lại để chờ đông người mà
nhập đoàn.

Và tất cả xôn-xao :

— Thật là khủng khiếp. Vàng,
chính là sự thật !

— Thưa quan ngài, đó là
những điều tai chúng con nghe !

— Thưa quan ngài, đó là
những điều mắt chúng con thấy !

Quan Ngự-sứ la lên :

— Con hổ hỗn xược !

Và, ông xuống ngựa bước bộ
đến rừng. Mọi người thấy ông
quá liều mạng đều run lên,

NGƯỜI HÓA CỌP

hai hàm răng càm-cạp. Nhưng
ông, đến mép rừng ông ngừng
đầu lên và cất tiếng gọi to phá
tan sự im lặng ghê sợ :

— Ta, là người đại diện của
Hoàng đế được phái thi-hành
công việc cho nước nhà. Hoàng
đế là chúa tể của thần thánh,
của mọi người, cả loài vật, cả
non, cả nước. Có phải người
là con vật làm trở ngại sự thi-
hành mệnh-lệnh của nhà vua
không ? Ta gọi người, ta là
Nguyễn văn Phạm quan đại thần
có nhiệm-vụ xem xét việc cai-trị...

Từ trong rừng sâu, một giọng
người, hình như có vẻ vui-
mừng lắm nhảy vọt ra :

— Ô, bạn tôi. Ô Nguyễn-
văn Phạm, cứ-nhân năm Mão
của làng Hội. Anh tìm tôi sao ?
Vậy con hổ biết nói sao ?

— Chính ta, quan Ngự-sứ
trả lời. Nhưng người là ai, là
hổ hay người. Ô, người bảo ta
là bạn người sao ?

— Con hổ ấy chính là người,
mà là bạn đồng học của anh, ò
anh tôi. Anh có muốn nghe
tôi không ?

Quan Ngự sứ nghe :

— Anh ơi ! Đây là tất cả sự

thật ! Tôi ở đây thường nhớ
tới anh, tới sự rủi ro của kỳ-
thi mà nó đã đưa anh lên đài
danh vọng. Tôi từ già trưởng
thì tìm đường trở về nhà lòng
tủi nhục. Song trên đường về, tôi
thấy không còn can đảm về lại
quê hương nữa. Tôi muốn tiếp-
tục cuộc viễn du của tôi. Từ tỉnh
này sang tỉnh khác, tôi vẫn sáng
tác thi văn, tôi đã đi khắp Nghệ-
An. Một ngày nọ, khi mặt trời
thiếu đốt con đường cực-độ, tôi
ngồi dưới bóng mát. Một chúng
đau đầu rừng rợn ôm lấy màng
tang tôi, rồi sự chóng mặt kỳ-
lạ làm cho tôi thấy mọi vật quay-
cuồng trước mặt tôi. Một ngọn
lửa tàn phá trong mạch máu tôi
và tôi tưởng rằng tôi đã trở-
nên điên. Tôi ném mình vào
nơi hẻo lánh nhất trong rừng.
Tôi ngất đi ở đấy, trong một
cơn mê kéo dài đến rất nhiều
ngày. Lúc tỉnh dậy, tôi khát nước
quá và rồi lang thang tìm suối.
Khi nhìn hình mình trong nước
tôi xiết bao kinh-ngạc và ghê sợ:
tôi thấy tôi mất hẳn bề ngoài
của con người. Tôi có hình
dạng một con hổ đen.

Nhưng tôi còn óc não minh-

mắm, óc não của con người: Tôi tự nguyện rằng sẽ không bao giờ ăn thịt người. Và tôi ở lại trong rừng, săn nai con, hươu, cây-hương... Tôi đã ăn nhiều thịt thú vật, nhưng đến một lúc thú rừng đều lần trốn hết. Chân tôi già mà phải rượt theo chúng quá xa nên mệt nhọc và khổ sở lắm. Tôi cũng biết đói chứ. Và một ngày nọ, tôi thấy, dù rằng lúc đó tôi sắp nhảy vào con mồi, là một người. Đó là một người đàn bà, một người đàn bà trẻ đẹp đi tìm nước ở nguồn suối. Trời, duyên dáng và mảnh mai quá! Nhưng tôi chỉ còn là một con hổ đói. Bằng một cái vồ chớp nhoáng, tôi vồ chết người đàn bà múc nước, và tức khắc tôi nuôi sống tôi bằng thân thể xinh đẹp đó. Anh bắt lỗi tôi à? Ấy cũng vì sự đói, nhưng tôi tìm thấy ở thịt đó một hương vị thơm ngon hơn tất cả các vật mà tôi đã giết... Và chính từ ngày đó tôi không bao giờ có thể hưởng lại được dù cũng là người khi con đói gào xé tôi. Năm tháng cứ đi qua. Bây giờ than ôi! Tôi đếm lại thì tôi đã ăn 40 người.

Nay, hôm nay, mặc dù con đói quá rầy, tôi không hiểu sao như có cái gì ngăn cản tôi vồ người. Người ta bảo rằng có một sức lực gì không cho tôi nhảy vào đàn người hay ngựa của anh. Bây giờ tôi hiểu rồi: đó chính là lòng người của tôi sống lại. Chính anh, bạn tôi, làm linh hồn tôi cảm động. Bạn, vậy bạn tôi đã trở nên ủy viên của Hoàng đế rồi à?

— Vâng, tôi là quan Ngự sử của triều đình, và kiểm soát tỉnh lý. Tôi làm cuộc hành-trình này là để xem xét. Anh đói, phải không? Anh muốn ngựa của tôi không? Tôi sẽ để cho anh bắt một con.

— Không, không, tôi xin anh đừng. Tôi đã biết lòng tốt của anh. Nhưng anh đang có sứ mệnh của nhà vua. Làm sao tôi dám cướp ngựa đó được?

— Tôi nghĩ thế này: những lương thực được mang theo đàn có thể có một phần con dê, hay bò con. Nếu anh muốn vừa lòng bữa ăn ngon lành ấy, tôi sẽ cho người tôi đem đến.

— Nếu vậy thì tôi xin nhận.

— Nhưng tôi muốn điều này,

tôi muốn nhiều người thấy anh.

—Ồ. Điều ấy không thể được. Sự thấy thân hình ghê sợ của tôi sẽ là sự toán loạn của đoàn quân anh, người và ngựa. Nếu anh muốn cho tôi ăn thì chỉ việc để bên lề đường thịt dành cho tôi, tôi sẽ đi vào rừng sâu để đường cho anh đi. Rồi, khi anh đi khuất tôi sẽ ra đường và lấy thịt dê hay bò gì đó.

— Nhưng tôi rất muốn thấy anh.

— Vậy thì rất xa, hỡi người bạn đáng quý của tôi, chỉ rất xa, nếu anh muốn. Lúc mặt trăng mọc. Ngay khi anh đèn ngọn đuôi đầu tiên mà anh thấy đằng xa kia, anh chỉ việc quay lại. Anh sẽ thấy tôi đứng giữa đường nhìn anh đi, bạn tôi ạ!

— Vâng. Và bây giờ tôi xin hỏi, tuy trở thành hổ, song anh còn linh hồn người thì chắc còn có ước vọng gì, tôi có thể làm vừa lòng anh?

— Bạn, bạn tôi ơi. Chẳng lẽ lòng tôi còn bận gì? Thế sao cái gì làm cho mắt tôi ướt vậy? Trời hỡi, tôi có tìm lại được nước mắt không nhỉ? Trăng lên, và ngay đó tôi sẽ thấy anh đi và

biến mất đầu đường trăng giải bạc. Hỡi bạn, bạn ơi, lòng ân-cần của anh làm cho tôi cảm mến. Và bây giờ, vâng, tôi còn ước vọng của con người mà anh có thể giúp tôi được. Anh ạ, trước khi tôi trở thành con hổ này, tôi đã có một đứa con trai với một người vợ còn trẻ mà bây giờ hãy còn sống. Đứa con trai, như tôi nhớ lại, nó không thể sống chính-đáng nếu không ai săn sóc nó. Anh có thể làm thầy nó, làm ân nhân nó không? Và rồi, ô anh giáng-phước! Nhờ có anh, tôi sẽ thấy lại ít nhất là bằng trí tưởng tượng những điều tốt đẹp về đứa con mà một người cha hẳn hạnh-phúc tràn-ngập lòng. Trăng lên. Xưa kia, tôi đã ca ngợi nó, trăng như các anh, và tôi cũng đã ca ngợi những buổi sáng thơm mát những hoa sen với các cô gái hồng-hào. Những tác phẩm ấy còn trong nhà tôi. Nếu nhà tôi chưa đổ nát, anh có thể tìm lại họa điệu với tôi, với người đã chết, đã vào đời sống loài vật...

— Bạn ơi, sự hòa bình đã trở về trong lòng anh. Tôi rất thán-phục luôn luôn, và mặc dù sao,

anh vẫn là con người, yêu mến tình bằng hữu. Tôi xin nhớ lời anh.

— Cám ơn anh lắm. Trăng lên. Sứ mệnh đã gọi anh kia. Anh hãy từ giã tôi cho rồi, anh ơi, chúng ta xa nhau đi.

... Một giọng nấc khàn khàn nhảy vọt ra từ trong cánh rừng âm u và thẳm lặng như một linh hồn cô đơn. Nước mắt ràn rụa trên mi mắt quan Ngự sử mà vẻ mặt lãnh đạm thường ngày mất hẳn để lên một mối cảm động vô ngần.

— Một lời cuối cùng, bạn ơi, quan Ngự sử nói. Tôi muốn hỏi anh một điều. Nếu thật rằng vì không có mối nên bắt buộc phải ăn thịt người, thì nên vì tình với tôi, anh hãy sang ở miền khác có nhiều thú vật hơn.

— Anh ơi, con vật này sẽ làm theo mệnh lệnh của anh. Song lẽ nó đã sống đơn giản bấy lâu nay như con vật hoàn toàn quên xưa kia nó là người. Nhưng tìm nó sống lại, đập lại, giọng nói thân mến mà tôi nghe chốc nữa sắp im lặng, bóng người đó sắp xóa mờ ngay trước sự thấy của tôi và trăng lên trong đêm tối thật dịu dàng và trong sáng...

Anh, sự giáng phúc là tình nhân loại. Tôi sẽ là con người được chứng nào hay chứng ấy, mặc dù bên ngoài là con hổ... Vĩnh biệt.

Đoàn lính để lại trên đường một phần-tư con bê dùng làm bữa sáng cho họ. Những con ngựa, tự nhiên yên dịu lại, tiếp-tục lên đường. Trăng mờ mờ. Trên con đường cỏ mà sương đầu đêm giải ướt, quan Ngự-sử lấy lại vẻ trầm-tĩnh, dẫn đầu mọi người. Họ đang đi đến ngọn đồi kế sau. Một tiếng gầm-gừ khò-khan như sự than vãn, như một giọng nức nở y hệt người, xé tan sự im lặng. Những con ngựa run lên vì sợ, mồ hôi chảy ướt cổ chúng, Quan Ngự sử quay lui và thấy, giữa con đường trăng giải bạc, một con hổ quay đầu theo hướng ông.

Và từ đó, con hổ đen, sự sợ hãi của đường này, biến khỏi khu rừng, và những người du-hành có thể thân nhiên qua đường. một mình mà không cần khí giới gì.



Đời thi sĩ

Thi sĩ là người của thế nhân !
Đem tim hòa nhịp với phong trần.
Lắng nghe tiếng nhạc đời muôn điệu,
Mở rộng tình thương chẳng ngai-ngần.

Thân lạnh lòng đơn có sá nào !
Mảnh đời sạn sè... kẻ chi đâu ?
Đêm đêm dệt mộng bên trang giấy...
Rộn-rã hồn thơ vạn ý sâu.

Gói chiếc cánh trường xây ước-mơ
Mà niềm vui ấy biết bao giờ ?
Vì ai hiểu rõ từng tâm sự ?
Hay lại quên đi... lẫn hững hờ !

Nghèo đói không lo cảnh sớm chiều !
Chỉ mong đời sẽ bớt cô liêu.
Nhưng rồi đau khổ hoàn đau khổ,
Hạnh phúc, người ơi ! Chẳng được nhiều !

Mộng mỗi lần xây, mỗi dỡ dang,
Tâm-tư chìm lắng giữa cung đàn.
Tìm người tri-ký sao chưa thấy ?
Trần-thế đôi phen khóc ngỡ ngang !...

Thi sĩ là tâm trả nợ đau |
Trắng lòng tuôn hết nỗi niềm đau
Từng-trắng tâm-sự, trang tâm sự
Ôm-áp ngày xanh đến bạc đầu.

Cô Kiều

với Phan-văn-Trị

★ NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

TÔI rất hân hạnh đọc bài « Cô Kiều với ông Tôn-Thọ-Tường, Phan-văn-Trị, v.v. » đăng trong quý Tạp Chí số 23, xuất bản ngày 15-11-1959 dưới bút hiệu ông MINH KHA trong đó có bài thi vịnh Kiều của ông Tôn-Thọ-Tường tức Đốc Phủ Ba Tường vì ông này tự ví mình như nàng Kiều để biện hộ cho sự cộng tác của ông với nhà chức trách Pháp sau khi Nam-Kỳ thất thủ.

Ông Cử Trị tức Phan-văn-Trị là người đối lập của ông Tường không tán thành sự hợp tác ấy trong khi nhà tan nước mất nên cũng lấy đề nàng Kiều để trách thiện ông Đốc Phủ Ba Tường bằng một bài Đường thi vô cùng chua chát.

Song nếu tôi không làm thi đường như ông MINH KHA sắp lộn bài thơ ấy, cặp trạng (câu thứ ba và thứ tư):

*Liêu-Dương ngàn dặm xa chi đó,
Nỡ để Lâm-Tri bướm dập dìu.*

Phải đem xương làm câu



CÔ KIỀU

chuyên (câu thứ bảy) và câu kết (câu thứ tám) như vậy bài thơ mới suông sẻ. Hơn nữa, đọc qua cặp trạng trên đây chúng ta thấy đối không chỉnh, sự kiện không thể xảy ra với một nhà thi lỗi lạc thời cận đại như ông Cử Phan-văn-Trị. Tôi xin mạng phép sắp lại bài thi ấy:

*Tài sắc chi mi, hồi Thúy-Kiều,
Cũng thương nên nhắc một đôi
điều,*

*Vì dầu Viên-Ngoại vu oan ấy,
Sao chẳng Đề-Oanh gá tiếng kêu?
Mái tóc chàng Kim là đáng mấy?
Thoi vàng họ Mã giá bao nhiêu?
Liêu-Dương ngàn dặm xa chi đó,
Nỡ để Lâm-Tri bướm dập dìu.*

Ngoài ra ông Đốc Phủ Ba Tường cũng đề bình vực lập trường của mình sau khi đã cùng Pháp hợp tác có mượn đề tài « Tôn phu-nhơn qui Hôn » trong tích Tam-Quốc Chí để bày tỏ nỗi lòng cũng như đề biện hộ cho sự hợp tác ấy. Ông trình bày hoàn cảnh của ông như Tôn-phu-nhơn xuất giá theo chồng mặc dầu phu-nhơn vẫn biết về Hôn là trái với ý anh, làm phật lòng anh có khác chi sự cộng tác của ông với Pháp khiến cho sĩ-phu thời ấy chán ghét ông là đường nào, nhưng mà:
Ai về nhắn với Châu-Công-Cần,

*Thà mất lòng anh đừng bưng
chồng.*

Thế là ông không mản gì dư luận miễn là đừng lòng người Pháp.

*Cật ngựa thanh gươm ven chữ
Tùng*

*Ngàn năm rở tiếc gái Giang-Đông,
Ở Ngô bịnh rình chòm mây bạc,*

*Về Thục trao tria phận má hồng,
Sơn phần nữ đem vầy gió bụi,*

*Đá vàng chi để thẹn non sông,
Ai về nhắn với Châu-Công-Cần,
Thà mất lòng anh đừng bưng
chồng.*

Ông Cử Phan-văn-Trị xót xa vì đất nước bị nạn ngoại xâm lại chán ghét những lời biện hộ lỗi thời của ông Đốc Phủ Ba Tường có họa lại bài thi Tôn-phu-nhơn qui Hôn mà câu kết cố ý ám chỉ ông Tường là người phản quốc (Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng). Ở thời quân-chủ làm tôi mà không ngay với chúa là phản quốc chớ còn gì nữa. *Cài trâm sửa áo ven câu Tùng,
Mặt giả trời chiều biệt cõi Đông.
Khói tỏa vàng Ngô xen thực bạc,
Duyên đưa về Thục đượm màu
hồng.*

*Hai vai tơ tóc bền trời đất,
Một gánh cang thường nặng núi
sông.*

*Anh hồi Tôn-Quyền anh có biết?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*



17.- TỪ - BỘ - HỨA

★ NGUYỄN-VỸ

TÔI nói tới Từ-Bộ-Hứa, mặc dầu không ai nói tới anh, và chính vì không ai nói tới anh. Tôi nói tới Từ-Bộ-Hứa, bởi vì anh là một thiên tài hiếm có. Tôi nói tới chàng Thi-sĩ đau khổ ấy bởi vì chàng là một nạn nhân của những kẻ tàn-ác đã hãm hại một cuộc đời tài hoa.

Thế kỷ XVIII, ở Anh-Quốc, có một Thi-sĩ tên là THOMAS CHAT-TERTON. Chàng mới có 18 tuổi, xuất bản được một tập thơ rồi vì nghèo đói mà uống thuốc độc nằm chết rầy rụa ở một

xó đường trong kinh-thành London. Chàng chết, khiến cho cả dân-chúng Luân-đôn đều rơi lệ.

Sáu-mươi-lăm năm sau, Thi-sĩ Pháp ALFRED DE VIGNY, cảm thương số kiếp thê thảm của chàng có soạn một vở bi kịch, « Chatterton », lấy tên chàng làm nhan đề, và một quyền tiểu thuyết lãng mạn, *Stello*, đề ca ngợi một Thiên-tài còn son trẻ đã sớm chán cảnh đời bội bạc, lia cõi phong-trần.

Nước Pháp cũng có một Thi-

sĩ, ANDRÉ CHÉNIER, mới 32 tuổi, đã bị chết trên đoạn đầu đài. Chàng cũng là một Thiên tài chớm nở, mới làm được năm ba bài thơ, mà có đôi bài viết chưa xong.

Rồi lăn xả vào các cuộc hoạt động cách mạng giữa lúc Lịch-sử Pháp-quốc đang chìm ngập trong máu lửa oán thù, chàng đã bị chết oan, dưới lưỡi dao độc ác của một bọn người khát máu. Tuy nhiên, chàng chưa để lại tác phẩm nào hoàn-thành, nhưng Văn Học Sử Pháp đã ghi tên chàng rực rỡ chói lọi trên Thi đàn Thế-kỷ XIX, và đôi bài thơ còn đề dờ - dang đến ngày nay, như *La Jeune Tarentine*, *l'Aveugle*, ta đọc lại càng bồi - ngùi, xúc-động.

Thi-sĩ TỪ-BỘ-HỨA của Việt-nam cũng chung số kiếp não-aiùng bi-thương ấy.

Trưởng Luật-khoa Hà-nội, lúc bấy giờ ở trong hệ - thống « Trưởng Cao - Đẳng Đông - Dương », là một nơi đào - tạo nhiều nhân - tài, và cũng như Trường Đại - học Sư - phạm, là nơi quy-tụ nhiều phần - tử trí-thức thanh-niên lãng-mạn nhất, thích đời sống tự-do, độc - lập, ham-mê sách-báo, văn-chương, và cũng chơi - bời phóng-túng không ai bằng. Phần đông là

những bạn trẻ tài-hoa, có tâm hồn nghệ-sĩ, gần như lang . bạt giang-hồ, sẵn - sàng tự đeo vào mình chiêu bài « Bohémiens ». Cả giáo-sư cũng thế. Giáo - sư toàn là người Pháp, các Thạc-sĩ và Tiến-sĩ lừng-danh, nhưng mang nặng tâm - hồn của Thế-kỷ, triết - học theo kiểu Jean-Paul Sartre. Thi - sĩ theo kiểu Paul Eluard, vượt ngoài lề lối mô-phạm cổ điển, ôm ấp những chân trời phóng-đăng, đầy nhựa sống hoan-mê và đầy cả nhựa... thuốc phiện !

Chính trong thế-giới thần ảo say-sưa đó mà một chàng Thi-sĩ hoa-niên nảy-nở, âu sầu hiu-hắt, như một ánh hào - quang nhạt-mờ.

Những bạn thân của chàng cũng như các vị Giáo-sư trường Luật đã thấy nơi chàng một thiên-tài, nhưng sẽ chỉ là một Thiên-tài yếu-mệnh.

Tên chàng là Từ-Bộ-Hứa. Con trai của ông Từ-Bộ - Thực, Bộ-Chánh ở một tỉnh Bắc - Việt, chàng bị ho-lao ngay từ hồi còn đi học ở trường Trung học. Vào Cao-đẳng Luật-khoa, Từ-Bộ-Hứa đã mang bệnh rất trầm-trọng, nhưng chàng ham sống quá, ham mơ-mộng quá, nên chàng đã đem hết hồn Thơ mãnh-liệt của chàng để chống chọi kiếp đời đen tối.

Mới 21 tuổi, chàng không được hưởng một lạc thú nào của

cuộc đời huyền ảo, dù là một lạc thú ngay thơ vô tội. Căn bệnh tàn ác, độc địa, hiểm nghèo, không cho phép chàng hái những cảm giác tươi xanh hoặc ửng chín trên cành đời, những cảm giác chứa đựng đầy vị ngọt tê nồng nơi đây đáng lẽ chàng được nếm đầy đủ nguồn sống say sưa của tuổi trẻ.

Rồi những đêm lạnh lẽo cô đơn, trong một căn phòng lạnh lẽo của một biệt thự tối ngày đóng kín cửa ở đường Général Bichot, (Phố cửa Đông) Từ Bộ Hứa ca ngợi cái Buồn và cái Chết ! Chàng ca tụng những đôi mắt âm-u, những nụ cười ớn lạnh. Chàng ca tụng màu sắc không men, ánh sáng không hồn. Chàng trôi lên tiếng nhạc thiêng-liêng của U sầu, của «Spleen», để chào những bình-mình loang máu, những ngôi sao thất thểu đi lạc hướng trong trời Mơ.

Tập thơ «POÉSIES GRISES», bằng Pháp văn của Từ Bộ Hứa ra đời, khiến cho cả làng thơ chú ý. Các giáo sư Trường Đại học Luật khoa rất ngạc-nhiên, không ngờ chàng sinh viên ho-lao kia yếu như cây sậy, lại là một Thi-sĩ tuyệt-vời. Chàng viết bằng Pháp văn vì đã tìm thấy trong Sinh-ngữ đang thịnh hành lúc ấy những chữ và những ý thích-hợp với tâm hồn chàng. Tiếc thay!

Nếu chàng viết ra thơ Việt thì ít nhất ngày nay chúng ta còn được năm ba bài tuyệt diệu.

Nhưng với tập thơ này, Thi-sĩ họ Từ đã hiển hiện ra trên Thi Đàn Việt-nam như một lời hứa hẹn cao xa và đột ngột. Chàng còn viết những bài thơ Việt—chưa xuất bản—với nguồn rung cảm cuộn cuộn trong tâm hồn lở lói đau thương nhưng lúc nào cũng mãnh liệt.

Chàng đang say sưa, thì một hôm chàng đọc được một bài của Thế-Lữ trên báo «Phong-Hóa». Thế-Lữ chế nhạo là «Thơ xám-xịt», và «phê-bình» với một giọng chanh chua. Từ Bộ-Hứa không trả lời, nhưng chán ghét, chàng không thèm làm thơ nữa.

Ba tháng sau, bỗngưng các báo Hàn-ội đăng một cái tin mà ai đọc cũng động lòng thương xót. Thi-sĩ Từ Bộ Hứa uống 15 Viên thuốc ngủ để trút nợ trần.

Người ta liền tưởng ngay đến Thi-sĩ Chatterton tự-tử với 10 viên độc được.

Nhưng Từ-Bộ-Hứa chưa kịp chết. Người ta đã đem chàng đi bệnh viện và cứu sống lại.

Phần thì bị bệnh lao đã ăn sâu vào xương vào tủy, phần thì bị đời đen bạc cướp hết những phần khởi cuối cùng, Từ-Bộ-Hứa chỉ còn sống những ngày ứa héo, để cho quên lãng được phần nào

trong công việc hàng ngày, chàng vào làm sở Thương Chánh Hải phòng. Chàng làm Tham-tá và không còn trở lại làng thơ nữa.

Tình cờ tôi gặp Từ-Bộ-Hứa, một buổi chiều tàn. Hai đứa ngồi dựa vào một bức tường rêu của Chùa Lăng, giữa cánh đồng tịch mịch. Đàn cò trắng độ năm con bay xa xa về phía sương mù. Chàng ngó tôi với đôi mắt đục ngầu, đọc cho tôi nghe gần chục bài thơ chàng làm ở Hải-phòng mà không gửi đăng báo nào cả. Mấy giòng thơ Việt, đau thương ỉa-lùng, mà chàng làm trong các chuyến dò bơi ngao-du trên giòng sông Cẩm, những «con thuyền say» của chàng. Cũng là nguồn Thơ ớn lạnh da-diết của Hàn-Mặc Tử ở trên sông Gò Bồi.

Tôi hỏi chàng:

— Chừng nào anh xuất bản mấy bài Thơ đó?

Từ-Bộ-Hứa lắc đầu:

— Không bao giờ.

Chàng thêm bằng tiếng Pháp:

— J'en suis dégoaté!

«Tôi chán ghét lắm rồi!».

Tôi hỏi:

— Anh chán ghét cái gì?

— Tôi sắp chết, anh ạ. Tôi không còn nhiều nhựa sống như anh, như Huy-Thông, Nhược Pháp... Con đường của các anh là Tương-lai, con đường của tôi

là Chết. Và tôi muốn chết yên-tĩnh, không muốn nghe văng-vẳng bên tai tiếng khóc của những người thương xót và tiếng cười ngạo-nghe của những kẻ bất lương. Tôi còn làm Thơ, không phải để tặng cho đời Sống, mà để tặng cho đời Chết. Tôi làm Thơ cho mau về với đời Chết, vì tôi cảm thấy chỉ có cái Chết là nên thơ hơn cả..

Trên đường bộ về Hà nội, màn đêm đã bao phủ. Sao Bắc Đẩu đã lóng lánh trên vòm trời.

Hai bóng người bước âm thầm trong bóng tối. Hai tiếng nói rì-rầm trong tiếng gió. Từ Bộ Hứa khẽ cười:

— Bác sĩ đã bảo cho tôi biết tôi chỉ còn sống được hai ba tháng nữa thôi. Lâu quá! Lâu quá!...

Tôi nghĩ đến Ánh sáng của sao Bắc Đẩu để bốn-mươi-sáu năm rưỡi chiếu xuống đến ta. Đêm nay, thi-sĩ là một ngôi sao của Thiên-tài, sắp tắt, nhưng sẽ tắt luôn trong đêm tối âm-u mù-thảm của thời gian, ánh sáng của chàng sẽ không bao giờ chiếu về ta nữa...

Đêm ấy, ngẫu-nhiên tôi được tiễn Từ-Bộ-Hứa đi cuộc du lịch cuối cùng.

Cái chết
của người
ĐƯA THƯ

★ HOÀNG THẮNG

Mũi-Né ngày... tháng... năm...

Kính gửi ông Quản-lý
Báo... Saigon

Thưa Ông,

Chúng tôi rất lấy làm tiếc phải viết thư báo cho ông hay, số báo mua năm của tôi bị thất lạc luôn. Có kỳ mất liền năm số, có số khi tới tay thì băng báo đã bị rách và tờ báo cũng nhàu nát.

Vậy chúng tôi mong ông đừng gửi nữa để tránh sự bức mình cho chúng tôi và mong ông thông cảm cho.

Kính thư
Nguyễn thị Loan-Anh

Đọc xong thư của đọc giả gửi tới tôi phân vân nghĩ ngợi. Đây không phải là lần đầu Ty Quản Lý nhận được thư than phiền. Tỉnh thoảng vẫn có, xen lẫn bài gửi đăng báo. Rất có thể người

phụ trạm đã tạm mượn để xem rồi quên trả lại hoặc vì lý do nào đó mà tôi không đoán được.

Những lời than phiền của bà Loan Anh đã nhắc nhở tôi nghĩ tới một truyện xảy ra đã lâu lắm, khi tôi hãy còn niên thiếu.

Cũng như mọi người trong làng, tôi không rõ anh ta ở đâu tới. Tôi chỉ còn nhớ hồi đó tôi hãy còn bé, tóc còn để chỏm, đang nô nghịch ở sân Đình làng với hai thằng bạn nhỏ để xây đình xây chùa bằng những viên gạch vụn, thì tôi thấy thấp thoáng từ đầu làng đi tới một người đàn ông tuổi độ hai mươi lăm, quần áo nâu dầy bụi, mồ hôi nhễ nhại trên khuôn mặt đỏ rực vì nắng.

Người lạ nhẹ nhàng hỏi tôi :

— Em có biết nhà cụ Lý ở đâu không?

Tôi trả lời có và cả ba chúng tôi cùng tung tăng dẫn anh ta đi vì cụ Lý chính là cha tôi. Thì ra anh tìm cha tôi để xin ngụ cư vì anh được trên Huyện-cho làm phụ trạm có nhiệm vụ đưa thư đi mấy xã trong Tổng.

Cha tôi bằng lòng ngay và chỉ cho anh chỗ ở TẠI NHÀ vợ chồng anh Đĩ Thọ. Mới ở được ít lâu anh đã được cảm tình của dân làng và cha tôi cũng ưa anh lắm. Ăn nói có duyên, lễ phép, gặp ai cũng chào hỏi, nhất là hay giúp đỡ mọi người.

Chúng tôi lại quý mến anh hơn nữa. Tối nào chúng tôi cũng lên sang nhà anh để nghe anh kể chuyện cô tích : nào cô Bé Lọ Lem, nào truyện Tấm Cám, Quả Dưa Đỏ. Nghe anh kể chuyện cứ mê đi quên cả về đi ngủ đến nỗi, tối nào cũng vậy, chị Đĩ Thọ phải «sua» chúng tôi về như sua vịt khi trời đã về khuya.

Vì thấy chúng tôi nhát ma, anh lại phải dẫn chúng tôi về tận cổng nhà. Có khi anh phải bế tôi vì nghe chuyện hay quá tôi đã ngủ lúc nào không biết. Mỗi lần như thế, mẹ tôi lại trách yêu anh :

— Anh cứ chiều rồi chúng nó hư thân đấy !

Anh không trả lời chỉ mỉm

cười, đôi mắt sáng lên như hai ngôi sao trên trời cao tít buổi đêm hè.

Những đêm sáng trăng vào mùa gặt hái, anh đã vui vẻ đã lúa giúp chị Đĩ Thọ rồi cao hứng hát lên những lời ca trầm bổng của điệu Cò Lả hoặc Sa Mạc. Tiếng hát cao vút lên không gian như thúc dục mọi người say sưa với công việc, say sưa với hương thơm lúa mới, đồng nội.

Không những anh kể chuyện cho chúng tôi, anh còn giảng dạy thêm cho chúng tôi học nữa. Với trí óc suy nghĩ non nớt, tôi chắc anh cũng là con nhà khá giả, đã từng học cao, nhưng vì duyên cớ gì đó anh đã bỏ nhà đi và làm cái nghề đem Bạc này : sáng sáng đạp xe lên Huyện lấy thư từ báo chí rồi đem phân phát đi các thôn tới sầm tối mới về.

Dù mệt nhọc, dù là mưa dầm-rét buốt hay nắng gay gắt đồ mồ-hôi, anh vẫn vui vẻ mang tin tức đến mọi nhà mà không bao-giờ than phiền cùng ai, lúc nào cũng vui vẻ với công việc. Anh còn đọc giúp thư từ cho những gia đình nào không biết chữ nữa.

Anh luôn luôn vui vẻ, nhưng nếu có ai tọc mạch hỏi thăm gia đình anh thì anh chỉ mỉm cười không nói rồi chọt bụng sùu đi.

đôi mắt đăm đăm nhìn vào cõi không như theo dõi những hình bóng xa xăm nào. Nhận thấy thế, nên lâu dần cũng chẳng ai hỏi tới gia đình anh nữa.

Thời gian thấm thoát trôi nhanh, cây đào đã ngoài mười lần hoa nở. Đã mười mấy cái Xuân bay qua, vì ở Huyện không có trường Trung học nên tôi phải lên tỉnh học.

Bác Xuân, bấy giờ tuổi đã trung tuần, bộ mặt đã hơi nhăn vì sương gió và vì công việc nữa nhưng dáng người vẫn quắc thước, cũng đi tiễn tôi ra bến xe. Tôi cúi người nắm chặt tay bác không nỡ rời cho tới khi xe chuyển bánh.

Xe chạy đã xa, tôi còn trông thấy bác vẫy tay rồi chọt lau nước mắt và nhảy lên xe đạp quay về. Bác đã khóc khi tôi xa bác cũng như tôi đã xa cha mẹ tôi và đưa em gái nhỏ.

Trong khi những hàng cây hai bên đường, những tấm thảm mạ xanh rì chạy nhanh dật lùi sau chiếc xe thì tâm trí tôi cũng lùi lại để nhớ tới bác Xuân.

Tôi chưa hề thấy bác nói chuyện với bất cứ một cô gái nào trong làng và hình như bác lại có ác cảm với họ nữa dù rằng nhiều cô vẫn mến bác, nhất là cô Vĩnh nhà ở bên cạnh nhà bác Đĩ Thọ. Đã nhiều lần cô Vĩnh thổ lộ tình yêu với bác nhưng những lời

âu yếm đó lại lọt qua bên tai để rồi cuối cùng có đành phải chôn sâu mối tình tuyệt vọng mà bước sang ngang.

Cho tới nay tuổi đã cao, bác vẫn cô đơn, lẻ bóng. Tôi đoán bác đã thất vọng vì tình nên mới bỏ nhà đi phiêu bạt tới làng tôi và trở thành dân địa phương. Ôi sâu xa thay cho mối tình đầu và cũng khổ sở thay cho những người bị phụ bạc.

Ở tỉnh, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được thư của bác Xuân gửi lên hỏi thăm sức khoẻ và việc học hạnh cùng là khuyên tôi chớ nên « mê say » các cô gái tỉnh thành. Bác bảo yêu khổ lắm.

Cho tới một hôm tôi đương ngồi học trong lớp, tự nhiên tôi thấy bức dứt khó chịu, linh tính như báo trước cho tôi hay có chuyện chẳng lành ở nhà. Khi tan học về nhà, bà chủ trọ có trao cho tôi một bức thư của em gái tôi ở quê gửi lên. Không hiểu có chuyện gì xảy ra, thầy mẹ tôi bị ốm chẳng ?

Run run tôi xé vội chiếc phong bì. Tôi ngẫu nhiên đọc và tôi đã khóc. Em gái tôi báo tin bác Xuân đã chết. Bác không chết vì bệnh tật hay tai nạn mà chết vì tự-tử. Mắt tôi mờ đi sau màn lệ phủ kín mi, lá thư rớt xuống đất tôi cũng không hay. Tôi thấy bác đã « vô-lý » khi đi tìm cái chết. Cái chết của bác rẻ quá đối với trách vụ.

Khi định thần lại, tôi vội cúi xuống đất nhặt lá thư lên và đọc lại một lần nữa...

Thôn Vĩnh Lại, ngày...

Anh Thắng,

Em viết thư lên anh để báo cho anh một tin buồn : bác Xuân đã chết, mà bác tự-tử anh ạ. Chắc hẳn anh sẽ ngạc nhiên khi hay tin bác tự tử đấy nhỉ. Không cứ anh mà cả gia đình nhà ta cũng thế và cho đến toàn dân trong tổng cũng vậy.

Đầu đuôi như sau :

Hôm qua, vào buổi sáng, khi dân làng đi chợ Huyện về thì thấy một xác chết nằm cạnh bờ lạch. Đầu gục xuống nước, chiếc xe đạp đổ nằm bên cạnh. Mọi người vội tri hô lên, chạy đổ đến thì ra bác Xuân. Bác chết mặt vẫn bình thản, tay bị trói, cái sắc đựng thơ vẫn quàng qua vai.

Mọi người bàn tán xôn-xao không hiểu vì sao mà bác bị chết một cách khổ sở như thế. Ai giết bác ? Nghĩ kỹ thì không có ai thù ghét bác cả, trái lại họ còn quý mến bác nữa.

Gia đình nào cũng đã từng hoặc run-rẩy cầm lá giấy màu xanh lợi do tay bác chuyền hoặc vui-vẻ nhờ bác đọc hộ lá thư từ chân trời góc biển đưa về. Như thế ai ghét bác cho đành.

Trên Huyện cho người về làm biên bản và đến buổi trưa thì

tất cả đều rõ nguyên-do.

Sau khi nhận thư từ ở Huyện, bác Xuân vội đạp xe thẳng tới nhà cụ Cả Văn ở thôn. Đường dài bốn cây số, ngày thường bác coi là ngắn thì lần này sao mà dài thế. Chỉ vì cụ Cả Văn có thư của con trai bác là bác Tân ở mãi Tân thế-giới gửi về. Bác Tân đi làm phu đồn điền và ai cũng tưởng bác chết lâu rồi vì đã mười năm qua không có tin-tức.

Mỗi bận qua nhà cụ Cả Văn, bác Xuân vẫn được cụ nhắc nhở nếu có giấy của thằng cháu Cả gửi về thì đưa giùm ngay cho cụ.

Khi đến nơi, sau khi báo tin mừng cho cụ, nhìn bộ mặt hân-hoan của cụ bác cũng vui lây. Nhưng khi móc túi lấy thư thì than ôi, cũng vì nóng đưa thư về bác quên cả cái túi đựng thư nên khi đi đường bị rớt mất vì lá thư đó bác để lên trên cùng.

Tìm mãi không thấy, bác vội quay xe trở lại tìm kiếm suốt dọc đường đã qua nhưng không thấy. Tự cho là làm không đủ bổn phận bác tự trói mình và tự tử để chuộc lỗi với cụ Cả Văn.

Và sau khi bác chết được nửa ngày, một cậu bé chăn trâu đã nhặt được bút thư đó bên lề đường, lẫn trong bụi cỏ, cách chỗ bác chết không đầy một cây số ngàn. Có lẽ bác lo ngại quá

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI ĐUA THU

nên không đủ sáng suốt để tìm
chăng ?

Ai ai cũng thương bác, mẹ ở
nhà cũng khóc đấy anh ạ. Cụ Cả
Văn già thế mà cũng khóc và nói:
«Trời ơi, có thế mà bác ta cũng
tự tử ư? Mất thư thì thôi chứ
sao, miễn là tôi đã biết con tôi
còn sống. Tôi biết con tôi còn
sống thì bác lại chết.»

Em viết đã dài, xin tạm dừng
bút. Mà bác Xuân ở ngay đầu
làng ta gần cây gạo đấy anh ạ.

Em anh
UYÊN

Đọc xong thư tôi lại khóc và
thương bác hết sức. Tôi chỉ còn
mong sao cho chóng tới ngày
bãi trường để được về cắm nén
hương, đặt bó hoa trước mộ
phần bác.

Cái chết của bác luôn luôn
âm ảnh tôi trong công việc. Trên
đường đời nó đã nhắc nhở tôi
luôn luôn cần thận dù trong một
việc rất nhỏ mọn.

* CÒN LỜI

Sau khi nghe tòa kêu án xử tử hai tên cướp sát nhân,
một tên lộ vẻ vui sướng, chuyện trò vui vẻ với vợ hẳn. Quan tòa
thấy vậy, kêu hẳn lại hỏi:

— Tại sao sắp bị xử tử mà coi bộ anh vui vẻ thế?

— Dạ, vì tôi đã giết cả thầy là... 5 mạng. Bây giờ tôi bị
xử tử có một mình thì vợ chỉ tôi còn... lớt được... 4 mạng!

* TRÊN Ô-TÔ-BUÍT

Thiếu nữ:

— Nay, lịch sự của anh đề đâu mà anh cứ nhìn tôi mãi thế?

Thanh niên:

— Thưa cô, ai bảo cô nhìn tôi trước?

— Tôi nhìn anh hồi nào? rõ vớ vẩn chưa?

— Thưa cô, cô không nhìn tôi mà sao cô thấy tôi nhìn cô?

Thiếu nữ: !!!

VĂN - HÀ

chúng tôi xin trót một người
đến đến trước mặt nhà vua.

— Đề làm gì?

— Đề giả làm người nước
Tề.

— Cho là phạm tội gì?

— Tội ăn trộm.

Lúc An-Tử đến nơi, vua Sở
làm tiệc thiết đãi tử tế. Rượu
uống ngà ngà, bỗng thấy hai tên
lính điệu đến một người bị trót.

Vua hỏi: « Tên kia phạm tội
gì mà bị trót thế? »

Lính thưa: « Tên ấy là
người nước Tề, phạm tội ăn
trộm. »

ÁN-TỬ và Nagasena



ÁN-TỬ
sắp sang
nước Sở.
Vua Sở
nghe tin
ấy mới
bỏ o c a n

NGỤY - BIỆN

Vua đưa mắt nhìn An - Tử
hỏi rằng:

— Người nước Tề hay trộm
cướp lắm nhỉ?

An-Tử đứng dậy thưa rằng:

— Chúng tôi trộm nghe cây
quất mọc ở đất Hoài-Nam thì
là quất ngọt, đem sang trồng ở
Hoài Bắc thì hóa quất chua.
Cành lá giống nhau mà quả

thần rằng:

— An-Tử là một tay ăn nói
giỏi ở nước Tề, nay sắp sang
đây, ta muốn làm nhục, có
cách gì không?

Cận thần thưa:

— Đợi bao giờ An-Tử sang,

* THÂM-THỀ-HÀ

chua, ngọt khác nhau là tại sao?
 Tại thủy thổ khác nhau vậy.
 Nay dân sinh trưởng ở nước
 Tề thì không ăn trộm, sang ở
 nước Sở thì sinh ra trộm cắp.
 Có lẽ cũng tại vì thủy thổ khác
 nhau nên xui khiến ra như thế
 chăng ?

Vua Sở cười nói : « Ta
 muốn nói đùa thành phải chịu
 nhục. Thế mới hay kẻ cả không
 nên nói đùa bao giờ ».

(ÁN-TỬ xuân thu)

Ở câu chuyện trên đây, Án-Tử đã dùng phép TỈ LUẬN để phá cái kể của vua Sở. Với lối suy luận khéo léo, Án - Tử đã bênh vực được người nước mình và làm nhục được vua tôi nước Sở.

Tỉ-luận là một phương - pháp luận-lý Đông-phương, tức là suy luận bằng cách so-sánh. Phê bình cách suy-luận trên của Án - Tử, nhiều nhà bình-giả cho rằng Án-Tử nguy hiểm; có người nghiêm-khắc hơn cho là Án - Tử không biết cách biện - luận. Họ nêu ra những lý lẽ :

1) Không thể đem cây cối mà so sánh với người.

2) Tỉ-dụ không phải là lý-luận.

3) Tỉ-luận chỉ là một phương-tiện mỹ-từ-pháp chứ không phải một phương-pháp suy-luận.

Về lý lẽ thứ nhất, có người mượn lời này của Phan văn Hùm trong quyển « Dỡ chồng báo cũ » (trang 107) :

Dùng phép này là người ta muốn giúp để suy nghĩ chứ không phải người ta muốn chứng-giải một điều chi. Ấy thế mà lắm người làm chỗ đó, thường đem tỉ-luận để chứng-giải những lý-thuyết mơ hồ của mình. Kẻ làm văn-chương mà sa vào cái làm đó, thật không phải là ít.

Lắm người cũng lạm - dụng phép tỉ-luận mà đem vật có hình để ví với vật vô hình. Như nói :
 Cả không ăn muối cá uơn,
 Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Ông Phan văn Hùm viết như thế vì ông không phân biệt Tỉ-dụ và Tỉ-luận. Tỉ-dụ giúp người ta suy nghĩ, như những câu này của Nguyễn Du :

Về chi một đóa yêu đào,
 Vườn hồng chi dám ngăn rào
 chim xanh.

hoặc :

Phẩm tiên để lạc tay hèn,
 Uông công năng giữ mưa gìn
 với ai.

Tỷ luận dùng để chứng giải một điều gì, như cách so sánh cây quất với người nước Tề của Án-Tử. Ở đây Án Tử lập-luận chứ không phải dùng phép tỷ-dụ của nhà văn học.

Cho rằng không thể đem vật có hình để ví với vật vô-hình, đem cây cỏ mà ví với người, đó là ta mang kính suy-luận Tây-phương để nhận xét với một phép-luận Đông phương. Nhìn lại văn-chương cổ điển của Tàu, của Ấn độ và của ta, nhất là nhìn vào ca dao Việt-Nam, ta thấy biết bao nhiêu là tỉ-dụ và tỉ-luận không theo mẫu mực Tây-phương mà rất chặt-chẽ và rất đúng. Như những câu :

Con cò lặn lội bờ sông,
 Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc
 nỉ non!

Em về nuôi cái cùng con,
 Đề anh đi trầy nước non Cao-
 Bằng.

Lối tỉ-dụ của bình dân ta thật ý-nghị và lý-thứ biết bao !

Về lý-lẽ thứ nhì, có người đã mượn lời này của Pháp : « Comparer n'est pas raisonner » (Tỉ-dụ không phải là lý luận). Tức-nhiên, tỉ-dụ tự nó không thể là lý luận được ? Những câu thơ của Nguyễn Du trên đây chỉ giúp cho ta hội ý chứ thi-sĩ đâu có lý-luận. Trái lại, Án-Tử dùng phép tỉ-luận chứ không dùng phép tỉ-dụ, mà tỉ-luận tức là một phương-pháp lý-luận.

Lý-lẽ thứ ba hoàn toàn sai. Nhà phê-bình đã lẫn lộn Tỉ-dụ và Tỉ-luận. Tỉ-dụ là một phương - tiện mỹ-từ-pháp (mà Trần Trọng Kim chia ra làm 2 loại : tỉ-lệ và ám-tỉ). Còn Tỉ - luận không phải là một phương tiện mỹ-từ-pháp mà chính là một phương-pháp suy-luận.

Tóm lại Án-Tử đã luận có phương pháp chứ không hề nguy-hiểm. Và lối lập luận của Án-Tử rất chặt chẽ chứ không hề sai lầm.

Dưới đây tôi xin trình bày một lối tỉ-luận khác.

Milinda, một vị vua Hi-Lạp vào khoảng thế kỷ thứ nhất

trước kỹ-nguyên, đến viếng vị la-hán Nāgasena (Na-Tiên). Qua thủ-tục lễ nghĩa, nhà vua hỏi :

— Bạch ngài, ngài danh hiệu là gì ?

— Thưa đại-ương, bạn đồng đạo gọi tôi là Nāgasena, nhưng đó chỉ là một dấu hiệu một tiếng gọi. Nāgasena chỉ là một tiếng gọi mà thôi chứ ở đây không hề có người Nāgasena.

Vua Milinda ngạc-nhiên hỏi lại những người tùy-tùng xem có ai nhìn nhận một vật quý dị thế không. Rồi nhà vua lại hỏi :

— Nếu không có người Nāgasena, thì tóc kia có phải của Nāgasena không ?

— Không.

— Lòng kia có phải của Nāgasena không ?

— Không.

— Da, thịt, xương, gan, ruột kia có phải là của Nāgasena không ?

— Không.

— Hình sắc kia có phải của Nāgasena không ?

— Không.

— Cảm giác kia có phải của Nāgasena không ?

— Không.

— Nhận thức kia có phải của Nāgasena không ?

— Không.

— Thế ra không có cái gì của Nāgasena cả, vậy Nāgasena là gì ?

— Thưa Đại-ương, không là gì cả.

— Vậy thì Nāgasena chỉ là tiếng gọi không sao ? Tôi e ngài nói dối, khi ngài nói không có Nāgasena, không có gì là Nāgasena cả.

Nhưng Nāgasena lại hỏi lại vua Milinda :

— Thưa đại-ương, đại-ương đi bộ hay đi xe đến đây ?

— Dạ, đi xe.

— Đại-ương bảo rằng đi xe mà đến, vậy xin hỏi đại-ương: Xe là gì ? Phải gong xe là xe không ?

— Không.

— Phải vì xe là xe không ?

— Không.

— Phải bánh xe là xe không ?

— Không.

— Phải ách xe là xe không ?

— Không.

— Phải thùng xe là xe không ?

— Không.

— Phải cương xe là xe không ?

— Không.

— Thưa đại-ương, tôi đã ean lời hỏi mà đại-ương không đáp được cái gì là xe. Vậy thì tiếng « xe » của đại-ương chẳng là một tiếng gọi không không thôi sao ? Tôi e đại-ương nói dối khi đại-ương nói không có gì là xe cả.

(Di-Lan-Đà vấn-đáp)

Ở câu chuyện này, Nāgasena đã dùng phép Ti-luận để thuyết-phục vua Milinda, đồng thời biểu-dương thuyết « vô ngã » và cho ta thấy sự tổng-hợp duy nhất về xe cũng như về người.

Phép Ti-luận lần này được diễn-tả dưới hình thức Đối-thoại-luận và vị la-hán Nāgasena đã gián-tiếp so sánh cái xe với người. Trái với lối suy-luận hợp lý và chặt-chẽ của Án-Tử, đức Nāga-

sena đã lập-luận sai mà thành ra nguy-biện.

Ta thử đối chiếu câu hỏi của nhà vua và câu hỏi của vị la-hán.

Vua Milinda hỏi : « Tóc kia có phải của Nāgasena không ? »

Nāgasena trả lời : « Không » tức là Nāgasena đã nguy-biện. Nếu đề thuyết-minh sự tổng-hợp duy nhất về người, thì tóc kia là của con người Nāgasena chứ của ai ? Nếu đề biểu-dương thuyết « Vô ngã », thì Nāgasena bằng xương bằng thịt kia là cái hữu ngã tạm thời, để phân biệt với những con người khác.

Đoạn dưới, Nāgasena hỏi lại vua : « Phải gong xe là xe không ? »

Vua Milinda đáp : « Không ».

Nhà vua đáp « Không » là phải, nhưng vị la-hán Nāgasena đã đặt vấn đề sai. Nếu đối chiếu với câu hỏi của nhà vua, Nāgasena phải hỏi rằng : « Giong xe kia có phải của xe không ? » Hỏi như thế mới đúng phép Ti-luận. Và nếu hỏi cho đúng phép như thế, chắc chắn nhà vua sẽ trả lời : « Phải ». Rõ ràng Nāgasena.

đã cố ý đặt sai vấn đề để đi đến một kết luận trái ngược.

Nāgasena đã nguy biên.

★
 Phép tỉ-luận của Đông-phương đòi hỏi một sự so sánh tuy rộng-rãi nhưng phải hợp lý. Nếu so-sánh khéo léo, những hình ảnh so-sánh sẽ gieo vào tâm-não người đọc hoặc người nghe những hứng thú lạ kỳ. Trường hợp An Tử đã

chứng-minh điều đó.

Trong phép luận (Đông-phương cũng như Tây phương) điều cốt yếu là phải đặt vấn đề cho đúng. Đặt vấn đề không đúng phép, tức nhiên kết luận phải sai. Trường-hợp Nāgasena trên đây là một thí-dụ điển-hình.

Và nếu người đời nay có cho Nāgasena là nguy-biên, cũng không phải là oan cho Nāgasena lắm đâu.

★ TRONG THỊT CÁ CÓ NHỮNG CHẤT GÌ?

Trong thịt cá có đủ 6 chất cần thiết cho cơ thể là chất nước, chất ngọt, chất đạm, chất béo, muối khoáng và chất tươi.

Chất đạm rất cần thiết cho cơ thể. Trẻ con ăn thiếu chất đạm sẽ không lớn. Người lớn thiếu chất đạm thì mệt mỏi, sút cân, gầy ốm, suy nhược.

Thịt, cá có nhiều chất đạm, trứng cua, tôm, ốc, nhộng cũng có mà có nhiều hơn thịt và cá. Rau nào cũng có chất đạm, nhiều nhất là ở đậu như đậu trắng, đậu xanh, đậu đũa, đậu tằm, đậu phụng và mè.

★ CÁ CÓ NGỦ KHÔNG?

Tất cả các sinh vật thực đều phải ngủ. Cá đứng im mắt mở thao láo, vì mắt cá làm gì có lông mi mắt? Các bạn thấy những con rắn suốt đêm ngày dương mắt lên, tưởng nó thức song nó ngủ đấy. Cá cũng vậy, chỉ có điều khác là cá đứng im. Ta chớ tưởng cá không nghe thấy gì. Tuy ngủ, cá cũng có thể nghe được hết các tiếng động trên mặt nước.

Tiếng sáo đêm Thu Lời thơ: Nguyễn Văn Tý
 Nhạc: T. H. D.

Thong thả, êm dịu

Tiếng sáo vi vu đầu ngõ Đêm khuya vắng vắng
 gần xa Tiếng sáo dịu huu trong gió Ni non khúc
 lục tình ca Tiếng sáo vi vu đêm Thu Nỗi tình thơ
 lòng chi bấy Tiếng sáo Em ru em u Lòng ra để
 mê tê tái Người thổi sáo đi, ai đây Đêm khuya gió lạnh...
 trông ta Băn khoăn bao niềm ăn ai Nhớ nhung man
 mác người xa Mười phương từ sáng mặt mờ Hồn văng vẳng thường đêm thu...
 ... Ôi tiếng sáo buồn ai oán, Dội chi khắp trời hoang
 vu Đêm khuya gió lạnh trăng tà Ôi tiếng lòng
 ai xót xa Ôi tiếng sáo buồn tai lắng Rồi trong thẳm thẳm lòng
 ta...



Khổng Minh

* NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo PT số 25)

Trương Chiêu thấy Khổng Minh, phong độ thần tiên phiêu sái, khí vũ hiên ngang biết rằng người này đến đây du thuyết.

«Trương Chiêu gọi trước hỏi Khổng Minh:

«— Chiêu tôi là kẻ sĩ hèn mạt ở Giang Đông lâu nay vẫn được nghe tiên sinh nằm cao ở Long trung tự ví mình với Quấn, Nhạc. Điều ấy chẳng biết có thực thế không?

«Khổng Minh nói:

«— Lượng tôi bình sinh có nhún mình tạm ví thế thôi. (Khi nào lời nói khoác này lại ở miệng Khổng Minh được).

«Chiêu nói:

«— Nghe nói gần đây. Lưu Dụ-Châu ba lần đến thăm tiên sinh ở lều tranh mới

hân hạnh được tiên sinh ra giúp, Dụ-Châu cho rằng gặp tiên sinh như cá gặp nước, ngỡ rằng cuốn hết Kinh Trương ai ngờ hai nơi ấy một sớm về tay Tào Tháo.

«Tôi vẫn chưa biết thế là chủ kiến ra sao?

«Khổng Minh nghĩ rằng Trương Thiên là một mưu sĩ bậc nhất trong bọn thủ hạ Tôn Quyền. Nhược bằng trước chẳng áp đảo được hẳn thì sau làm sao thuyết phục được chủ.

«Ông bèn đáp:

«— Kế lấy Hán thượng, tôi coi dễ như trở bàn tay (nói khoác) Chỉ vì Chúa tôi là Lưu Dụ Châu chuyên về nhân nghĩa, không nỡ đoạt cơ nghiệp của người đồng tông, nhất mực từ chối Lưu Tông là một nhũ tử cả nghe lời nói gian thần đầu hàng Tào Tháo, nên mới để Tào Tháo cưỡng xương lộng hành như vậy. Nay chủ tôi đem quân đồn trú giang hạ, sẽ có mưu đồ lương thảo. Khổng phải kẻ khác có thể biết được.»

«Rồi Lỗ Túc hỏi Bị:

«— Chẳng hay Dụ Châu bây giờ muốn về đâu?

«Bị nói:

«— Tôi cùng thái thú Thương Ngô là Ngô Thần xưa có tình quen cũ, nên muốn sang nương nhờ ở đây.

«Túc nói:

«— Tôn tướng quân xưa nay dẹp loạn trừ nguy là người thông minh, nhân hậu kính trọng người hiền, lễ phép với kẻ sĩ, anh hùng Giang Biểu đều theo về tấp nập, đã chiếm cứ sáu quận, binh giỏi, lương nhiều, có làm nên việc. Nay tôi xin vì sứ quân bày kế. Chỉ bằng cho người tâm phúc sang Đông, kết tình hòa hiếu cùng mưu đồ đại sự. Vì như muốn đầu Ngô Thần thì việc ấy thiết tưởng không nên.

«Thần chỉ là người phạm tục đóng quân xa xôi ở nơi biên viễn thế nào cũng bị người thôn tính. Há người như thế đủ cho sứ quân ủy thác được sao?

«Bị nghe nói mừng lắm, tiến quân chiếm đóng ở Ngạc huyện tức thời sai Chư Cát Lượng theo Lỗ Túc sang cầu Tôn Quyền kết tình Đông Minh.»

Chư-Cát-Lượng 諸葛孔明

Ngô Quyền sai Chư Du và trình Phò tiếp Lượng. Tào Tháo và Tôn Quyền.

Bấy giờ Tào Công được quân Lưu Biểu thêm vào nữa, quân thế rất thịnh.

Quyền họp hội nghị, người nào nghe nói thanh thế của Tháo to lớn đều sợ hãi. Nhiều người

khuyên Quyền nên nghênh hàng Tháo.

(Giang Biều chuyện chép : Tào Công đưa thư cho Quyền. Trong thư đại khái nói rằng :

— Gần đây ta vâng lời Thiên tử đánh kẻ có tội. Cờ mao pháp phối chỉ xuống phương Nam, Lưu Tông phải bỏ tay xin hàng. Nay ta ngự trị thủy quân 80 vạn muốn cùng Trương quân hội hợp ở Ngô.

Quyền được thư, quần thần xem, người nào cũng rụng rời thất sắc.)

* CHU DU

Riêng Chu Du và Lỗ Túc đề nghị xin đánh.

Du người cao lớn khoẻ mạnh đẹp trai. Thời Du hai mươi bốn tuổi người Ngô vẫn gọi là Chu Lang. Thuở ấy Kiều công có hai con gái cùng là quốc sắc. Tôn Sách lấy Đại Kiều. Chu Du lấy Tiểu Kiều.

(Giang Biều truyện chép : Tôn Sách thường nói đùa với Chu Du : Hai con gái Kiều công đang buổi lưu ly, được hai ta lấy cho lại làm rể họ Kiều, chắc rằng vui mừng lắm nhỉ!)

Chu Du xưa nay vẫn có định ý : bắt phục Tào.

(Sách Giang Biều truyện chép : Tào Công sau khi phá xong Viên Thiệu, binh uy ngày càng

thịnh. Năm Kiến An thứ bảy, Tào đưa thư xuống cho Quyền, bắt Quyền phải gửi con tin về Hứa Xương.

Quyền triệu các bề tôi hội nghị, bọn Trương Tân Tùng do dự không biết quyết đoán thế nào. Ý Quyền không muốn gửi con tin nên mới vời Du đến trước mặt thân mẫu hội nghị.

Du nói : « Xưa kia nước Sở được phong ở cạnh Kinh Sơn, đất không đầy trăm dặm.

Những vua kế trị đều là người hiền nay mở mang đất đai biên cảnh. Khai cơ lập nghiệp ở đất Dinh mà rồi chiếm cứ cả, Kinh Dương thông suốt xuống Nam hải, truyền nghiệp diên tộ hơn chín trăm năm.

Nay tướng quân được hưởng tư nghiệp của cha anh, kiêm dân sáu quận binh sĩ tinh nhuệ, lương thực dồi dào, tướng sĩ một niềm vững mệnh. Đúc núi làm đồng, phơi bề lấy muối. Trong nước giàu có phi nhiêu, dân cư đều phục tùng không hề bao giờ nổi loạn. Thả thuyền đùng buồm xuôi gió, sáng đi chiều đã tới nơi. Phong thái của kẻ sĩ rất là hùng dũng có thể ngang nhiên đối địch. Hà tất phải chịu bức bách mà gửi con tin. Một khi con tin đã phải vào Hứa Xương thì không

thể tránh được chuyện phải ở dưới quyền Tào thị sai khiến.

Châu Du nói tiếp :

— Bây giờ ta chịu để người kèm chế, quan phong cực phẩm, bất quá chỉ cảm đến áo tước hầu. Đây tờ thị tưng được độ mười người xe dăm cỗ, ngựa mười con. Bấy giờ có thể ngoảnh mặt về phương Nam xưng cô được không ?

Chẳng bằng bây giờ ta không gửi con tin, cứ từ từ xem thế vận biến-chuyên. Ví bằng Tào Thị có thể đem nghĩa lý mà chinh thiên hạ. Bấy giờ tướng quân thờ Tào cũng chưa muộn. Ví bây giờ lũ kia mưu đồ bạo loạn, thì việc binh như lửa không kêu gọi nó cũng cháy bùng lên. Tướng quân thao dững anh hùng, nên đợi thiên mệnh, can gì phải gửi con làm tin cho người.

Mẹ Quyền nói :

— Công Cần nói phải lắm, xưa kia Công Cần là anh em đồng niên với Bá Phủ, chỉ kém Bá Phủ có một tháng. Ta coi Công Cần như con, Con nên thờ Công Cần như anh».

Vì vậy nên không có việc gửi con tin).

Năm Kiến An thứ 13, mùa xuân, Ngô Quyền đánh Giang hạ. Du làm tiên bộ đại đô đốc. Cũng năm ấy. Vào tháng chín, Tào

Công vào Kinh Châu, Lưu Công hàng (như đã nói ở trên) Tào Công được cả chiến thuyền và bộ binh có tới mười vạn. Trương sĩ nghe nói đều sợ hãi. Quyền hội hợp quần thần hỏi kế sách Hội nghị đều nói :

— Tào Công là loài hồ lang sói, giả danh Hán tướng, lấy thể Thiên tử để chinh phạt bốn phương. Động binh lấy danh nghĩa triều đình. Nay ta căn cứ vào đầu mà địch lại, sự thế thật là bá thuận.

Xem như đại thể của Trương quân có thể kháng cự được Tào Tháo ấy là Trương Giang. Nay Tháo đã lấy được hết Kinh châu, bao gồm cõi đất lấy được thủy quân Lưu Biều tới ngàn chiến hạm xúng dẫu.

Tháo ở ven sông kiêm Thống chế cả thủy và bộ binh. Thủy lục quân cùng điều động lấy Trường Giang làm hiểm-trở cứ so ta với địch cái thế lực bên nhiều quân bên ít quân không luận bàn cũng biết được. Ngụ ý của chúng tôi cho rằng đại kế bây giờ không gì bằng đón Tào Tháo cầu hòa».

Du nói : «Không thể thế được. Tháo giả danh là tướng nhà Hán kỳ thực là giặc nhà Hán. Trương quân lấy thần vũ hùng tài, nhờ nghiệp của cha và anh, cát cứ Giang Đông đất vuông vài ngàn dặm, binh-sĩ tinh-nhuệ cũng dư dúng.

Anh hùng lạc nghiệp còn phải tung hoành thiên-hạ vì nhà Hán trừ bọn tàn tặc. Huống chi Tháo tự tổng tư, ta há lại hoan nghênh?

Tôi xin vị tướng quân trừ liệu. Vì chăng đất Bắc bây giờ đã ổn định cả rồi. Tháo không phải lo lắng gì về mặt bên trong, có thể ngày rộng tháng dài cùng ta cầm cự, trong nói tranh chấp chiến trường thủy trận chưa biết ai được ai thua.

Nhưng đất Bắc chưa được bình định. Lại có Mã Siêu Hàn Toại ở Quan-Tây là hậu họa của Tào Tháo. Nay bỏ yên ngựa đánh bằng Chiến thuyền mà Tháo cùng Ngô Việt ta tranh hoành, đó không phải là sở trường của Trung-Quốc.

Vả chăng bây giờ đương mùa đông rét mướt ngựa không có cỏ, Tháo lại xua quân sĩ Trung quốc vào nơi xa xôi trong chốn sông hồ, không chịu được thủy-thổ, tất nhiên sinh bệnh tật.

Đó là bốn điều tai-họa trong phép dùng binh. Vậy mà Tháo dám mạo hiểm thi-hành. Chính ngày nay là ngày tướng quân có thể bắt được Tào Tháo, Du tôi chỉ xin ba vạn tinh-binh, tiến đóng Hạ khẩu, vì tướng quân

phá giặc».

Quyền nói :

— «Thằng lão tặc muốn bỏ nhà Hán để tự lập, chỉ còn sợ hai anh em họ Viên, Lã Bố, Lưu Biểu và Cô mà thôi. Bây giờ các anh hùng đều bị diệt. Chỉ còn mình cô. Cô với lão tặc thế không thể cùng đứng. Lời khanh nói nên đánh Tháo thực hợp lòng cô. Đó là Trời đã đem khanh cho cô đấy».

Giang-Biểu truyện chép : Tôn Quyền rút dao chém vào cái án trước mặt nói rằng :

— «Kẻ trượng lại nào còn nói đến hàng Tào thì như cái án này.»

Hội nghị đến đêm thì tan. Quyền ra về. Du xin yết-kiến nói rằng : «Mọi người đọc thư Tháo thấy nói thủy bộ có tới tám mươi vạn đều lấy làm khiếp sợ, không biết xét hư thực thế nào. Khai nên hội nghị vừa rồi thật chẳng ra sao.

Nay cứ thực mà xét, kẻ kia có quân Trung-quốc không quá mười lăm mươi sáu vạn. Mà quân chinh chiến lâu ngày đã trở nên bị suy. Bắt được quân của Lưu-Biểu nhiều lắm là bảy tám vạn.

Những quân này còn hồ nghi, bối rối. Lấy bọn sĩ tốt đương bệnh tật để ngự trị bọn quân hồ nghi Quân Tháo. Tuy nhiều thực không đáng sợ. Nếu tôi được năm vạn tinh-binh có thể đánh tan được giặc.

Quyền vỗ lưng Du nói : Công-Cần lời khanh nói chính hợp lòng cô. Mọi người như Lữ Bố, Văn Biểu đều chỉ nghĩ đến vợ con và tư lợi của họ, làm mất cả lòng cô trông đợi. Chỉ có khanh và Tử-Kinh là đồng ý với cô mà thôi. Thật Trời đã đem hai khanh ban thưởng cho cô.

Khanh xin năm vạn quân, điều ấy khó đủ cô đã tuyền cho khanh ba vạn binh sĩ thuyền lương, chiến cụ đều đủ cấp cho khanh.

Khanh hãy cùng Tử Kinh sắm sửa lên đường tiến phát. Rồi sau đó cô sẽ cho quân tải lương thực đến tiếp viện khanh sau. Khanh nên tự tiện dùng binh. Có điều gì không được như ý ghi nói cô hay. Phen này cô quyết thắng bại cùng Mạnh-Đức.

(Còn nữa).

CUỘC TIẾP XÚC CỦA

Ông JOHN ECHOLS

Giáo-sư văn - chương
Việt-Nam và Đông-Nam-
Á tại viện Đại - học
Cornell.

G iáo Sư Echols ở Mỹ vừa sang Saigon để thu thập các tài liệu về Văn hóa Việt Nam, có tổ chức một buổi hội họp tại trụ sở Hội Việt - Nam Nghiên-Cứu Liên Lạc Văn hóa Á Châu, 201, Lê văn Duyệt Saigon, lúc 18 giờ, ngày Thứ Bảy 5-12-59. Ông trình bày những điều nhận xét chung của ông về văn chương Đông Nam Á. Ông cho biết lúc dạy văn chương Việt Nam cho sinh viên Huế Kỳ, ông rất thắc mắc vì không có quyển sách nào về văn học Việt Nam viết bằng tiếng Anh, vì vậy sự phổ biến văn chương Việt Nam ở Huế Kỳ rất khó khăn. Ông muốn nhờ các giáo sư và các nhà văn giúp ông về phương diện đó, ông hy vọng một ngày gần đây sẽ có nhiều sách Việt dịch ra Anh Văn. Ông có tiếp xúc thân mật và niềm nở với một số các bạn có mặt hôm ấy : Giáo sư Nguyễn Đăng Thực, Giáo sư Nguyễn đình Hòa, cụ Nguyễn Trác, Bác sĩ Lý trung Dung, thi sĩ Vũ hoàng Chương và Nguyễn Vỹ, ông Phạm xuân Thái, Giáo sư Pittman, Giáo sư David v.v...

THƯƠNG MỘT NIỀM TRẮNG

Mưa gió tàn đêm, rộng nếp giường.
Trắng về kiếp trước nhớ Thôi-nương...
Mệnh mang khói nhạt cài trên tóc
Hiu hắt trắng sâu quanh giải Tương !
Nào kẻ bao đêm chênh gối lẽ...
Ai người sông nước nhớ Tâm-dương ?...
Say lên bến mộng tình ca-kỷ
Ngàn thuở sầu Vương... mấy dặm trường...
Xác bướm còn thơm men dị-túy
Muôn đời rêu nhạt, gót đưa hương
Ngần ngờ tìm lại người Thơ cũ...
Xao xác vàng gieo... rụng cuối tường...

VƯƠNG-KIỀU



ĐÔI NÉT VỀ

HÀN-MẶC-TỬ

(Tiếp theo P. T. số 25)

TỪ ngày Tử mắc chứng nan y, thiên-tài Tử bột phát, và thơ của Tử mở hẳn một chân trời mới lạ.

Khi biết mình mắc phải chứng nan y, thì lòng Tử đau đớn đến cực-độ, đau-đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy khi nhiều khi ít. Nhưng ngày rồi ngày, nỗi đau khổ không phát hiện ra ngoài một cách bỗng-bột, mà lại ăn sâu vào tâm-hồn và ngấm-ngấm nung nấu Tử, nung-nấu đến tột độ.

Con trai bị hạt sạn hạt cát làm thương-tồn cõi lòng, liền nhẫn tính ba ra quần lấy hạt sạn hạt cát để cho em dịu bớt vết thương. Mỗi ngày tình ba mỗi tiết và lần lần kết thành hạt trai.

★ QUÁCH-TẤN

Đề xoa dịu tâm hồn đau khổ, anh-ba của Tử phát tiết. Bệnh càng tăng, nỗi đau khổ càng thắm thía càng ray rức. Nỗi đau khổ càng ray rức càng thắm thía, nguồn thơ của Tử càng thêm sức mạnh, càng thêm dồi-dào, càng thêm dào-dạt và phun ra những "luồng sóng điện nóng ran", những "tia sáng xôn-xao" thoát ra những "tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú":

Những bài thơ tâm-kỳ xuất-hiện.

Đọc những câu, như :

Em cố nghĩ một buổi chiều
vàng úa,
Lá trên cành héo-hắt, gió
ngừng ru :

Một khối tình nước-nở giữa âm
u,
Một hồn đau ra lần theo
hương khói,
Một bài thơ cháy tan trong
nắng đợi,
Một lời run thoi thóp giữa
không trung,
Cả niềm đau ý nhớ cả một
vùng,
Hóa thành vũng máu đào trong
ác lặn.
Đây là tất cả người anh tiêu-
tán,
Cùng trăng sao bàng bạc xứ
Say-Mơ,
Cùng tình em tha thiết như
văn thơ,
Ràng rịt mãi cho đến ngày
tận thế.
(TRƯỜNG TƯƠNG TƯ)
Đọc những bài, như bài «Hồn
là ai» :
Hồn là ai ? là ai ? tôi chẳng
biết.
Hồn theo tôi như muốn cợt tôi
chơi.
Môi đầy hương tôi không dám
ngậm cười.
Hồn vội mớm cho tôi bao ánh
sáng ...
Tôi chết già và no nê vô hạn,
Cười như điên và sặc-sụa cả
mùi trắng.

Áo tôi là một thứ ngọc hơn
vàng,
Hồn đã cầu, đã cầu, nhạt
ngấu ngiến !
Thịt da tôi sượng sần và tê
đốt,
Tôi đau vì rùng-rợn đến vô-
biên.
Tôi chìm hồn xuống một vũng
trắng êm,
Cho trăng ngập, trăng dồn lên
tới ngực.
Hai chúng tôi lặng yên trong
thôn thức,
Rồi bay lên cho tới một hành
linh,
Cùng ngả nghiêng lẩn-lộn giữa
muôn hình
Đề gào thét một hơi cho ròn ồm
Cả thên đàn, trần gian và
địa ngục.
Hồn là ai ? là ai ? tôi không
hay,
Dẫn tôi đi rùng-rá một đêm
ngày,
Hồn mệt là mà tôi thì chết
giác ...!
Thì chúng ta thấy nguồn cảm
hứng của Tử phát xuất tận trong
đáy hồn đau khổ vô cùng, và tuôn
ra khi «máu cuồng rên vang dưới
ngôi bút». Nó gây nơi chúng ta
một cảm giác lạ lùng, rờn rợn. Và

quả như lời Tử nói. Nó đưa trí
chúng ta vào «một vườn hoa rộng
tinh, không bờ bến. Càng đi xa
càng ón lạnh».
Bên cạnh nỗi đau khổ vì bệnh
tật, còn thêm nỗi buồn thương vì
phải sống xa gia-đình, xa bè bạn
trong những nơi quạnh vắng đìu-
hiu.
Cảnh bơ vơ trợ trợ nó cũng
đầy-vô tâm-trí Tử đến cực độ, nó
tỏa chung quanh thơ chàng một
bầu không khí buồn chán mênh-
mông và thăm-thía.
Đọc những câu, như :
Anh rõ trước sẽ có ngày cách
biệt,
Ngó như gần song vẫn thiệt xa
khai !
Lau mắt đi đừng cho lệ đầy
vơi,
Hãy mừng-trọng một người
thơ đang sống
Trong tim lìm, lẻ-loi trong
đầy-động.
—Cũng hình như, em hơi, đóng
Huyền-Không
Mà đêm nghe tiếng khóc ở
đáy lòng,

Ở trong phổi, trong tim, trong
hồn nữa...!
(TRƯỜNG TƯƠNG TƯ)
Hoặc đọc những bài, như bài
«Cô liêu» :
Gió lùa ánh sáng vô trong bát,
Trăng ngập đầy sông, chảy
láng lai,
Buồm trắng phất phơ như cuốn
lá,
Lòng tôi bát-ngát rộng bằng
hai.
Tôi ngồi dưới bến đợi nường
Mơ.
Tiếng rú ban đêm rạn bóng mờ
Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng,
Rung tầng không-khí, bạt vi lô
Ai đi lẳng lẳng trên làn nước,
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi ?
Mà sao ngậm cứng thơ đầy
miệng,
Không nói k hông rằng nín cả
hơi !
Chao ôi ! Ghé quá ! Trong tư
tưởng,
Một vũng cô liêu cũ vạn đời !
Thì chúng ta cảm thấy một nỗi
cô quạnh hoàn-toàn, một nỗi cô-
quạnh rùng-rợn, khủng-khiếp ! Cô
quạnh đến nỗi nghe rõ tiếng nói
tận đáy hồn, đáy tim, đáy phổi,
đáy lòng ! Cô quạnh đến nỗi nghe

tiếng mơ lớn bằng tiếng rú, tiếng hồn xô vỡ cả sóng, rung cả không khí, bạt cả vi-lô... ! Và cô quạnh đến nỗi bóng lòng hiện thành hình ngồi bên cạnh đi trên nước.

Những cảnh tượng đó không phải chỉ có trong thơ mà thôi. Đó là sự thực. Những thơ của Tử đều là những lời ghi chép trung-thành những cảm-giác, những hình-tượng... của chàng, những hình-ảnh, những cảnh-tượng hiện-hiện trong trí hoặc trước mắt chàng.

Như bài «Cô-Liêu» kia, Tử đã làm sau một đêm cuối thu, một mình ngồi ngắm trăng khuya trên bãi bờ Qui Nhơn.

Đêm ấy — theo lời Tử kể — vì tiết sắp sang đông, nên bãi biển không có một bóng người qua lại mặc dù trời không lạnh và trăng sáng như ban ngày. Đêm tạnh hết sức, tạnh đến nỗi nghe rõ cả tiếng của chiêm-bao ! Cảnh trời thật mệnh-mông bát-ngát. Cõi lòng lại mệnh-mông bát-ngát bằng hai. Khiến thân chìm lìm trong không gian vô-tận, và hồn chìm-lìm trong cõi lòng vô-biên... Tử có một cảm-giác ngờm ngợm... Chợt nhìn lên trời thấy bóng trăng đã đứng đầu, và nhìn bên cạnh thấy một bóng người

ngồi sát. Rồi từ bóng người bước ra một bóng thứ hai, đi từ từ ra biển và bước lững thững trên mặt nước. Đoạn hai bóng đều biến mất và mặt biển đông lại thành tuyết sáng ngời dưới bóng trăng khuya. Thoạt hiện ra một người, thân-vóc nở nang, mình khoác chiếc áo lông, vai gánh đôi thùng thiết đựng đầy nước óng-ánh. Người ấy bước đi thì nước trong thùng tung ra hóa thành máu đỏ lã-chã trên tuyết. Người gánh máu đi lã vào bờ. Tử khiếp quá, hét lên một tiếng, vụt đứng dậy, chạy một mạch về nhà. Vừa đến nhà, mệt quá té nằm trước thềm, ngút hơi...

Tử ấy cảnh tượng kia ám ảnh mãi. Tử nói : Cảnh tượng người gánh máu đi trên tuyết, khi trông thấy thì rùng-rợn hơn cảnh người ngồi bên mình. Song về sau cảnh tượng người ngồi bên cạnh lại gây một cảm giác rùng-rợn hơn.

Do đó Tử soạn thành hai bài thơ bài CÔ LIÊU trên đó và bài CUỐI THU mà trong có câu :
*Lụa trời ai dệt với ai căng,
Ai thả chim bay đến Quảng-Hàn ?*

*Và ai gánh máu đi trên tuyết,
Mảnh áo da cừu ngắm nở nang...*

Những cảnh tượng ấy do tâm-trạng của Tử phát hiện.

Tử sống lẻ-loi trong niềm đau-khổ. Đau khổ nung-nấu Tử đến một độ mà trí chúng ta không thể tưởng-tượng nổi, khiến tâm - hồn Tử mang những sắc-thái đặc-biệt quá xa lạ đối với chúng ta, và Tử có những cảm - giác, những tư-tưởng, những ý-khác hẳn chúng ta.

Do đó nhiều bài thơ của Tử đối với chúng ta trở thành bí-hiềm. Bí-hiềm chỉ vì chúng ta không nhìn thấy trạng-thái của tâm - hồn Tử, không thông cảm nổi những nỗi đau-khổ của Tử, chớ không phải Tử cố ý làm cho thơ mình bí-hiềm, như đã có người tưởng lầm.

Thế là nhờ có đau-khổ cao độ mà thiên - tài của Tử phát triển bùng - bốt. Mà cũng vì Tử đau-khổ quá sức tưởng - tượng của chúng ta mà thơ Tử trở thành bí-hiềm đối với chúng ta vậy.

Đau khổ đến thế tưởng cũng đã là cực điểm.

Nhưng bên cạnh nỗi đau khổ về tật bệnh, về cô-quạnh, Tử còn phải chịu nỗi đau khổ về tình duyên !

Nguyên Tử có một người yêu ở Phan - thiết, bí danh là Mộng-Cầm. Hai bên đã nặng lời thề

thốt «trăm năm cùng già». Nhưng sau khi biết được Tử mắc chứng «nan y», Mộng-Cầm đi lấy chồng, gieo vào lòng Tử một mối buồn thương vô hạn :

*Nàng hỡi nàng (1) ! Muốn năm
sâu thắm,
Nhớ thương còn một năm xương
thôi !*

*Thân tàn ma dại đi rồi...
Rầu rầu nước mắt bời bời ruột
gan...!*

Đến đây chắc có bạn muốn biết :

— Mối tình Mộng - Cầm có phải mối tình đầu của Tử ?

Chắc có bạn nghĩ rằng :

— Sau Mộng-Cầm, Tử mang bệnh ngặt-nghèo, hẳn không còn ai yêu Tử ?

— Thường tình thiên-hạ thì chỉ yêu trong lúc lành mạnh. Yêu Tử trong lúc bệnh hoạn mới thật là yêu, tình yêu mới thật là đáng quý.

Có người đã yêu Tử khi Tử đã «lâm nguy». Đó là cô Lê-thị-Mai, biệt hiệu là Mai - Đình. Người gốc ở Thanh-Hóa và trú ngụ ở Phan-Thiết.

(1) Tử gọi hẳn tên của người yêu song thấy bất tiện nên tạm sửa.

Mối tình của Mai-Dinh thật có chỗ khác thường.

Vì có chỗ khác thường nên đã có nhiều nhà văn nhà báo đã thêu hoa dệt gấm cho mối tình ấy rất nhiều. Kề cũng không hại gì cho đời văn-chương của Tử. Đáng lẽ c-đề vậy cho đẹp. Song vì gia đình Tử đã nhiều lần yêu cầu, nên xin cải chính đôi đi êm : — sách báo thường nói rằng cô Mai có ở nuôi nấng Tử trong hai ba tháng và cùng Tử vui tuần trăng mật.

— Thừa : Cô Mai không hề nuôi-nấng Hàn Mặc Tử. Gia đình Tử vốn là một gia đình lễ-nghĩa. Bà thân-sinh của Tử hiền-hậu nhưng rất nghiêm, không bao giờ để cho một người đàn bà không phải chỗ thân thích ở trong nhà để săn sóc con mình. Huống nữa sự gần gũi đàn bà là điều tối kỵ đối với bệnh của Tử. Cho nên « tuần trăng mật » giữa cô Mai và Tử hoàn toàn không có.

Cô Mai đến thăm Tử tại nhà, mấy bận. Có một bận và là bận cuối cùng (1), cô Mai xin phép bà cụ Tử ở chơi cùng hai bà chị hai hôm. Chỉ có thế thôi.

Theo chỗ tôi biết — vì tôi

quen cả hai bên — thì cô Mai say thơ Tử và tình đối với Tử cũng rất thiết-tha. Song Tử đối với cô Mai chỉ thương vì « tội-nghiệp » chứ không yêu, vì cô Mai thiếu những « yếu tố rung-cảm ».

Bởi vậy, mặc dù cô Mai đã tỏ cùng Tử một mối tình nồng-nàn tha thiết, mà vẫn không làm người được niềm nhớ tiếc buồn thương của Tử đối với Mộng-Cầm.

Đối với Mộng Cầm, Tử tuy « chưa chăn gối » nhưng cũng « đã vợ chồng », nên mối tình rất đậm đà thâm-thiết.

Do đó, sự đi lấy chồng của Mộng Cầm, mặc dù là lẽ tất-nhiên, không có chi đáng trách, và cũng là ý muốn của Tử, đã gây trong lòng Tử một phản-động lực rất mãnh-liệt, khiến Tử hết đau khổ đến buồn thương, và phát ra những lời thơ nào-nùng thống thiết.

Như bài MUÔN NĂM SÀU THÂM :

(1) Sau khi Tử mất được 2 tháng, Mai đến Qui-nhơn, có đến thăm bà thân của Tử.

Nói cuối cùng là nói lúc Tử còn tại thế.

Nàng hỡi nàng muôn năm
sâu thắm,

Nhớ thương còn một năm
xương thối.

Thân tàn ma dại đi rồi,

Rầu rầu nước mắt bời-bời ruột
gan.

Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió

Tương chừng như trong đó có
hương

Của người mình nhớ mình
thương ...

Nào hay gió tại chông vương
vấn gì !

Nhớ lắm lúc như si như dại,
Nhớ làm sao bắt-hoạt tay chân !

Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng,
Mà ngày nào đó vẫn khăng-
khít nhiều,

Đầu đau-dớn vì điều phụ-rầy.
Nhưng mà ta không lấy làm
điều !

Trăm năm vẫn một lòng yêu.
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi...

Như bài PHAN THIẾT, với
những câu :

.....

Rồi ngày dại nhờ thất tình
chỉ hướng,

Ta lang thang tìm đến chốn
lầu Trăng :

Lầu Ông Hoàng, người thiên
hạ đồn vang,

Nơi đã khóc, đã yêu thương
đá-diết...

Ôi trời ơi ! Là Phan-thiết !
Phan thiết !

Mà lang thương còn lại mảnh
trăng rơi ...

Ta đến nơi — Nường ấy vắng
lầu rồi.

Nghĩa là chết từ muôn trăng
thế-kỷ !

Trăng vàng ngọc, trăng án tình,
chưa phi !

Ta nhìn trăng không xiết
ngậm ngùi trăng.

Ta vãi tung thơ lên tận cung-
Hàng.

Thơ phép-tắc bỗng kêu - rên
thống thiết :

Hỡi Phan thiết ! Phan thiết !
Mi là nơi ta chôn hận nghìn-
thứ

Mi là nơi ta sâu muộn ngất ngư !
Thật là những tiếng « kêu rên
thống thiết » ! Với thời gian, nỗi
đau khổ của Tử lắng dần xuống.
Lời oán trách không còn và niềm
nhớ tiếc trở nên êm-dịu và sâu-
sắc. Như bài :

SAY CHẾT ĐÊM NAY :

Trời Hàn giang đêm nay không
sóng,

Lòng cô liêu đồng vọng mà chỉ
Gió đông àoạt gặp tình si,

Ôi chao quẩn quít nói gì nhớ
thương.

Trăng cô-độ hết vương cảnh-
trúc,

Hẹn đoàn viên tình thực chiêm bao |
 Đêm nay lại giống đêm nào,
 Nhấp xong chung rượu buồn vào tận gan.
 Say thôi lại muốn nâng nâng đỡ
 Nhưng nâng xa từ thuở vu-qui
 Nhớ thôi lòng những sầu bi.
 Lệ sa vào rượu hàng mi lơ đờ.
 Ta là khách bơ vơ phàm tục,
 Nhớ cầm trăng cung-bực liêu-
 tao.
 Không ai trang điểm má đào,
 Cho ta say chết đêm nào đêm nay...

Cay đắng nhưng ngọt ngào.
 Thật là thâm trầm ý-vị.

Có người nói :
 — Nếu Hàn Mặc Tử không gặp những cảnh đau thương chưa chắc thơ đã hay đến thế.

Cũng có lẽ.
 Và trong hoàn cảnh có một không hai ấy, Tử đã sống — như lời Tử đã nói trong bài tựa Thơ Điên — «mãnh-liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tử đã phát triển hết cả cảm giác của Tình yêu. Tử đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống».

Nhưng cũng có đôi lúc tâm-

hồn Tử rất bình-tĩnh, thanh-thoai. Trong những lúc này, thơ Tử vừa dịu-dàng vừa tươi sáng. Như những bài «Tối tân hôn», «Đà-lạt trăng mờ», «Huyền-ảo», «Mùa-xuân chín», «Cao hứng» v. v. . .

Đây bài TỐI TÂN HÔN :
 Là sợi đường tơ dịu quá trắng,
 Là bao nhiêu ngọc cũng không bằng.

Cả và thế giới như không có :
 Một vẻ yêu là một vẻ tắn.
 Đã có khi nào cô ước mơ,
 Rồi đây khai mạc cuộc đời thơ...

Bằng đêm hôm ấy êm như rót
 Lời mật vào tai ngọt sừng sờ !

Bài ĐÀ LẠT TRĂNG MỜ :
 Đây phút thiêng liêng đã bắt đầu :

Trời mơ trong cảnh thật huyền
 mơ !
 Trăng sao đắm đuối trong
 sương nhạt,
 Như đón từ xa một ý thơ.

Hàng thông lấp loáng đứng
 trong im,
 Cảnh lá in như đã lặng chìm.
 Hư thực làm sao phân biệt
 được ?
 Sông Ngân hà nổi giữa màn đêm.

.....

Bài MÙA XUÂN CHÍN :
 Trong làn nắng ửng khói mơ
 tan,
 Đồi mái nhà tranh lấm tấm
 vàng.
 Sột soạt gió treu tà áo biếc
 Trên giàn thiên lý — Bóng
 xuân sang ...

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng
 núi,
 Hồn kèn như lời của nước
 mây,
 Thăm thẳm với ai ngồi dưới trúc :

Nghे ra ý vị và thơ ngây.

 Thật không có một dấu vết của bệnh tật, không có chút rên-ri của đau-thương. Nghe xem như lời mật vào tai, thật «ý-vị và thơ ngây» quá !
 Nhưng những phút này rất hiếm và qua rất mau. Màu thê-lương âm-đạm lại trở ám-ảnh tâm-hồn Tử. Những cảnh rùng-rợn đau-thương lại hiện ra trong trí Tử, trước mắt Tử và thơ Tử rít lên những tiếng kêu sầu thảm, hãi-hùng ...

(Còn nữa)



TRIỆT LÝ CỦA BÌNH SỮA

Một sinh viên đại học không hiểu học thuyết « Tương đối » của nhà triết học Einstein, liền hỏi ông. Ông đáp như sau đây :
 Một hôm, tôi đi đường gặp một người đui, tôi hỏi y : « Anh muốn sống một ly sữa không ? » Người đui hỏi lại tôi :
 — Sữa là cái gì ?
 — Sữa là một thứ nước trắng trắng.
 — Nước thì tôi biết, nhưng trắng là thế nào ?
 — Trắng là cái màu giống như lông con ngỗng.
 — Lông thì tôi biết rồi, nhưng con ngỗng thì như thế nào ?
 — Ngỗng là một loại chim có cái cổ dài và cong được.
 — Cái cổ thì tôi biết, nhưng cong là thế nào ?
 Nhà Triết học Einstein bèn nắm cánh tay của người đui, dang thẳng ra và bảo : « Thế này gọi là ngay » rồi ông bẻ cánh tay lại và bảo : « Thế này gọi là cong ». Người đui vui mừng bảo :
 — À, thế bây giờ tôi hiểu sữa là cái cánh tay cong lại giống cái cổ con Ngỗng.

Cây Thông



NOËL



Cứ đến
lễ Noël,
trong mỗi
gia - đình
theo Thiên
Chúa-Giáo

trên khắp thế-giới đều có chưng
bày một cây thông, lá tươi xanh
mướt, treo đèn kết hoa trông
rất ngoạn mục.

Lễ Noël mà không có thông
trở nên lạt-lẽo, làm cho ai cũng
cảm thấy thiếu-thốn, khó chịu...
và buổi lễ mất hẳn tánh - chất
độc-đáo thiêng-liêng của nó.

Cây thông Noël là một trong
những món cần-thiết nhất cho
lễ Giáng-Sanh,
cũng như cảnh
nêu, cảnh đào,

cảnh mai trong lễ Tết vậy.

Nói đến cây Thông Noël
cũng như nói đến cây Papyrus
của nước Ai-Cập, cây Bồ-Đề ở
Ấn-Độ, cây Kè-Xanh ở nước
Hy-lạp, cây Đọt-Bùa (Liên-hoa)
ở nước Lào, cây nêu ở nước ta,
Cây Thông Noël chứa đựng cả
một ý-nghĩa sâu đậm liên quan
đến Đức - Tin của con người.
Công-giáo.

Cây Thông được dựng trong
lễ Noël, bắt đầu từ năm nào,
không thấy có sách nào nói rõ.
Tuy-nhiên, trong thiên La-Mã.
Sử có đề-cập đến thứ cây Thông
dùng trong các lễ Tế-Thần Sa-
turne (Thổ -
Tinh). C a y
Thông theo sử

★ THÁI-THỨC-ĐIÊN

CÂY THÔNG NOËL

ấy chép là biểu-hiệu cho sự
sống còn, nguồn sinh-lực dồi-
dào của Đất - Mẹ. Trong khi
đông về, tuyết phủ, tất cả cây
cối đều trụi lá khô cành, chỉ có
cây Thông vẫn sừng-sừng giữa
trời chịu-đựng dai-dẻo giá-băng
gió cuốn.

Theo một thuyết khác, khi quân
kính La-Mã đóng dinh Chúa lên
cây Thập-Tự, cây Thập - Tự.
Giá lại làm bằng gỗ thông. Cho
nên nhân lễ Mừng Chúa ra đời,
con người muốn nhắc nhở lại
sự hy-sinh siêu - việt của Chúa
trên cây Thập-Tự để cứu - vớt
nhân-loại, và để đời đời nhớ ơn
Chúa, nên họ đã dùng cây
Thông trong dịp lễ Noël.

Có sách lại nói là thoát tiên các
xứ bên bờ sông Rhin — con sông
chảy ở giữa nước Pháp và Đức
— có tục-lệ cứ mỗi khi lễ Noël
đến là dân chúng tổ-chức một
buổi thịnh-diễn long-trọng, vi-
đại một, Thánh-kịch (Mystère)
lấy tên là : « Thiên-Đàng-Thánh
Điễn », trong đó các vai thiên-
thần đều do người nam hay nữ
đồng - trình đóng. Cây Thông
được mệnh-danh là « Cây Khoa

Học » cũng đóng một vai đi đứng
múa máy như thiên-thần vậy...

Có sách lại nói rằng tục dùng
Thông đã có từ Thượng-cổ.
Thời đó thường các vị Tế-sư
(Druides) cứ đến đầu năm, vào
rừng đi hái lộc. Lộc là những
hoa gởi. Họ tổ-chức các buổi lễ
hái hoa gởi rất long-trọng mà
kẻ hái hoa phải là một cô gái
đồng - trình. Dân chúng Âu-
Tây tháp tùng theo. Vì hoa thì
có ít, họ bèn hái lá, chặt cành
mang về nhà, ý niệm rằng mang
cái may, cái phước về nhà. Thời
kỳ các Tế-sư qua, tục lệ vẫn
tồn tại. Cứ năm hết «Tết» đến
là dân chúng Âu-Tây vào rừng
chặt cành cây đem về. Duy có
giống Thông có thể gìn-giữ
được lâu mà không rụng hoặc vỡ
vàng khô héo nên họ chọn cây
Thông.

Thông đối với họ là biểu-
hiệu của sự may-mắn Phước-cả.
Duyên lành. Có sách lại nói cây
Thông biểu-hiệu lễ huyền-bí của
sự sinh-tồn, và sự truyền tử lưu
tôn. Có nơi lại bảo cây Thông
biểu-hiệu cho ngày Đản-sanh, vì
thời xưa có tục dùng cây Thông

để trang hoàng nhà cửa vào dịp lễ Sinh-nhật.

Xa xưa người ta cứ đem cây Thông đến nơi hành lễ, để y cành lá chớ không trang - điểm cho se-sua. Nhưng đến năm 573 sau Thiên-Chúa Giáng-Sanh, lần đầu tiên tại xứ Bourgogne-Pháp (Âu-Châu) một vị tu-sĩ người xứ Ai-Nhĩ - Lan tên là Colomban, lúc đó đang cư - ngụ ngay tại Triều-đình vua Gontran của dân tộc Burgondes, nhân dịp lễ Noël có sáng kiến đem treo lên các cành thông những bó đuốc nhỏ hình Tháp-Tự-Giá.

Tục ấy lan tràn nhanh chóng và dân chúng bắt chước điểm trang cây Thông theo sở-thích và quan niệm mỹ-thuật của mình. Họ treo đèn lấp lánh tượng trưng các vì sao trên trời. Họ máng giầy nhũ - kim gắn bông gòn vào lá để giả-tạo tuyết. Đèn sắp được đúc theo các kiểu kỳ-lạ. Về sau, điện-khí phát-minh, họ chế ra nhiều kiểu đèn xanh đỏ kết từng giầy vào cành thông trông rất ngộ-nghĩnh.

Bên nước Mỹ người ta thường treo thêm những giầy «gửi» tòng

teng trên cành thông hay ở cửa vào nhà. Cổ nhiên là những giầy gửi giả-tạo. Có một phong-tục ngộ-nghĩnh là trong đêm Nô-ên, họ tổ chức những buổi họp tại gia. Nếu rui người nào vô ý đứng ngay dưới giầy gửi, khi bị kẻ nào chọt bắt gặp đó được quyền hôn họ một chiếc. Có những chuyện tréo cẳng ngồng xảy ra tức cười nồn ruột. Như một bà già hôn một ông Cha đến để đi quyền quà cho trẻ em mồ côi, hay thiếu-niên hôn nhằm bà già v.v... Cổ nhiên sau đó họ cười xòa... và chiếc hôn ấy kể như là một lời chúc tụng. Nhưng thanh niên thường lợi dụng tục ấy giả vờ nói chuyện vừa lừa các thiếu-nữ đến ngay dưới giầy gửi và nhơn cơ hội gỡ một chiếc hôn. Lắm cô — cổ nhiên là kém duyên-dáng — cứ giả vờ lơ đứng dưới các giầy gửi để được hôn ...

Trở lại cây Thông Noël. Cây Thông đầu tiên được cái hạnh đặt chân vào điện Tuilerie của Pháp vào năm 1840 là một cây Thông đem từ Đức quốc về. Đó là một món quà đặc-biệt do công-chúa Hélène de Mecklemburg

bourg đem đến để dâng cho vua Louis Philippe của nước Pháp.

Do đó chúng ta thấy tục lệ dùng cây Thông vào lễ Noël bắt đầu từ miền Đông (Đức) lan tràn qua Pháp. Dân Pháp mãi về sau mới dùng cây Thông.

Bắt đầu năm 1890 hơn 35.000 cây Thông được tải đến bán tại Ba-lê. Rồi tục dùng Thông càng ngày càng bành-trướng và cây Thông được khai-thác một cách kỹ-nghệ hơn.

Mỹ quốc nhập - cảng Thông từ Canada, mỗi năm dùng hơn 2.000.000 cây. Thông được chuyên chở bằng máy bay qua các đảo khác trong Đại - Tây-Dương như Cuba, Bermudes, Antilles. Tuy nhiên ở Mỹ về phía Bắc tại khu rừng Adirondach cũng có giống Thông ấy.

nhưng không đủ để cung cấp cho dân chúng vào mỗi kỳ lễ Noël. Lại nữa, ngày 14 tháng 8 năm 1933, một trận cháy lớn tại xứ Oregon đã thiêu-hủy cả một khu rừng 310.000 mẫu tây trồng Thông.

Anh Quốc vì không có thứ Thông đặc biệt, nên tạm dùng thứ Thông đỏ (Pin Rouge) hay cây Cèdre.

Pháp quốc cả khu rừng Vosges trồng toàn Thông, cứ mỗi kỳ lễ Noël, dân bản xứ lại đón Thông đi bán khắp nước.

Tại nước ta, Đalat là nơi sản xuất thứ Thông đặc-biệt đó. Và mỗi năm giữa đại lộ Nguyễn-Huệ vào dịp lễ Noël chúng ta thường thấy mọc ra cả một rừng Thông.

(NOËL 59)



* ĐƯỢC Ở SÀI GÒN

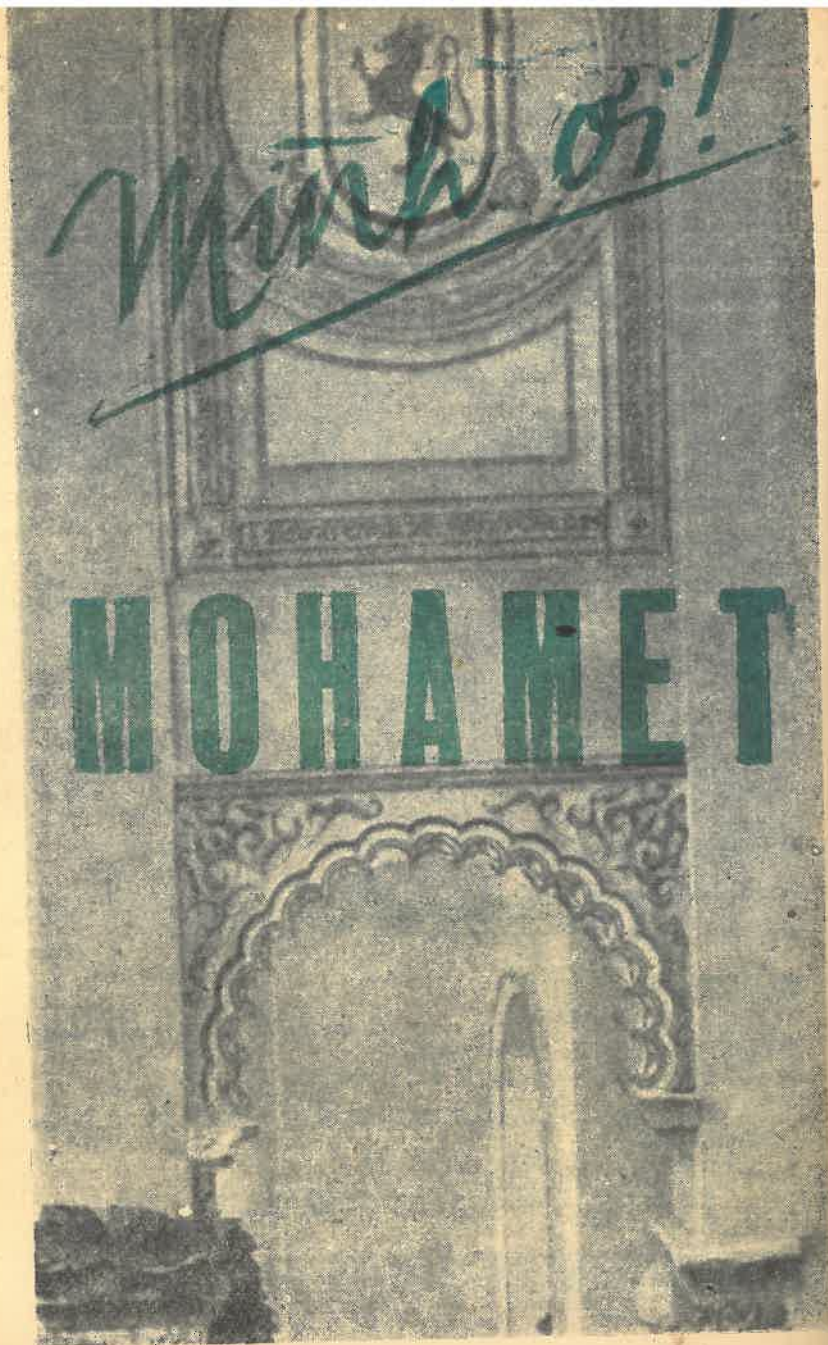
Hai con thỏ cái ở trong rừng Trảng-Bôm, cả hai đều đổng-con, một hôm gặp nhau hỏi chuyện :

— Chị mạnh khỏe chứ? Gia đình có gì lạ không?

— À có, cảm ơn-chị, con gái lớn của tôi vừa được người ta đưa lên ở Sài-gòn.

— Vậy há, nó lên làm gì trên đó?

— Nó được ở sở thú, trong cái chuồng đẹp lắm.



— Minh
 ơi, nhưn
 dị p 1 ẽ
 « Giảng -
 sinh » của
 Chúa J -
 sus-Christ,
 e m muốn
 biết hiện
 nay trên
 Thế - giới
 có mấy thứ
 Tôn-giáo ?
 — Có lu-
 bù !
 — Những
 tôn - giáo

hà Minh ? Thờ ai ?
 — Hồi - giáo bao - trùm cả
 những phần đất rộng lớn của
 Thế-giới, và đang có một thế-
 lực rất mạnh-mẽ, ảnh hưởng lớn
 lao vô-cùng trên trường chính-
 trị quốc-tế hiện nay. Khởi điểm
 từ vùng sa-mạc của xứ A-Ra-
 Bi (Arabie), Hồi - giáo đã trở
 thành QUỐC GIÁO của toàn
 thế các nước Cận-đông, gồm có
 Thổ-nhĩ-kỳ, Syrie, Liban, Irak,
 Jordanie, tiến về phương Tây
 vượt qua kinh Suez, bao trùm cả
 Bắc-Phi-Châu : Ai-cập, Soudan,
 Tunisie, Algérie, Maroc, một
 phần đất Espagne (Âu châu),
 phía nam nước Pháp, và một
 phần lớn các giống dân da đen
 ở Trung Phi, lại còn tiến về
 phương Đông thì bao quát cả
 phía Nam nước Nga, và xứ Ba-
 Tư, đến sông Indus của Ấn-độ,
 xứ Pakistan, (ta thường gọi là
 Hồi-quốc) xứ Afganistan, một
 phần Ấn-độ, vượt biển Ấn - độ
 tiến tới Mã - lai và cả xứ Nam-
 Dương. Ở Việt-nam ta, có một
 thiểu-số Dân-tộc Hồi - giáo là
 giống người Hồi ở vùng Phan-
 Rang và Chà.Và Giang Châu
 ở miền Lục tỉnh. Bên Tàu cũng
 có những thiểu-số Dân Hồi-
 giáo, rải-rác từ Tây-Tạng đến
 Turkestan, giũabi ên-giới Nga-
 Tàu.

nào mà lu-bù dữ vậy ?

— Phật giáo nè, Gia-tô giáo
 nè, Đạo Tin-Lành nè, Đạo Cơ-
 Đốc Phục Lâm nè, đạo Hồi-hồi
 nè, đạo Bà-la-môn nè, đạo Bà-
 Hai nè, đạo Lão-Tử nè, đạo Võ-
 sĩ nè, đạo Cao-đài nè, đạo Hòa-
 Hảo nè, đạo ông Yàng nè v.v...
 Đó là chưa kể Đạo Khùng...
 Đạo Lụi, Đạo Liếm v.v... & các
 miền Hậu-giang Nam-Việt !

— Đạo nào quan-trọng nhất ?
 Có Lịch-sử hẳn-hoi và có đông
 người theo nhưt ?

— Đông tín-đồ nhưt thì có
 Gia-Tô giáo, nhì là Hồi-giáo,
 ba là Phật-giáo.

— Hồi-giáo là đạo gì ở đâu,

Bà Tú lật đặt đến trước bàn thờ Thế-giới treo trên tường, lấy ngón tay chỉ các vùng mà ông Tú vừa kể. Bà hết sức ngạc-nhiên, hỏi to lên :

— Ô, Mình ơi, như thế thì Hồi-giáo bao trùm hết một phần đất vô-cùng rộng lớn, thu gồm hết đại đa số các quốc-gia Trung-Đông, Cận-Đông, Nam Á-Châu và Bắc Phi-Châu ?

— Phải. Tổng số tín-đồ Hồi-giáo hiện nay trên Thế-giới đến quá **350 TRIỆU NGƯỜI**, một phần tám toàn-thể dân - số trên Địa-cầu.

— Họ thờ ai, hả Mình ?

— Họ thờ Chúa ALLAH. Theo kinh CORAN, là quyển Thánh-kinh của Hồi - giáo, thì ALLAH là Vị Chúa Duy-nhất của vũ-trụ, đã tạo ra muôn vật muôn loài, cũng như bên đạo Gia-tô là DIEU, bên Tàu là NGỌC-HOÀNG THƯỢNG - ĐẾ. Nhưng người sáng-lập ra Hồi-giáo là MAHOMET, là đấng Cứu - thế, do ALLAH phái x u ở n g trần-gian để lập Đạ o cứu đời. Cũng như Jésus — Christ là đấng cứu-



thế, con Đức Chúa Cha bên đạo Gia-tô, cũng như Đức Phật Thích-Ca tuy không nhìn-nhận có Chúa, nhưng cũng là đấng Cứu-thế của loài người ở cõi Ta-bà theo quan-niệm Phật-giáo vậy.

— Mình ơi, Lịch-sử Đức Phật Thích-Ca, thì em biết rồi. Lịch-sử Chúa Jésus, em cũng biết rồi. Bây giờ Mình nói về Lịch-sử của Chúa Mahomet cho em nghe đi.

— Lịch-sử MAHOMET, tức là nguyên thủy của Lịch-sử Hồi-Giáo. Cứ theo Niện Đại-Ký, thì..

Bà-Tú bỗng-dưng nhõng-nhèo với chồng :

— Mình kỳ-cục quá, cứ nói những chữ khó hiểu, em không thèm nghe đâu ! Niện-đại-Ký là cái ký quái gì ?

Ông Tú tủm-tủm cười :

— Niện-đại ký là... chronologiquement parlant...

— Nữa !

— Là... tính theo... thứ-tự thời-gian, so-sánh về năm tháng, thì Đức PHẬT THÍCH-CA ra đời gần 600 năm trước Chúa JÉsus CHRIST, còn MAHO-

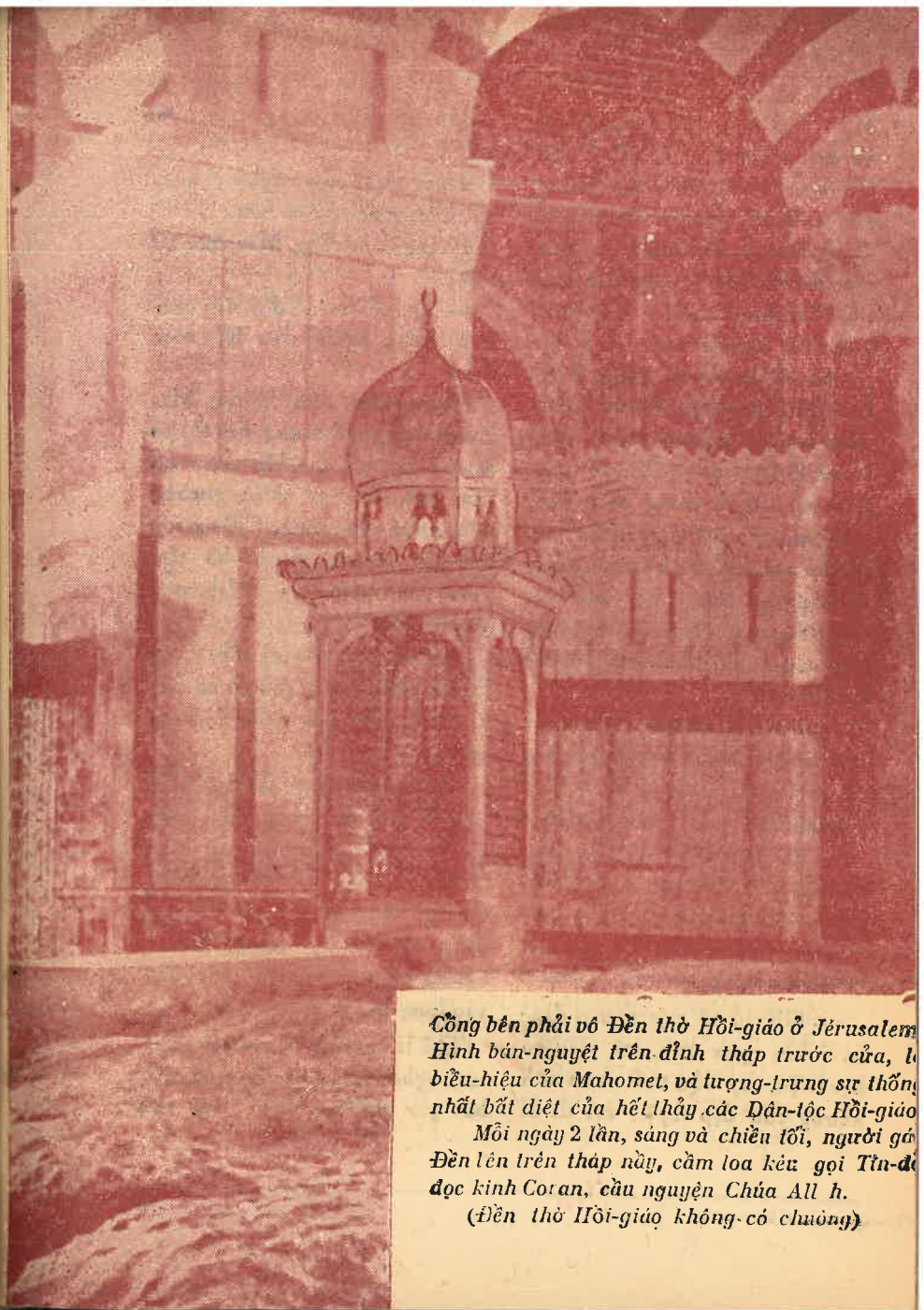


SA - MẠC A - RA - BI, NƠI PHÁT XUẤT HỒI - GIÁO.

Người A-rập đi buôn đến các xứ lân cận, thường đi từng đoàn, người và lạc-dà, băng qua các bãi sa-mạc vắng-vẻ bao-lạc dưới nắng thiêu đốt, tháng này qua tháng nọ.

MET ra đời 570 năm sau Jésus Christ. Có điều này rất lạ, là theo Kinh Phật cũng như Kinh Phúc-Âm (Evangile) của đạo Gia-tô, thì Phật Thích-Ca Mâu-Ni ra đời cũng như Đấng Jésus ra đời, là đầy những sự-tích huyền-hoặc, mơ-hồ, có vẻ thiêng liêng, thần-thánh, không có tí gì giống như một đứa bé con ra đời theo thường-lệ, còn MAHOMET thì, trái lại, lúc xuất thế cũng oe-oe ba tiếng khóc chào đời như tụi mình hồi ở trong lòng mẹ chui ra. Lịch-sử của Mahomet không phải là Lịch-sử một vị Thần-thánh hay một vị Chúa, mà chỉ là lịch-sử một con người, phàm-tục, rất thường, không một chút gì huyền-bí linh-thiên cả. Năm 570 Dương-lịch, ở thành La Mecque, kinh đô xứ A-Rà-Bi, dọc theo bờ Hồng-Hải, trong gia-tộc họ KOREICHITES, một người đàn bà thường dân, tên là AMINA sinh ra một đứa bé. Mẹ nó đặt tên cho nó là MOHAMMED IBN ALLAH IBN EL MOUTTALIB IBN HACHIM EL KOREICHITE, nhưng gọi tắt là MOHAMMED. (Tiếng A-rập MOHAMMED

có nghĩa là « Được ban ơn ». Sau dần-dần, người Âu-Châu gọi trại ra là MAHOMET, tiếng thông-dụng ngày nay). Cha đứa bé đã chết trước đó hai tháng, trong một cuộc ẩu-đả ngoài đường. Bà Amina nuôi Mahomet được hai năm rồi bà cũng chết. Cậu bé Mahomet được gửi cho người Chú, tên là Abou Talib, một nhà buôn khá giả. Ông này bắt đứa cháu đi chăn lạc-đà, và mỗi khi đi buôn hàng các nơi xa thường cho nó đi theo. Chính trong các cuộc hành-trình đông-đảo này, vì các nhà buôn A-rập thường coi lạc-đà đi từng đoàn, băng qua các bãi sa-mạc, cậu Mahomet nghe hành-khách ca-hát và ngâm thơ, cậu học lỏm theo, chớ cậu không biết đọc biết viết gì cả. Lớn lên 25 tuổi, MAHOMET vẫn không được học, nhưng đã thành một chàng trai - trẻ khỏe-mạnh, và được ông Chú rất tin cậy, giao phó cho tiền bạc để đi buôn hàng, có khi sang tận biên-giới xứ Syrie, hoặc Mésopotamie, cách kinh-đô La Mecque hàng trăm dặm. Mỗi chuyến đi như thế càng tập luyện cho Maho-



Cổng bên phải vô Đền thờ Hồi-giáo ở Jérusalem
 Hình bán-nguyệt trên đỉnh tháp trước cửa, là
 biểu-hiệu của Mahomet, và tượng-trưng sự thống
 nhất bất diệt của hết thảy các Dân-tộc Hồi-giáo
 Mỗi ngày 2 lần, sáng và chiều tối, người gó
 Đền lên trên tháp này, cầm loa kêu gọi Tín-đồ
 đọc kinh Coran, cầu nguyện Chúa All h.
 (Đền thờ Hồi-giáo không có chuông)

met thông-thạo việc thương-mại, và đem nhiều tiền về cho chú. Có một bà triệu-phú góa chồng, gần 40 tuổi nhưng còn duyên-dáng, tên là HADIDJA, thấy cậu MAHOMET buôn bán sành sỏi, lại tính-nết thực - thà, hiền-hậu, liền muốn cậu giúp việc cho bà. Ở được ba tháng, MAHOMET đã được bà chủ hoàn-toàn tin-cậy. Một buổi tối, Mahomet đi làm công việc về mệt, nằm nghỉ-ngoi trong chái bếp. Nàng nô-tỳ 20 tuổi, rất đẹp, tên là Meisara, hầu-hạ bà triệu-phú, và là người thân-tín của bà, đứng dựa nơi cánh cửa chái bếp, mỉm cười nhìn Mahomet, rồi thỏ thẻ hỏi :

— Sao anh không cưới vợ ? Đàn ông gì mà 25 tuổi không có vợ !

Mahomet thân-nhiên đáp :

— Tôi làm công đủ tiền cho tôi xài, chứ không đủ tiền cho một người vợ xài.

Nàng Nô-tỳ Meisara lại mỉm cười duyên-dáng :

— Giá-sử có một người đàn-bà ở bên cạnh anh, mà giàu có bạc triệu, tuy lớn tuổi hơn anh nhưng còn đẹp tuyệt, mà đã để

ý đến anh, đã thương anh, thì anh...

Nàng cười ngặc-ngheo, mặc-cỡ, không nói được nữa.

Chàng làm công Mahomet trở môi :

— Xí ! Ở trên đời này làm gì có được người đàn bà như thế ?

Nhưng đến đêm khuya, Mahomet đang ngủ trong bếp thì có người đàn bà che kín tấm voan trên mặt, đến nơi chiếc giường nghèo khổ của chàng. Chàng sợ tỉnh dậy. Người đàn-bà bỏ tấm voan ra, nắm tay Mahomet, và khẽ bảo :

— Tôi yêu anh vì anh trung-thành, anh chân-thật, anh có nết-na hiền-lành. Tôi muốn làm vợ anh.

Chàng làm-công MAHOMET lặng-lẽ ngồi dậy, đăm đăm nhìn bà. Bà chủ triệu-phú 40 tuổi nhưng sao đêm nay chàng trông thấy bà đẹp thế và trẻ thế, chỉ bằng như tuổi chàng thôi... Chàng mỉm cười ngả gục đầu vào lòng bà.

Thế là chàng Mahomet coi-cút, nghèo-khổ phải đi ở mướn, bây giờ nghiêm-nhiên làm chủ

một gia-tài kết-xù ở kinh-đô La Mecque và làm chủ luôn trái tim của bà quả phụ HADIDJA.

Tình vợ chồng khẩn-khít được 15 năm, yêu-đương hòa-thuận. Hadidja sinh được 3 đứa con trai và 2 đứa con gái, nhưng đều chết yếu cả.

MAHOMET bây giờ đã 40 tuổi, và tuy là chữ-nghĩa không biết tý gì, nhưng nhờ có gia-tài bạc triệu, có một đoàn lạc-đà mấy trăm con, lại được tính-nết hiền-lành, tử-tế với mọi người, nên được dân-chúng kính-phục và tôn làm một chức-vị cao-quý cũng như ông Hội-đồng thành-phố bây giờ. Tuy-nhiên, từ đây Mahomet thay-đổi hẳn tính-tình.

Ban ngày chàng từ-gia vợ để đi lang-thang một mình đến nơi vắng vẻ, ngồi yên lặng. Ban đêm hễ nhắm mắt ngủ thì thấy những giấc mộng lạ lùng. Chàng bắt đầu quen thân với một người thợ bạc mù mắt tên là Ouaraka. Người này đã theo đạo Gia-tô và thường nói chuyện về Chúa Jêsus Christ cho Mahomet nghe. Mahomet trầm-ngâm nghĩ-ngoi, và chán-nản đời sống xa-hoa, phú-quý, chàng bỏ nhà, bỏ vợ,

đi thất-tha thất-thiếu một mình trong bãi cát mênh-mông. Chàng tìm được một cái hang đá, chui vào ở trong đó.

Bỗng dung một buổi chiều tà, gió tung cát bụi đầy trời, chàng ở trong hang vừa chui ra thì một tia chớp sáng-rực xoẹt ngay trên lưng trời. Mahomet sợ quá, nằm sụp xuống cát. Khi chàng mở mắt, thì lạ thay, chàng thấy một vòm trời đầy sao, rồi từ trên trời bay xuống một bóng người. Bóng người có hai cánh, sà xuống bên cạnh chàng, bảo chàng :

— MAHOMET ! Ta là Thiên Thần GABRIEL đây. Ta tin cho Người biết, Người được Chúa-Trời phái xuống trần-gian để cứu dân độ thế !

Đêm ấy là đêm tháng chín âm-lịch. cách nay 1300 năm, và từ 1300 năm đến nay cứ mỗi năm đến tháng chín âm-lịch toàn thế 350 triệu người tín-đồ trên khắp thế-giới đều hướng mắt về Kinh-thành La Mecque, để cầu nguyện, và vui mừng ca ngợi đấng Cứu-Thể Mahomet đã « đấng Đạo ».

Đêm tháng chín ấy, cả nhân-dân Kinh-thành La Mecque đều ngạc-nhiên vì một việc phi-

thường. Nhà triệu-phủ Mahomet không biết đọc, không biết viết, chán đời bỏ đi vào ở hang đá giữa bãi sa-mạc, gần núi Sinai, bỗng dựng nghe Thiên-thần Gabriel truyền miệng cho chàng những lời của Chúa, rồi Mahomet truyền miệng lại cho dân chúng nghe. Chúa bảo:

« Chỉ có một vị Chúa. Chỉ có một quyển Kinh. Chỉ có một Luật-pháp. Chỉ có một Tiếng-nói. Chỉ có một Dân-tộc.

Vị Chúa là ALLAH. Quyển Kinh là CORAN. Luật-pháp là HỒI-GIÁO. Tiếng nói là MAHOMET. Dân-tộc là giống người ISLAM». (ISLAM, tức là Hồi-giáo). Quyển Kinh CORAN, là những lời do Thiên-thần Gabriel tuân theo lệnh Chúa ALLAH truyền miệng lại cho Mahomet, rồi Mahomet truyền miệng lại cho các đệ-tử của ông, để họ chép ra thành sách. Tất cả những lời Kinh ấy đều chép bằng thơ.



Quyển kinh CORAN, in bằng chữ A-rập, quyển sách gối đầu giường của 350 triệu người Hồi-giáo, mỗi ngày phải đọc 2 lần (Quyển kinh duy - nhất của Mahomet).



Ngày 26-7-1956, NASSER, Tổng-Thống xứ Ai-Cập làm lễ trong Nhà Thờ Hồi-giáo ở kinh-đô Le Caire, để cầu-nguyện Chúa ALLAH giúp ông thắng-lợi trong việc tranh-chấp với Anh-Pháp để dành lại kinh Suez.

Hiện nay, quyển kinh CO-RAN là quyển sách nhật - tụng thiêng-liêng của 350 triệu tín-đồ Hồi-giáo ở khắp thế - giới, từ một anh dân nghèo khổ đói rách ở đầu đường xó chợ, cho đến các vị Quốc-trưởng, như Tổng Thống Soekarno của Nam-dương, các vua chúa Mã - Lai, Tổng-Thống Hồi-quốc, Vua Ba-Tư, cựu Hoàng - hậu Soraya, Vua A-ra-bi, Tổng-Thống Irak, Tổng-Thống Thổ-nhĩ-kỳ, Tổng-Thống Nasser của Ai-cập, Tổng-Thống Bourguiba của Tunisie, Vua Mohammed V của Maroc, v. v.... Tất cả mọi người Hồi-giáo từ 14 tuổi trở lên đều phải đọc kinh Coran mỗi ngày.

— Mình ơi, trong kinh CO-RAN nói những gì mà các dân-tộc kia tin - tưởng một cách cuồng-tín như thế nhỉ?

— Kinh CORAN dạy rằng cả vũ-trụ chỉ có một vị Chúa Duy-Nhất, là ALLAH. (Chớ không phải Dieu le Père, là Chúa Trời của Đạo Gia-tô). Chúa ALLAH là DUY-NHẤT, không có ai sinh ra Chúa và Chúa không sinh ra ai cả. JÉSUS CHRIST, theo trong Coran, chỉ là một

con người, là một trong các vị Cứu-thể của loài người do Allah ban cho phép nhiệm màu, như Thích-Ca, Abraham v.v..., chứ Jésus Christ không phải là Con của Chúa. MAHOMET chính là vị Cứu thể cuối-cùng. Sau đây, Trái-Đất sẽ đến ngày tận-thể, và ngày đó những kẻ đã theo ALLAH sẽ được sống trường-sinh bất diệt, còn những kẻ không theo ALLAH và phạm nhiều tội lỗi sẽ bị tiêu - diệt vĩnh viễn.

Trong kinh CORAN cũng có nói rằng nhiệm-vụ thiêng-liêng của toàn-thể dân-tộc Hồi-giáo là tiêu-diệt tất cả các kẻ đa-thần, vì CHÚA chỉ có MỘT mà thôi. Thờ nhiều vị Thần, tức là phản bội Chúa ALLAH. Do lời Allah phán ra như thế, cho nên Mahomet cầm đầu một đạo quân hùng mạnh, gồm toàn các tín-đồ Hồi-giáo, đi chinh-phục khắp nơi. Mình nên nhớ rằng lúc bấy giờ, tức là Thế-kỷ thứ VI, các dân-tộc ở châu Á, các xứ cận-Đông và Bắc Phi, chưa biết Đạo Hồi-giáo của Mahomet, và còn thờ nhiều vị Thần khác. Mahomet chỉ-huy một đạo-quân tín-đồ hùng-cường bậc-nhất ở A-



Vua IBN SÉOUD, xứ Arabie, với cháu nội, trong y-phục Hồi-giáo.

RA-BI, kéo đi đánh dẹp các nơi ấy và chiến thắng trên khắp các mặt trận, cho nên tràn lan cả đến Ai-cập, và Bắc - Phi, qua Nga, Tàu, Ấn - độ, Mã - Lai, Nam-dương. Uy-Thế của Mahomet còn mạnh hơn ALEXANDRE Đại-Đế nữa.

Năm 620, Mahomet được 50 tuổi, thì vợ là KADIDJA chết. Chàng buồn-bã vô-cùng, vì Kadidja là người đệ - tử đầu - tiên của chàng. Chàng coi con ngựa trắng tên là BORACQ (như con ngựa KIÊN của Phật Thích-Ca Mâu-Ni) đi giảng Đạo các nơi. Nhưng nhiều Vua Chúa không theo Mahomet và luôn luôn thờ cúng nhiều vị Thần Cổ-tích, chứ không tin-tưởng một vị Chúa Allah và không tưng - phục Mahomet. Họ liên kết nhau và đánh phá thành La Mecque. Mahomet nửa đêm phải lên đi với các môn-đệ của ông, di-cư về thành Médine để xây-dựng lại nền Đạo.

Ấy là đêm 25 tháng 9 dương-lich 622. Để kỷ - niệm cuộc di-cư lịch-sử này, Mahomet liền đặt năm ấy là NĂM THỨ NHẤT CỦA KỶ - NGUYÊN HÉGIRE (Hégire, tiếng A-rập,

có nghĩa là Di-cư). Theo lịch của các nước Hồi-giáo, năm nay, 1959, là năm 1337 KỶ - NGUYÊN HÉGIRE.

Đến Médine, Mahomet 53 tuổi lấy vợ, là một con bé mới có 9 tuổi, tên là AICHA.

Bà Tú đang nghe say - sưa, bỗng dấy-nảy lên:

— Cái gì kỳ-cục vậy, Minh? Mahomet đã 53 tuổi, sao lại lấy vợ có 9 tuổi?

— Minh đừng ngạc - nhiên lắm. Minh có ngờ đâu con bé 9 tuổi ấy còn đang ham chơi púp-pê, mà sau này sẽ trở thành một nhân-vật quan-trọng nhất trong Lịch-sử Hồi-giáo! Theo tục - lệ A-Rập, Mahomet lấy thêm 13 cô vợ nữa, cả thảy là 14 cô lận. Minh ơ!

Bà Tú cười sặc-sụa:

— Chúa Cứu-thế gì mà hảo-ngọt quá-xá vậy!

— Phong-tục Hồi-giáo là như thế.

Hiện nay đàn-ông ở tất cả các nước Hồi-giáo đều vẫn tha-hồ lấy vợ, vì theo trong Kinh-CORAN Chúa ALLAH cho phép lấy nhiều vợ. Minh nh ở không, năm ngoái đã a y Tổng - Thống Bourguin

ba của xứ Tunisie muốn cấm chế-độ đa-thê mà không được! Tổng-Thống Sokarno của Nam-Dương có 2 vợ, Hội Phụ-nữ Nam-Dương phản-đối kịch-liệt mà Quốc-Hội lại hoan-nghehnh! Vua Mohammed V xứ Maroc cũng có một tá vợ!

Bà Tú cười ngó chồng:

— Em thì chừng nào Minh muốn, em sẽ bằng lòng cho Minh lấy 3 vợ thôi, chứ nhiều hơn nữa em không thêm đâu.

— Nếu thế thì anh cảm ơn Minh trước nhé!... Thế rồi, ngày 16 tháng 3 năm 623, Mahomet thắng một trận lớn, và từ đó dần-dần quân-đội Hồi-giáo đánh đâu là thắng đấy. Ông kéo quân về đóng ngoài thành LA MECQUE, sau khi đã tiêu-diệt được tất cả các kẻ không phục-tòng. Rồi ông dự-bị xây dựng một đế-quốc hùng-cường của Hồi-giáo. Thế là Tôn-giáo, binh-bị và chính trị đã liên-quan chặt-chẽ với nhau trong Lịch-sử Hồi-giáo, và Mahomet đã phải lấy xương máu của kẻ thù mà thu-nạp tín-đồ cho Allah.

Ngày đầu tháng 1 năm HÉGIRE thứ VIII (tức là năm 630

dương-lich) Mahomet kéo 10.000 binh-sĩ vào thành La Mecque. Cùng đi với ông, có 14 bà vợ. Cô vợ được ông cưng nhất và nhỏ tuổi nhất, là AICHA, lúc bây giờ đã 17 xuân xanh, đẹp-lộng-lẫy, coi ngựa đi đầu. Theo sau là nàng Saouda (42 tuổi), Hafsa, Zeineb, Oumn Selma, Rihana, Cayfia, Habiba Maimouna, Maria, bà nào cũng diêm-lệ yêu-kiều, từ 20 tuổi trở lên. Nhưng không có bà nào có con trai hết. Chỉ có Maria sinh được một cậu bé kháu-khỉnh cũng bị chết non như 6 đứa con trước của bà vợ triệu-phú Kadidja.

Vị Chúa Cứu-thế của Hồi-giáo có tuyên-bổ câu này: « Đời ta chỉ ham-mê 3 thứ: phụ-nữ, đầu thỏm, và Kinh Cầu-nguyện Allah ».

Ngày thứ hai, 8 tháng 6 dương-lich 632, tức là ngày 13 tháng 1 năm HÉGIRE THỨ IX, Mahomet hưởng thọ được 61 tuổi. Ông cho gọi hết tất cả các đệ-tử đến đứng quanh giường ông, và dân chúng kinh thành La Mecque kéo đến chật hết cả đền thờ. Ông nằm trong cánh tay non-nà của nàng AICHA yêu quý,

MINH OI !
và cô con gái FATIMA cứng
nhất của ông đứng hầu bên
cạnh, ông thốt ra mấy lời :
« Ta đã hoàn thành sự nghiệp

Hồi giáo. Ta đã đảm-nhận xong
nhiệm-vụ thiêng-liêng của AL-
LAH trao cho ta. Từ nay Hồi-
giáo sẽ là Đạo vĩnh-viễn của
các người».



MAHOMET
đang cầu
nguyện Chúa
trời ALLAH.

★
Hình vẽ trong
quyển sách
« Mahomet lên
châu Trời », vẽ
hồi Thế-kỷ XV
tại thành Hérat
xứ Afganistan.
(Chân-dung duy
nhất của MA-
HOMET. Đạo
Hồi-giáo không
thờ tượng và
 tranh ảnh như
các Đạo khác).

Nói xong, ông nhắm mắt,
Thế là Mahomet, nguyên là một
đứa trẻ côi cút, nghèo-nàn, đi ở
mướn, không biết đọc, không
biết viết, chỉ có nghe theo tiếng
gọi của đấng thiên thần Gabriel
mà trở nên người sứ giả của
Chúa muôn loài, của ALLAH
muôn thuở. Ông không phải là
Chúa Trời, không phải là
Thượng đế, nhưng ông hiện là
Chúa tể của một đế quốc rộng lớn
mênh mông của 350 triệu người
Hồi-giáo, một đế quốc vĩnh-viễn
bền-bỉ từ 1300 năm nay !

Ông Tú ngưng nói một lúc,
bà Tú bảo :

— Lịch-sử loài người cũng
lắm chuyện khó hiểu quá, Minh
nhỉ. Một người nào đó bỗng
dưng tiết lộ ra một vị Chúa
Trời nào đó, thế là cả hàng trăm
triệu người cuồng-nhiệt tin theo!
Thành thử, hiện tại Thế-giới
sống trên quả địa cầu đang phân
chia ra nhiều tin-tưởng, mà từ
mấy thế-kỷ nay vẫn chưa ai tìm
ra thấu triệt CHÂN LÝ DUY
NHẤT cho hết thấy Nhân-loại.

Ông Tú cười :

— Làm gì có chân- lý duy-
nhất mà tìm ! Một Văn-sĩ Pháp-
Montaigne, đã nhận xét đúng-
đắn rằng : « Con người là một
sinh vật xuây cuồng và trụy-lạc »
(L'homme est un être ondoyant
et pervers). Có lẽ cái tính chất
thiên-nhiên của con người là
như thế vậy ! Thôi, chúng ta
hãy tạm dẹp cái triết-ly cùn đó
ra một bên. Riêng anh đã có cái
CHÂN LÝ DUY NHẤT của
anh rồi, khỏi cần tìm đâu xa ;
là anh tin-tưởng rằng Minh đẹp
hơn tất cả các Nữ-Thần, và Tình
yêu của hai đứa mình là một
Tôn giáo đẹp hơn hết thấy các
tôn-giáo. Phải không, Minh ? ...

Bà Tú âu yếm gác đầu tóc
huyền diệu trên vai chồng, rủ-rủ
như tiếng chim :

— Em muốn được nghe mãi-
mãi Minh đọc bài Kinh thiêng-
liêng ấy !

Diêu Huyền



★ CÔ PHƯƠNG THU

MON ĂN HỮ

★ TÔM RIM

VẬT LIỆU:

Mười con tôm

Một miếng thịt bằng hai ngón tay (thịt ba chỉ).

Một củ hành, một miếng đường bằng hai ngón tay

Một muỗng xì dầu, một muỗng mỡ. Muối, tiêu.

CÁCH LÀM:

Tôm rửa sạch, lột đầu và sau đuôi, chừa lại khúc giữa, thịt heo xắt lát mỏng bằng một lòng tay.

Quánh rửa lau sạch, bắc lên bếp, đổ mỡ vào, bỏ thịt vào xào cho ra mỡ bớt, xong bỏ hành vào rồi mới đổ tôm vào, nêm muối, đường, xì dầu, tiêu, nhớ để lửa riu riu (vừa nóng) đừng đồ lắm, lấy nắp đậy lại cho dễ thấm, độ một lát xem tôm thịt thấm đều là duống xuống dọn ra ăn.



★ CÁ PHÁT LÁT NẤU CANH

VẬT LIỆU:

3 con cá phát lát,

Một chục con tôm

Một củ hành, một muỗng nước mắm, tiêu, hành lá, ngò.

CÁCH LÀM:

Cá phát lát làm vẩy xong, rửa sạch, lạng ra, lấy dao nạo nạc đem bỏ vào cối quết cho nhuyễn, nêm nước mắm, tiêu, hành, cho đều, xong viên từng viên nhỏ.

Lấy soong đồ nước vào bắc lên bếp, chờ nước sôi hãy bỏ cá đã viên rồi vào, tôm đã rửa sạch lột vỏ bỏ vào. (Có thêm tôm là muốn cho canh được thêm phần ngon) Chờ canh sôi, cá chín mới duống xuống rồi hãy bỏ hành lá, ngò xắt nhỏ vào. Múc ra dọn ăn.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU

★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẶC

X

(Tiếp theo P.T. số 25)

SỰ tiếp cận đó, bỗng kéo tôi về thực tại. Như sự tỉnh, sau một phút mê-ly, tôi nhận thấy cử chỉ của tôi đã vượt ra khỏi cỡ-phạm. Ngay lập tức, tôi bèn rút tay lại.

Có hỏi:

— Ô! sao vậy?... Tiên sinh một à?

— Thừa không, không phải... Tôi đáp ứng, không biết trả lời

cô ra sao, cho xuôi, và tôi với-vàng cho xe phóng lên vun-vút. Cây cối và các ngọn đèn hai bên lẽ đường, không khác gì, tụt trong màn sương, vụt hiện ra, rồi lại lướt biến đi. Ánh sáng của cặp đèn pha chiếu thẳng về phía trước. Quả tình, lúc này tôi mới ý hội được cái mục đích của cuộc hành trình đêm nay. Tôi nói:

— Chết thật! Có lẽ chúng ta đến quá trễ, chứ chẳng không.

— Ô, cho dẫu ta có đi sớm hơn, thì cũng vẫn muộn như thường.

Cô nói xong, cười lên khanh-khách.

Thế là thế nào? Cái tiếng cười đó đã có một ý-nghĩa gì? Đó là một sự quấy-rũ hay là một sự chế-diễu? Tôi liếc mắt nhìn cô, để cố tìm hiểu và, bất giác, tôi cho xe đi chậm lại. Tôi có cái ấn-tượng rằng, cô chẳng lưu-tâm một tí nào tới cái sứ-mệnh cần trọng kia, và cô đem cái công việc đương làm đây, truyền thành một cuộc phiếm-du. Thế còn tôi thì sao?

Bỗng, cô nói:

— Ừ, cái tốc-độ này mới thật là vừa phải. Cho xe chạy một cách êm-ả như vậy, ta mới không đến nỗi cô - phụ cái cảnh đêm êm-đẹp, đầy minh-my của buổi cuối-xuân, sang hạ này.

— Nhưng, cô Hải-Lan ạ, có lẽ, chúng ta cũng nên nhớ rằng, hiện thời, chúng ta đương làm một công-việc y-trị, chứ không phải chúng ta đương đi du-xuân, đâu đấy nhá.

— Không, đối với tôi, bao giờ công việc làm cũng phải đi đôi với sự vui-chơi. Nếu đem phân tách hai sự-khện đó ra, thì còn gì là hứng-thú nữa. Không khi nào, tôi chịu làm một việc gì, mà trong đó, không có đôi

phần ngộ-lạc.

— Ô! Thế cái việc cô phục-thệ tiêu-thư Thê-tư-Lãng, thì làm gì có sự ngộ-lạc ở trong, kia chứ?

— Tiên-sinh làm, có lắm, chứ lại; này nhá, tôi xin kể tiên-sinh nghe: trước hết, tôi được luôn-luôn ở trong cái hoàn-cảnh hoa-quý, phú-lệ này; sau nữa, tôi được tiếp cận ngày đêm, với một trang phần-đại vào hàng thiên-hương, quốc - sắc... Ngàn ấy thứ, không phải là một sự khoái-hoạt, hay sao?

— Nhưng, vẫn không phải là ngộ-lạc.

— Thế tiên sinh không nhớ cho rằng: hưởng thụ là ngộ-lạc, hiểu theo nghĩa rộng của từ ngữ đó, hay sao?

Cô nói xong, ngược cặp mắt nhìn tôi.

—

Tôi chẳng còn biết lấy lời gì để đáp lại cô và tôi chỉ cảm thấy sự ứng đối sắc bén và mau lẹ đó làm cho tôi nhụt hết nhuệ-khi; cái thị tuyến long-lanh, sáng ngời của cô đã có một phép huyền diệu nó biến tôi thành một vật quá điều tiêu, vi-ty. Có lẽ đây cũng là một thứ tự ty nó làm cho tôi quên khuấy hẳn địa-vị và lập trường của chính mình. Tôi bèn nói:

— Cô Hải-Lan ạ, giá vì thử, cái cuộc đi này chỉ là một buổi xuất

du đề hưởng cái thú đêm trăng, thì có lẽ, chẳng khi nào cô chịu đi với tôi như thế này, đâu đấy nhỉ?

— Sao lại không, những lần sau đây, tôi sẽ chẳng vì công tác mà đi chơi với tiên sinh, tiên-sinh chờ ấy này về điều đó.

— Thế nhưng mà, dẫu sao, cũng chỉ vì công việc y-trị tiêu-thư Thê-tư-Lãng mà tôi mới được tiếp cận với cô.

— Cái đó đúng như vậy, nhưng cũng là nhờ ở cái công-tác ấy, mà tiên sinh có dịp hiểu biết tôi hơn.

Ấy thế rồi, chúng tôi đi tới khu phố xá và tôi cho xe dừng bánh ở trước cửa quán rượu «Màn-côi». Ngoài nhìn về phía bên kia lễ đường, chúng tôi đã nhận ra chiếc xe màu xanh. Ấy thế mà, ở trong quán rượu, chúng tôi chẳng thấy tăm hơi của tiêu-thư Thê-tư-Lãng đâu cả.

Tôi đồ chừng rằng, nhất định nàng ở bên sông bạc, bởi vậy, chúng tôi ung dung tìm một cái bàn đề ngồi xuống; Hải-Lan có vẻ hơi ngưng-ngệ, vì ở nơi đây, đàn ông cũng như đàn bà, họ ăn bận cầu thả xô bồ, nói năng thô-sỗ, cục cằn, cô không quen cho nên thấy rất đối gai mắt, chối tai. Cô nói:

— Quái thật! Không hiểu sao lại đến cái nơi này làm gì, kia chứ?

Tôi vừa cười, vừa đáp:

— Ta phải đến đây, là vì công-tác mà. Thôi, cô hãy ngồi đây nhá, để tôi đi tìm tiêu-thư Thê-tư-Lãng, mọi được...

Vừa nói tôi đấy, bỗng, tôi vụt nhớ ra, nên vội hỏi Hải-Lan:

— À, thưa cô, có phải tiêu-danh của tiêu-thư là Bạch-Tần, không nhỉ?

— Thưa không phải, chúng tôi thấy cả nhà vẫn gọi tiêu-thư là Y-lợi-ná, kia mà.

— Ô, cô không biết, chứ, ở nơi đây, họ đều gọi tiêu-thư là Bạch-Tần, đấy.

Nhưng, ở bên sông bạc cũng chẳng thấy nàng đâu. Đi quanh đi quẩn một hồi khá lâu, tôi lung-khấp cả các nơi đều không có và sau đó, tôi lại trở lại chỗ tửu-sảnh. Ở đây, vũ-khách đang ôm nhau lượn theo điệu nhạc của phường kèn. Cùng lúc ấy, một người đàn ông, chính cái gã có râu mép tối hôm trước, đương mời Hải-Lan khiên-vũ; cô có vẻ sợ hãi không ưng - thuận; anh chàng ta cố nài ép, nên lại làm cho cô càng thêm kinh - dị. Gã kia lúi đi, cô co lại; cơ - hồ như cô sắp sửa oà lên khóc. Tôi vội tiến tới. Vớ được tôi như người sắp bị chìm, nắm được cái phù - phao, Hải - Lan mạnh-dạn giằng phất tay ra. Gã kia nghe chừng đã chệnh - choảng

hơi men nên đỡ trò bài - bậy. muốn cưỡng-áp cô. Tôi từ-tốn, nhìn vào mặt hắn ta, nói :

— Thưa ông, tôi xin lỗi ông. có lẽ ông không nên nài-ép tiểu-thư làm gì.

Hắn ta giương cặp mắt đỏ ngầu, hỏi tôi :

— À ! nhà cô này là « mộng » của anh, phải không ?

— Xin ông chờ đỡ cái giọng ấy ra với tôi.

— Phải hay không, thầy kệ, anh cứ đi !

— Đồ vô-lẽ,... mất dạy.

— Mẹ nó !

Hắn nói xong, giơ tay định đánh vào mặt tôi. Nhân đã được huấn - luyện về quyền - kích, nên bất - giác, vừa né tránh, tôi vừa một tay nắm lấy tay hắn, còn tay kia đẩy mạnh vào bả vai hắn, hắn bị mất thăng bằng, ngã vồ lên mặt một chiếc bàn gần đó. Hắn chống hai tay, lồm cồm đứng lên. Chỉ trong nháy mắt, tôi hối hận rằng, tôi đã quên hẳn tôi biết kỹ-kích, và tôi cũng lại ngạc-nhiên về sức mạnh, cùng là sự mau lẹ của cánh tay tôi. Kê ra, lần này là lần đầu tiên, tôi đã đem vũ nghệ ra để tự vệ.

Trong khi ấy, gã kia, vì xấu hổ quá mà đăm khùng, hắn ta giơ nắm tay, nhắm đầu tôi mà đánh xuống ; tôi lại né, tránh. Nếu tôi không nghĩ lại mà chịu nhẫn, thì

thề nào, hẳn lại cũng bị đánh ngã. Vả, tôi có cần chứng thanh-thể làm chi, mà tôi cũng chẳng muốn đa sự ; ở đời, hề sinh sự, thì sự sinh. Hải-Lan sợ quá, mặt cô tái mét, mắt không còn giọt máu. Đối phương xem chừng đương hăng máu, muốn rủa cái nhục vừa rồi. Hắn cứ lần xả vào để đánh tôi. Khách hàng của quán rượu xúm lại, vây quanh lấy chúng tôi ; chẳng có một người nào đứng ra để khuyên-giải cả, họ cơ hồ như rất dỗi cao hứng, chỉ trở mắt xem, không khác gì họ đương chứng kiến một đám chơi gà, hay một đám đấu võ vậy. Tôi vừa quay lại bảo Hải-Lan hãy tránh ra chỗ khác, thì gã kia lại đánh xuống lia-lịa. Bọn bàng-quan bắt đầu la-ó như để trợ-chiến cho đối phương. Tôi vừa tránh xong những cái đấm, thì hẳn nhảy bô lại, tôi bèn ngồi thụp xuống và đưa tay, hất nhẹ hẳn một cái, hẳn liền lộn nhào về phía sau lưng tôi. Đây, chẳng qua cũng chỉ là một miếng võ nhập-môn, chứ không lợi hại gì cho lắm. Tôi cũng chẳng thừa thắng - thế, để đả thương hắn, nhưng không may cho hắn, khi ngã, gieo mình xuống đất, hàm dưới của hắn đập vào cạnh chiếc bàn, nên hẳn bị đau điếng người đi. Người đứng xem lại reo hò. Hắn, lúc ấy, không khác gì một con

hồ bị thương. Trong cơn cuồng nộ đó, hẳn nhìn quanh mình để kiếm một thứ vũ-khí lợi-hại mà tinh - mệnh với tôi. Bỗng, ở ngoài vòng người, tiếng hô-hoán nổi dậy. Hai đấu-thủ đều ngừng lại. Thì ra, là Bạch-Tần, nàng chợt trông thấy Hải-Lan, liền kêu lên :

— Trời ơi ! Hải-Lan ! Em đến đây làm gì ?

Hải-Lan chạy lại, ôm lấy Bạch-Tần, nước mắt chảy quanh. Cái gã đấu - thủ của tôi cũng đi lại bên nàng, nhưng nàng chẳng lý gì đến hắn, và quay, trách - vấn tôi :

— Chết thật thôi ! Sao ông lại đưa em nó lại đây làm gì, kia chứ ?

— Thưa, vì tôi không muốn thất tin với tiểu thư.

— Thất tin ?

— Vâng, tối hôm qua, tôi chẳng đã hứa với tiểu thư rằng, bữa nay, tôi sẽ đem người yêu tiểu thư, lại cho tiểu thư thấy, thôi !

— À, à !

Nàng mỉm miệng cười, rồi nói tiếp :

— Thôi, thế bây giờ, ông hãy đưa em nó ra khỏi nơi này đi, cho tôi !

— Còn tiểu thư, tiểu thư ở lại đây sao ?

Hải-Lan vội nói :

— Không, tiểu-thư phải cùng đi về với chúng tôi, cơ.

— Em cứ về trước đi, tôi sẽ về sau.

Hải-Lan nũng-nịu nói :

— Nếu tiểu-thư không cùng đi về, em cũng không về đâu.

Bạch-Tần ngán - ngữ một tý, rồi bảo Hải-Lan :

— Ủ, thôi được, ta cũng về cả, cũng được, nhưng, từ đây sắp lên, Hải-Lan phải hứa chắc, không có được bước chân đến nơi đây nữa, nghe chưa ?

— Vâng, nhưng tiểu-thư cũng đừng có đến đây nữa, cơ !

Bạch-Tần cười.

(Còn nữa)

* DỖ HƠI

Bà chủ nợ khốc nức nở :

— Tôi lạc mất con chó béc-dê nhỏ, con Li-Li.

— Việc gì mà buồn, sao bà chẳng nhờ đăng lên báo ?

— Khốn kìa ! con Li-Li đâu có biết đọc báo chứ !

MỘNG-TUYẾT (Ba Xuyên)

THƠ

LIÊN RƯỢT



Bức họa khỏa-thân

Nghĩ tức cười ông giáo
Vẽ cô gái khỏa thân
Không mặc quần mặc áo
Để thiên-hạ cười rân!

★

Nhưng có gì trơ-tráo,
Nghề lương-thiện mần ăn?
Mà các chàng ngo-ngáo
Dám nghi lão mần-răng?

★

Đứng ngoài hè xôn-xáo
Moi lỗ vách dòm xằng,
Rời chạy đi tổ-cáo
Cho sinh chuyện lằng-nhằng!

★

Mấy ông đeo súng sáu
Tưởng là gái lằng-nhằng?

Nghe người ta phi-báo
Ừ đến bắt hung-hăng!

★

Vẽ trần-trường, chu-đáo,
Thì phải cỡi hết phăng,
Không mặc quần mặc áo,
Mặc xi-líp mần-răng?

★

Vậy mà bắt đi ráo,
Đem về bót lằng-xằng,
Mấy thầy trò ông Giáo
Ngó nhau cười nhẩn-răng!

★

Rồi mấy ông nhà-báo
Lượm tin-tức về đấng
Để phổ-phương huyền nào,
Để Diệu-Huyền cười lãn!

Xã-Giao

VIẾT THƯ

Có một số người rất cầu thả trong khi viết thư. Họ tưởng rằng họ viết sao cũng được, nhưng họ không ngờ viết một bức thư cho ai là tỏ cho người ấy thấy cái tư-cách giáo-dục của mình. Chúng ta nên thận-trọng về những điểm sau đây :

A) *Xưng hô*. Một người con trai, (hay đàn ông), viết thư đến một cô con-gái (hay đàn-bà) mà mình *mới quen biết sơ*, hoặc *mới gặp nhau một vài lần*, không bao giờ được xưng-hô với những lời thân-mật sỗ-sàng, thí-dụ như

CÔ TUYẾT - HỒNG
THÂN-ÁI,

* BÌNH MINH.

BÀ MỘNG-XUÂN QUÝ.
MẾN, v. v...

Những danh từ quá thân mật ấy chỉ được dùng với những bạn, (trai, hay gái) **RẤT THÂN** mà thôi. Rất tiếc hiện nay có một số bạn-trẻ hay lạm-dụng các danh-từ ấy bất cứ đối với người quen thân hay sơ, chỉ tỏ một lối xã-giao kém cỏi. Một cô bạn gái (còn trẻ tuổi) có dịp làm quen với một ông giáo - sư trong một tiệc trà, và chỉ trao-đổi những câu chuyện thường về một vài vấn đề công - tác xã-hội. Ba hôm sau, cô nhận được một bức thư của ông giáo mở đầu bằng một câu :

HỒNG-LAN THÂN MẾN
Cô bạn Hồng - Lan rất khó

XÃ GIAO

chịu, và nhất - định không phúc đáp. Cô không phúc đáp là phải, vì lối xưng-hô quá sỗ-sàng như thế kia chỉ **CHỨNG TỎ MỘT TƯ-CÁCH KÉM CỎI** mà thôi. Đành rằng người đàn ông muốn tỏ « cảm tình », muốn « làm thân » nhưng cần phải tỏ một cách **LỄ PHÉP HƠN** (vì mới sơ-giao). Bồng-bột và sỗ - sàng như thế kia, là **VÔ TÌNH COI RẼ GIÁ - TRỊ** của người mà mình muốn giao-thiệp thân-thiện.

Chúng ta nên biết rằng : **TRỪ NHỮNG NGƯỜI THẬT THÂN-YÊU**, ngoài ra chúng ta không được phép gọi ai bằng cái tên không. Nếu không phải là vợ, chồng, hay người yêu, thì chúng ta không được phép gọi rõng - không bằng tên. Thí-dụ phải gọi : **CÔ X; CHỊ X; ANH Y**, chứ cứ tự - tiện gọi rõng-không : Xuân, Thu, Hồng, Cúc, v.v... là **BẤT NHÃ, RẤT BẤT NHÃ**.

Bạn thân cũng không được gọi với nhau như thế (trừ khi đôi bạn cùng phải gọi với nhau). Học sinh trai và gái quen thân nhau, cũng phải gọi : **ANH Xuân, ANH Thu, CHỊ Hồng, CHỊ**

Cúc, hay **CÔ Hồng CÔ Cúc**, chứ gọi rõng bằng tên không, đàn-bà con gái là **lãng-ơ**, bất chính, con trai, đàn ông, là **sỗ-sàng, tro-trên**.

Nhân tiện đây, tôi xin thành-thật khuyên một số bạn gái còn trẻ tuổi, không bao giờ các bạn nên xưng hô theo lối đó với các bạn trai. Còn bạn trai cũng không nên lợi-dụng tình bạn vui-vẻ, nhã-nhận, mà gọi sỗ sàng như thế. Bị gọi như thế, hoặc lúc nói chuyện, hoặc trong thư-từ, người con gái đứng-đắn sẽ mất nhiều cảm-tình với bạn.

Mấy lúc sau đây danh từ « *thân ái* » bị lạm dụng quá nhiều, hoặc bị hiểu lầm không ít. « *Thân ái* » là chỉ để dùng với người yêu mà thôi. Trong tình bạn đứng-đắn, chỉ nên dùng : « *thân mến* », hoặc thân nhiều hơn nữa, thì dùng : « *quý mến* ».

Cuối thư cho bạn, trước khi ký tên, chúng ta cũng không nên để :

« *Thân ái chào bạn* », hoặc « *Thân-ái chào cô, chào bà, chào ông* », v.v...

Tiếng Việt ta, đã có những

chữ « mến, thân mến, quý mến » để dùng trong tình bạn, rất đẹp và rất nhã.

Đối với người lớn mà mình mới quen biết, bao giờ cũng nên dùng chữ « kính ». Viết thư thì : « Kính gửi ông... Kính gửi bà... » Thưa ông ... thưa bà ... thưa cô... » Mình nhỏ hơn, kém về tuổi tác, địa vị, v.v... không bao giờ được viết : « Ông... Bà... Cô... thân mến ». Dù người lớn là bạn với mình, rất tử tế, thân mến mình, mình cũng phải mở đầu bức thư bằng câu : « Kính gửi : «thưa...» hoặc thân nhiều hơn nữa, thì « Ông Xuân kính mến » « Bà Hồng kính mến ».

Đĩ nhiên, khi hai người yêu nhau, thì việc xưng hô chào hỏi không thành vấn đề !

Cuối thư, đối với người thường, bạn thường, chúng ta không nên đề thon-lớn hai chữ :

« Chào Ông », « chào Bà », « chào cô ».

Luôn luôn nên đệm vài tiếng lịch-sự :

« Kính chào ông », « kính chào bà », « Kính chào cô », «Trân trọng chào ông, bà, cô » v.v...

Thân hơn, thì đề :

« Thân-mến chào cô, chào bà ».

Hoặc chỉ 2 chữ :

« Kính mến », hay « Thân mến ». Không cần đề « chào » cũng được.

Nhưng chỉ đề :

«Chào ông», «chào cô », v.v... thì rất vô lễ.

Đối với kẻ mà mình thù ghét, mình viết thư phản-đối, hoặc tỏ vẻ bất bình, hoặc gay lộn, mình cũng phải giữ gìn lễ-độ :

Kính gửi ông, bà, cô...

Thưa ông, bà, cô... và trước khi ký tên, cũng phải viết : Kính chào ông, bà, cô, hoặc ít nhất : Xin chào ông... Chữ nhất định không nên viết cục-ngũn : « chào ông ». Viết thư, hay nói chuyện, bất cứ trong trường hợp nào, cũng cần tỏ cho người ta thấy **MÌNH LÀ NGƯỜI CÓ GIÁO-DỤC.**

Có nhiều bức thư gửi đến người quen và lớn hơn mình, hoặc ngang hàng với mình, nhưng không phải là bạn, mà đề như sau đây :

Ông Xuân,... Bà Hồng... Cô Cúc..., v.v...

thì thật là kém lịch-sự. Tại sao

chúng ta không thêm vào mấy lời :

Kính gửi...

«có phải là nhã-nhận, đẹp-đẽ và lịch-sự hơn không ?

Tôi đã được dịp thấy một bạn học-sinh gửi thư cho ông chủ-nhiệm một tờ báo như sau đây :

Mỹ Tho, ngày...

Ông Nguyễn-văn-A,

Tôi là độc - giả trung-thành của báo « Tân-Tiến ». Tôi rất hoan-ngênh tôn-chỉ của báo và cũng muốn góp phần xây-đựng Văn-hóa nước nhà cho thêm phần tiến tới. Nay tôi gửi bài thơ « Người em Sầu mộng của tôi » sau đây nhờ ông đăng lên « Tân-Tiến » số tới. Chừng nào đăng được, xin ông gửi tiền nhuận bút cho tôi nhé.

Thân-ái bắt tay ông :

(tên ký)

Địa chỉ của tôi :

Lê văn...

Học-sinh Đệ-Tam

Trường...

Mỹ Tho

Ông chủ - nhiệm báo « Tân-Tiến » trao tôi xem bức thư,

xong rồi ông cho tôi coi luôn phong bì đề như sau đây :

Nguyễn-văn-A

Chủ-nhiệm báo « Tân Tiến »

...

Ông Chủ-nhiệm mỉm cười bảo tôi :

— Thời buổi tự-do, dân-chủ !

★

★ **Trả lời em Hoàng - Phi-Hùng — Huệ**

Chị rất tiếc không thể chỉ cho em rõ-ràng về việc giao - thiệp với « bạn gái », vì tùy theo trường-hợp. Vấn-đề ấy rất phức-tạp, thuộc về phạm-vi tâm - lý nhiều hơn là xã giao.

★ **Bạn đọc kỹ tên không rõ — Nha-Trang.**

Mình bước vào nhà bạn, thấy bạn đang ngồi nói chuyện với một người bạn khác mà mình không quen, mình cũng phải chào người không quen ấy sau khi chào bạn mình. Chứ chào bạn mình mà không nói một câu gì với người bạn không quen kia, là rất kém lịch-sự. Gặp trường hợp đó ở ngoài đường cũng thế.

B.M.



**CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
CỦA THẾ HỆ
LÃO THÀNH**

4.- Bà SONG-THANH

NẾU giang sơn Hồng Lĩnh Trung Việt, đã sản-xuất Nữ sĩ CAO NGỌC ANH, và khí thiêng của sông Nhị núi-Nùng đã un-đúc nên tâm-hồn thơ mộng của nữ sĩ Trương-Phổ (sẽ có bài sau), thì đất Đồng-Nai cũng đã đưa vào Thi đàn Nữ-giới Việt Nam một Nữ-sĩ tài ba đáng mến.

Lâu nay, các giới Văn-học Trung Bắc đã có sẵn thành kiến rằng non nước Miền Nam không

có vẻ nên thơ, và xứ «Đồng-Nai Lục Tỉnh» không sản xuất được Thi-nhân Văn-sĩ.

Ngày nay, thành-kiến ấy chắc không thể tồn tại được nữa, vì quê hương của cụ Nguyễn-đình Chiểu, của bà Trần ngọc-Lâu, bà Sương nguyệt Ánh, đã chứng tỏ rất vẻ vang rằng bất cứ trên mảnh đất nào của Việt-Nam, có máu thiêng của dòng-dõi Tiên Rồng chảy trong huyết.

*** ĐIỀU-HUYỀN**

BÀ SONG THANH

quần nhân dân, thì tâm-hồn (Việt Nam vẫn nảy nở ra muôn nghìn hương sắc làm rạng rỡ Non sông.

Kế tục truyền thống Thi văn phụ-nữ của cuối Thế kỷ XIX, Nữ sĩ SONG THANH có thể là một Đại diện xứng đáng của thế hệ Nữ sĩ miền Nam của tiền bán thế kỷ.

Bà sinh ngày 13 tháng 8 năm 1894, (nay hưởng thọ được 65 tuổi), tại làng An Thạnh, tỉnh Bến Tre, hiện giờ là tỉnh Kiến-Hòa. Tên thật của bà là Nguyễn-thị ĐỐI, ái nữ của ông Chánh-Tổng Nguyễn tương Hưng, ở quận Mỹ-Cây.

Lúc thiếu thời bà có học chữ Nho ít nhiều, và đến lúc cấp sách đi đến trường tỉnh bà đã biết thường thức văn-chương và ham mê thi-phú.

Nhưng bà làm thơ hoặc xướng họa với bạn bè chỉ là để thỏa-mãn tâm hồn khát-khao thơ-mộng mà thôi, chớ không gởi đăng trên các báo, và không có ý định in ra thành sách.

Chồng bà là một bác-sĩ cũng đã lão-tàn, và cũng làm nhiều thơ dưới bút - hiệu DIÊN-HƯƠNG.

Năm 1943, Song - Thanh Nữ-sĩ cùng ông lập ra một thi-xã lấy tên là ĐIỀU-TRỊ, tại biệt - thự của hai ông bà ở đường Nguyễn Du, nơi đây hằng tháng có một

số Tao-nhân mặc - khách Bắc, Trung, Nam, hội - họp đề ngâm thơ họa vịnh.

Tôi sẽ có dịp nói đến Thi-xã ĐIỀU - TRỊ và Thi - xã NAM-PHONG, là hai Tao-dân đang có tiếng hiện nay ở Sài Gòn, và HƯƠNG-BÌNH Thi-xã ở Huế.

Hoạt động của ba Thi - xã ấy là một sự-kiện đáng lưu-ý trong Văn-Học-Sử hiện đại.



Song-Thanh Nữ-sĩ chuyên điều-luyện về *Tạo bát-cú Đường-luật*.

Thơ của bà trầm - lặng, và trang-nghiêm.

Như bài sau đây :

ĐÁ VỌNG - PHU

*Nhìn con chạnh tủi mấy thu-
đông,
Hóa đá tro hình đứng ngóng
trông.
Đêm hưng lệ sương đầu đầm bạc.
Ngày phơi ánh nắng mà phai
hồng,
Gió đưa những đợt thuyền ai ghe.
Trăng đợi đầu dè bến nước
không !*

*Dâu biển chỉ sòn gan sắt-đá,
Khu-khu một dạ chẳng hai chồng.*

Nữ-sĩ chọn chữ rất khéo, gọt được cho ta nỗi buồn bàng - khuâng, niềm thương sâu - đậm. Đã biết bao nhiều bài thơ về « Đá vọng

phu của mẹ - khách tao nhân, nhưng theo nhận xét thiên cận của tôi, có lẽ bài trên đây của Song-Thanh Nữ-sĩ đã diễn tả được mỗi cảm hoài thâm đậm hơn, trầm lắng như đá, thắm thía như sương.

Xao xuyên cảm thông với phẩm tình sắt đá kiên trinh cùng tuế nguyệt, Nữ sĩ cũng tha thiết với tâm sự đa đoan của người chinh phụ trong một bài *Phú-dắc* nhan đề :

*Phải chi vác nổi súng đồng,
Ra đi linh thể cho chồng đời năm..*

Bài thơ như sau đây :
*Chờ chi vác nổi súng thần công
Xin nguyện đời năm thế đỡ chồng
Thương bạn trái-gan ngoài chiến
địa,*

*Thẹn mình ôm lệ giữa kim phong!
Giang sơn một gánh chàng theo
nước,*

*Tình nghĩa hai vai tiếp trọn lòng
Đốt nén trầm hương cầu Phật độ.
Chấp chờn bóng nguyệt gác bên
song!*

Lời thơ linh động và cảm kích xiết bao ! Trong tám câu thơ, có đọng cả một tâm sự xót xa không bờ bến, của người thiếu phụ thương chồng ngoài trận mạc. Với hai câu ca dao mộc-mạc đơn thanh, Nữ sĩ đã dệt ra một niềm thi cảm đủ sắc màu tinh-tế, đủ tình ý thanh tao.

Tôi đã nói thơ của Song Thanh Nữ sĩ trầm lắng và trang-nghiêm. Đó có lẽ cũng là phẩm tính của

tác giả. Và bất cứ với đề tài nào, chúng ta cũng nhận thấy dưới ngòi bút của bà Song Thanh cái nét trầm lắng riêng biệt ấy, như bài sau đây :

VIẾNG TỊNH XÁ NGỌC-CHÁNH

*Nhờ bạn đưa duyên viếng cảnh
nhân,
Phải chăng Bồng-Đào giữa trần-
gian ?*

*Diêm-dà ngõ trúc phỏ mùi tia,
Sức - nức hương thi dượm nếp
vàng.*

*Giã cối tiêu-dao lòng luyện-tiểu,
Gần người đạo đức ý hân-hoan,
Cành chầy thồn-thức mơ hồn điệp.
Tĩnh giấc hoàng - lương mộng
chửa tàn.*

Chúng ta có thể nói rằng, so-sánh với thơ của BÀ HUYỆN THANH-QUAN tế-nhị trong nét tả cảnh, tả tình, thơ của BÀ TƯƠNG-PHỐ lâm - ly sầu - cảm, thơ của BÀ NGỌC-ANH thánh-thoát nhẹ-nhàng, thì thơ của BÀ SONG-THANH thâm trầm, cô-động.

Và một giọng thơ chân - thật, toát hẳn ra từ cảm-tưởng bạch lộ trước sự vật thiên-nhiên đến tinh-ý kin-nghệm nhất trong tâm đề. Nơi Song Thanh, chúng ta gặp lại cảm-tưởng diệu-hiền khả ái phảng phất trong thơ của NGỌC - LẬU và của SƯƠNG-

NGUYỆT-ANH, hai Nữ-sĩ tiền-bối của Miền Nam. Đó là cảm-tưởng man-mác trong vài bài sau đây :

KÝ NIỆM NGÀY Đám CƯỚI

*Phận sự tề gia ấy lẽ thường,
Soi hình tướng thẹn bóng trong
gwong !*

*Ra công vun quén nền nhâu đức
Thiếu sức tài bồi nghiệp lửa
hương.*

*Nợ nước bán-khoản lòng tiết-nữ,
Tình chồng thâm-dạm nghĩa văn-
chương.*

*Tơ-tằm nặng kiếp tài hoa lụy,
Một chút duyên thơ, mấy dặm
đường !*

Giọng thơ lưu-loát và êm-đẹp kia, chứa chan xiết bao tình ý, thật là tha-thiết, chân thành. Và đây là bài **TỰ CẢM** của Nữ-sĩ :

*Bè-bạn Văn-chương tuổi tác kề,
Rượu bầu thi tài tỉnh rồi mê.
Khí xem hoa nở ngấm vài vụn,
Lúc thường trăng lên thảo ít đề.
Chạm cảnh phồn hoa chen thế-sự,
Nếm mùi thanh-khi giữa thôn-quê.
Sớm thăm ruộng Thuần chiêu
kinh kế,*

Nếp cũ nên xưa giữ lấy lẽ.

Nữ Sĩ đã đến tuổi lão thành, không còn thiết gì cảnh chen đua nơi đô hội. Tĩnh mê với bầu rượu túi thơ, bà lại tìm yên lặng trong niềm đạo nhiệm màu, cố giữ lấy nề nếp nho gia. Đó chính là cái phong độ của con người thi sĩ, phong độ tao nhã cao siêu vô cùng khả-ái.

Song Thanh Nữ sĩ hiện nay đem hết thì giờ vào các công-tác phước thiện, và bền chí tu luyện trong ánh đạo vàng của Phật.

Thỉnh thoảng Nữ sĩ cùng Diên Hương tiên sinh mở hội Tao-đàn Diêu Trì, đón các bạn làng Thơ thân thuộc, hoặc gửi thơ xướng họa với Hương Bình Thi-xã ở Huế. Những cuộc hội họp như thế thường thường rất là hào hứng và đầy thơ mộng, với sự hiện diện của một số Thi-nhân và Nữ sĩ.

Người ta mong rằng những buổi họp tao đàn ấy còn ghi lại hồi ký để làm tài liệu cho Văn học sử Việt Nam sau này !

D.H.

Trong các số sau :

*Bà Tương Phố - Cụ Trần tuấn
Khải - Nam Phong Thi Xã ,
Hương Bình Thi Xã - Diêu Trì
Thi Xã v.v...*

MUA SÁCH CŨ

Mua lại các sách cũ có giá trị bằng chữ Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, xuất bản trước 1950, và những sách Việt xuất bản trước 1925. Xưa chừng nào tốt chừng nấy. Rách cũng không sao, miễn còn đọc được. Trừ các sách giáo khoa, và tiểu thuyết.

Xin đem đến **TÒA BÁO PHỔ THÔNG** trong những giờ làm việc. Có thể đòi lấy Phô-Thông,



Truyện dài của CÔ VÂN-NGA
(Tiếp theo P.T. số 25)

— Thì má tôi hứa gả, chứ tôi làm ngang được sao?

Ngươn nguyền anh tôi một cái và bỏ đi tuốt, không nói thêm gì nữa. Đến bữa đám cưới, anh không thêm tới. Đám cưới của anh Ba tôi làm khá long trọng, có đủ mặt bà con bên đảng gái từ các nơi tản cư trở về tham dự. Khi nửa buổi tiệc, người ta chợt nghe văng vẳng những tiếng sùng lớn nổ ầm ở xa. Khách khứa miễn cưỡng dùng xong bữa, đoạn hồi hải ra về. Ông huyện gọi con gái đến, phú thát cho má tôi rồi cũng lật đặt lên núi ần.

Chuyến trở về của má tôi rất

gian nan. Ở Thạch-động, sùng to sùng nhỏ thi nhau nổ nghe lòng lộng. Trên các nẻo đường, nhiều toán quân tiếp viện rầm rập kéo ra mặt trận, trong đám đầu người lớn chôn kia, quá một phần ba là những cậu trai dưới 16 tuổi. Thanh, Hậu, Cửa thấy vậy liền bảo anh Ba tôi:

— Bây giờ trễ nữa là không được. Anh chị phải thu xếp những gì có thể đem đi được rồi khóa cửa nhà lại, đưa má xuống «bắc» qua sông ngay.

— Còn mấy người làm gì?

— Chúng tôi đi lãnh súng đánh giặc đây. Anh Khanh phải thay trách nhiệm đưa bác và chị trở về tỉnh.

Thanh, Hậu và Cửa vội vã đi tìm Ủy ban Kháng chiến, nhưng khi tới trụ sở đã thấy vắng hoe. Ba anh hỏi thăm mãi mới tìm gặp được Ngươn đang sắp sửa qua sông. Khi nghe ba anh bày giải lý do muốn ra mặt trận, Ngươn lắc đầu nguầy-nguây:

— Không được, những ai tác chiến mới ở lại, còn thì tất cả đều phải qua sông. Biện pháp ấy là cốt phòng ngừa bọn Việt gian phá-hoại, và đáng sợ nhất chỉ là bọn ấy mà thôi.

Thanh, Hậu, Cửa nói gì Ngươn cũng không chịu nghe. Chuyến bắc chót đã sắp sửa rời bến, ba anh đành phải nhập vào đoàn người tản cư đi qua sông. Mà tôi thấy Thanh và hai bạn trở lại trong bụng mới bết lo. Sự lo sợ kia không phải vì người, mà

KIÊN TRINH

phật ra vì chàng và vì tôi... Trong những ngày gần gũi bên má tôi, Thanh sắp đặt mọi việc thật chu đáo khiến người vừa lòng hết sức và về sau cứ nhắc nhớ mãi...

Chị Ba Khanh là con gái út, đứng hàng thứ năm trong gia đình ông Huyện, thuở giờ ít đi xa, lại rời gia đình trong những giờ phút đen tối như vậy không đành lòng nên một, hai muốn ở lại tìm cha già. Anh Ba tôi không biết giải quyết như thế nào cho ổn, bần-dùng mãi chả quyết định được gì. Mà tôi phiền hết sức, không lẽ nói ra. Thanh liền bảo cùng chị dâu tôi:

— Bác đã gửi gắm chị cho má tôi, đó là người đã yên lòng về phần chị rồi. Bây giờ chị rời bỏ chúng tôi, rủi ro bề nào có phải trai với ý bác không? Vả lại, lộn xộn như vậy, chúng tôi không để chị đi như vậy được... Anh Ba! Nếu chị không đi, anh phải kéo chị xuống bắc, chứ không thể để bao nhiêu người cùng chết chìm như vậy được.

Chừng đó, chị Ba tôi mới chịu qua sông. Bên Tô Châu, người tản cư đen như kiến. Ai cũng ngóng trông về bên châu thành Hà-tiên, rưng rưng lệ... Tiếng sùng to mỗi lúc mỗi nghe dữ dội. Nhiều đám khói đen đã bốc lên từ các đồi núi cách châu thành không xa, chứng tỏ rằng Pháp tấn công Hà-tiên thật sự chứ

không phải đánh nháp như như mấy kỳ vừa rồi. Ấy vậy mà còn nhiều người tin tưởng những điều huyền bí, cho rằng trong quân Pháp phần đông người Miên bên kia biên giới, thấy đều kinh sợ đất địa linh thiêng của cái tỉnh bé nhỏ họ có nhiều thiên binh, thần tướng ám trợ!..

Đêm ấy, má tôi cùng các anh ngủ tạm tại một dãy kho dùng để chứa gạo của Nhật đã giao trả. Kho gạo rộng mênh mông mà đầy nghẹt những người là người. Nhiều kho còn đầy ắp gạo không ai buồn đá động đến và ban công tác phá hoại sẽ phải phóng lửa thiêu hủy vào giờ chót. Sương khuya xuống lạnh, người ta đốt lửa sưởi, ánh lửa chập chờn trong sa mù như đom đóm, dài hàng hai ba cây số bên đường đầy nghẹt những đám người nằm, ngồi bên những đống gạch sành. Tiếng người gọi tìm nhau ơi ời, với tiếng trẻ con khóc oa oe đệm vào, khiến quang cảnh buồn thảm thế lương kia nhuốm thêm màu bi đát.

Suốt đêm ấy, Thanh lặn lội đi tìm ghe thuê về Rạch - giá. Không ghe nào chịu đi cả, chủ ghe chê xa và họ thì cũng phải trở về gia đình để lo chạy giặc. Mãi đến sáng, anh mới tìm được một chiếc tam bản họ chịu ăn trăm bạc để đưa sáu người cùng với rương tráp ra một địa điểm cách đây độ ba cây số.

— Trời ơi trời, — chị Ba Khanh kêu lên —, đi cực khổ như vậy mà ở lại mà còn có anh có em...

— Không thể ở thêm nơi chỗ này được nữa, vì Pháp sẽ bắn ô-buýt vào nơi đông người. Tình thế nguy hiểm lắm rồi, không thể chần chờ gì nữa được.

Bên châu thành Hà-tiên đã nghe lác đác có tiếng súng nhỏ. Nhiều bụng khói đen của các đám cháy loang xam trên nền trời mù sương trắng của một buổi sáng lạnh lẽo trong tiết tháng Chạp. Nơi nhiều cửa miệng bệu bạo thốt ra những lời chán nản:

— Hà-tiên chắc chắn mất rồi. Nhà tan, cửa nát, mình trôi lạc về đâu đây.

Chị Ba Khanh vừa muốn xuống đò bỗng lại gặp chị Tư là người chị ruột có chồng đang ở Nam - vang. Hai chị em ôm nhau khóc mùi, bịn rịn mãi không thôi. Anh Cửa phải cau gắt lên:

— Hai bà ôm nhau khóc để chờ chết sao chứ?

— Chị em lạc nhau mới gặp, làm sao chia rẽ liền ngay được hở chú? — Chị Tư vừa sục sùi vừa bảo.

Thanh nhảy lên bờ, quãng hành lý của chị xuống xuống và nói:

— Chị cứ chạy theo chúng tôi... Ấy khéo, kéo xuống chìm...

Con đò khảm lừ lừ tách bến ra. Thuyền vừa mới đến ngã ba sông, thì từ trên ngánh kinh Vĩnh Tế có nhiều tiếng máy ca-nô nô ròn. Nhìn ra, cả đò đều thấy rõ bốn chiếc ca-nô lớn chạy xuống phẳng phẳng và chộ đầy những Tây và Miên súng ống chơm chớm. Thanh ra đầu cho mọi người im lặng và lấy tay làm dầm bơi tiếp với trạo phu. May là trời mờ sương, thuyền vừa khuất vào một rừng cây giữa sông, nên bao nhiêu người trên xuống mới còn sống sót. Bọn Pháp trên ca-nô mãi miết chú ý đến đoàn xuống còn lơ nhố trong bến, và xa liên thỉnh bắn bừa... Tiếng súng nổ ùn ù từng hồi chen lẫn với tiếng người la ó khóc than nghe vang dậy cả một vùng. Chủ ghe sợ quá dầm xuống vào bờ và nhất định không đi nữa. Má tôi, vợ chồng anh Ba, chị Tư cùng với Thanh, Hậu, Cửa, vát va-ly lủi vào bụi núp. Tiếng súng nổ dữ dội, đạn bay vì vèo trên đầu mọi người và nổ cất bùm... Giặc đã bắn bằng đạn đum - đum, gây một khinh hoàng khủng khiếp trong dân chúng. Đâu đâu cũng nghe những tiếng nổ lạnh mình và dăng trước mặt, mé sau lưng cùng hai bên tả hữu đều có rả rác người bị phạm thương. Thanh không dám chần chờ, hối thúc cả đoàn đánh liều chạy xuôi theo hai bên lộ. Nhờ ở giặc

bên kia khúc queo bắn phóng chừng vào các lùm bụi, nên đoàn người mới thoát khỏi vòng nguy hiểm. Chạy độ chừng 2 cây số, má tôi, chị Ba Khanh và chị Tư mệt nhoài, phải ngồi bên đường nghỉ mệt. Thanh lo lắng, cứ thế này thì không làm sao được an toàn. Chàng chia phận sự cho anh Ba tôi và Hậu phải lo điều độ nữ phái đi chậm rãi ở sau, còn chàng và Cửa khuôn vát hành lý đi trước tìm hỏi ghe bao thuê về Rạch-giá.

Đến chiều hôm ấy, sau khi lợi bộ bầy cây số, Thanh mới gặp được một chiếc ghe bán dưa hấu bằng lòng đi về Rạch-giá. Ông lão chủ ghe với một đứa cháu gái nhỏ vừa cất dưa ở Ba-Hòn qua Hà-tiên bán, nghe nói chạy giặc nên còn lưỡng lự không biết về đâu. Thanh bằng lòng mua hết ghe dưa ấy và năn nỉ mãi ông lão:

— Đàng nào ông cũng phải tản cư, ghe dưa kẻ bỏ rồi, chỉ bằng chỗ chúng tôi thì được lợi và khỏi mệt công vì có chúng tôi chèo tiếp.

Ông lão bằng lòng cho quá giang. Cả đoàn hiệp lại, xuống ghe. Ông lão chèo lái, người cháu gái bơi mũi, cà-rịch cà-tang buồng xuôi ghe trôi theo giòng nước lờ đờ. Thanh và các bạn thay nhau bơi mũi, nhưng con thuyền vẫn tiến chậm rì. Trời lại vắng gió. Chiếc bươm bằng

bổ-tời kết lại, khi phòng lên khi xếp xuống là một chướng ngại bực mình. Tối lại, ghe đậu ở Ba Hòn, chờ con nước. Ông lão dọn cơm ra ăn với đứa cháu gái, không thêm mời lời ai hết. Vì chạy giặc cả ngày chưa cơm nước gì, khách đi ghe đói lã ra mà phải đành chịu. Thanh hỏi lấy dưa bỏ ăn, ông lão đưa cho toàn những trái xấu và bảo là còn phải để dành ăn đường trở về.

Hậu thì thăm với các bạn:

— Tui mình gặp ông già Ba-Tri rồi! Từ khi xuống ghe tới giờ, bọn mình cứ cong lưng chèo cho ông cháu họ nghỉ khôe. Chắc từ đây đến Rạch-giá, họ bỏ mặc cho bọn mình làm sao chóng tới thì thôi. Nếu không có mấy bà, tôi nằm ăn hết ghe dưa của ông thử coi ông làm sao cho biết.

Thanh liền nói:

— Còn mấy hôm nữa là Tết rồi. Ai nấy cũng phải về nhà. Tui mình nên ráng chịu cực một chút nữa vậy.

Sáng hôm sau, các anh ghé vào một chợ xép gần đó mua mấy đôi giày lượt để kéo ghe. Ghe chèo xuôi theo mé sông, một đầu giây buột trên cột buồm, một đầu dây do một người đi trên bờ kéo vút qua vai. Công việc không khó cực lắm, nhưng khá mệt nhọc và nếu không quen kéo thì sưng vai, hoải chân đi không nổi, Thanh,

Cửa và Hậu thay phiên nhau chia gánh nặng ấy, mà tôi ái ngại, hết sức nhưng không còn biết cách nào hơn, liền ra ngoài mui ghe ngồi chịu nắng như các anh và thỉnh thoảng bỏ đưa ra cho các anh soi. Con đường còn dài mù mù trước mắt, trải qua non tám mươi cây số ngang vùng đồng chua nước lợ, mình mong những đê cùng đưng, chiếc ghe tản cư chậm chậm tiến vào với bao nhiêu nỗi lòng ngồn ngang rối rắm như tơ vò. Các nhà cửa rải rác bên đường đã thấy lập lờ câu đối đỏ như thắm đục dả người phương xa nên rảo bước trở về... Thỉnh thoảng, những chiếc ca-nô máy chở binh lính triệt thoái từ mặt trận Hà-tiên về, chạy ngang qua và cho đổ bộ lên những nơi xung yếu khiến dân chúng quanh vùng lại bỗng bẽ nhau đi lủ lượt.

Trong khi đó, tôi ra chợ Rạch-giá đón chờ má tôi mà sốt cả ruột. Hăm một... Hăm hai... Hăm ba Tết rồi! Má tôi và các anh vẫn chưa thấy tăm dạng gì cả. Những tin đã loan truyền về tỉnh nghe nóng bỏng, sôi cả ruột gan... Hà-tiên thất thủ! Tây đang mở đường Hà-tiên Rạch-giá. Các mặt trận Ba Hòn, Hòn Chông bị vỡ! Pháp đang tiến vào vùng giáp giới hai tỉnh. Pháp bắt được cả mấy đoàn ghe tản cư, v...v... Thân binh hăm hiệp, cướp bóc, giết hại... vân vân.. và.. vân vân..

Toàn là những tin không lành! Tôi chỉ còn biết, hết chất lười đậm chân than thở, lại ngồi khóc muôi mà thôi!

Đến chiều 25 Tết, tôi đã hoàn toàn thất vọng! Đàn em đại nhao nháo ở nhà đang cần tôi, việc giỗ cúng chưa hề sắp đặt trước gì cả, mà tôi còn đứng ngồi như bông lữa ở đây để trông chờ một tin tuyệt vọng! Chiều tà, mây đùn mỗi lúc một thêm nơi chân trời càng gieo vào lòng tôi nhiều sầu thảm nặng nề. Ánh sáng dần dần tắt đi như những cánh hoa tàn không bao giờ mọc trở lại. Bống tối trập trùng từ phương xa dồn đùn lại... Tôi điếng lạng người đi nhìn về chốn mình mong hui quạnh... Vài anh dân vệ thúc hối đồ của tôi phải tách bến...

Tôi thần thờ quai xuống thuyền lòng cảm thấy bao nhiêu là sụp đổ. Bống ở xa, một bóng ghe đang từ từ tiến lại. Ghe đi ngược giòng, người trên bờ làm lủi kéo dây, mặt cùi xuống đất. Đó là một người Miền thì phải và ghe ấy chắc hẳn ở Hà-tiên về. Tôi hy vọng có thể hỏi thăm được ít nhiều tin tức. Tôi liền cất tiếng gọi to:

— Bòn ơi! cho tôi hỏi thăm một chút...

Người nọ ngược mặt lên nhìn, chợt đứng khựng hai chân lại, mắt sáng lóe ánh vui mừng, tay

buông rơi đầu dây dỗi ra và đưa lên trán lau mồ hôi đang chảy ròng ròng... Tôi cũng vừa nhận ra, dưới bóng hoàng hôn, khuôn mặt quá quen thuộc đã cơ hồ in khắc sâu nơi tâm khảm và buột miệng kêu:

— Trời! Anh yêu dấu!...

★

IX NHỮNG NGÀY VUI CUỐI CÙNG

Buổi xum họp tưởng không trông mong gì có, bỗng nhiên lại thành, và do đó đã biến đổi hẳn cuộc đời của tôi...

Thanh, Cửa và Hậu, sau khi đã giúp bạn, tình chia tay, ai nấy lo trở về gia đình. Nhưng nơi bến sông vắng, không có đến một chiếc đò dọc. Má tôi liền nói:

— Mấy cháu về Cái Đuốc Nhỏ ăn Tết, chừng ra ngoài ngày sẽ đầy ghe nhà mà đi, chứ cận ngày rồi dù nướn bao nhiêu cũng không ai chở.

Thanh và hai bạn nghe phải, liền xuống ghe bản lòng đi về nhà tôi. Ghe chở nặng nên đến nhà vào lúc 10 giờ đêm 26 tháng Chạp. Má tôi, vì tin theo lời của ông thầy Tiêu bảo chị dâu tôi là tuổi Dần rất xung khắc với tuổi của mọi người trong nhà, phải rước vào cửa sau mới êm nhà, ấm cửa

cho, nên người đã vô tình làm mất lòng chị dâu tôi. Hơn nữa, chị Tư lại lầm tưởng đó là điều xỉ nhục nặng nề, nên chưa chi tron; nhà đã có không khí bất hòa rồi!

Sáng hôm sau, chị dâu tôi cáo ốm, không ra khỏi cửa phòng. Và luôn hai ngày, tôi phải lo mâm cơm riêng cho chị. Thanh và các bạn thấy không khí mỗi lúc mỗi nặng nề khó thở nên một mặt khuyên tôi nên ăn, nhàn chịu chuộng chị dâu, một mặt bảo nhỏ anh Ba nên thu xếp cách nào cho ổn thỏa. Nhưng chị Tư đã khai chiến bằng cách nói gần nói xa và tinh tới chuyện đi ra ở một nơi khác. Tôi lại biết được hai đêm rồi chị dâu tôi khóc lóc với anh tôi dữ lắm.

Anh Ba tôi có than thở với Thanh:

— Dượng kể như là người trong nhà rồi nên tôi mới nói riêng chuyện này; chắc chúng tôi phải ra riêng. Như vậy mới tránh khỏi hổ chia rẽ mỗi lúc mỗi sâu hơn trong gia đình. Nếu có một mình vợ tôi thì sự dàn xếp rất dễ, nhưng đảng này còn chị vợ tôi nữa...

— Anh tình đưa chị đi đâu?

— Xuống miệt Thù, có cậu Sáu làm ruộng ở đó.

(Còn nữa)

Nhật-ký của chàng thanh

niên họ Cao (cao - bồi)

(Nhật-ký dùng toàn tiếng lóng của Cao-bồi Saigon)

Ông vẫn thường quan niệm rằng : « Có tiền mua tiên cũng được », nên, từ cái địa vị tối tăm, ông đã, biết tìm đủ mọi cách để làm giàu và ông đã giàu, giàu to lắm. Thì giờ là tiền bạc, ông để thì giờ làm ra tiền bạc, không còn 1 kẻ hở « thì giờ » nào nữa để lo việc khác, cả đến việc giáo dục con ông. Tiền sẽ giúp cho hạnh phúc nhà ông, tiền sẽ giúp con ông nở mày nở mặt và thừa phượng tiện học hành đến nơi đến chốn. Ông vút tiền ra cho con trai, để cho nó tự do xử dụng, không cần kiểm soát. Hơn nữa, ông còn thì giờ đâu để kiểm soát khi còn để trí óc nghĩ cách làm giàu ?

Hôm nay, gần cuối năm và một

★ TRỌNG TẤU

sự ngẫu nhiên, ông kiểm điểm lại kết quả của việc « mua tiên » cho con trai. Ông đọc một trang nhật-ký của nó :

00 giờ 00 ngày 1-1-59. —
Mình cũng có họ gần với bà con nhà Vạc (1) nên nhật ký phải viết về đêm.

Rè-quây-ông (2) đã mãn, bây giờ sang châu nhót (3). Năm xin (4), lơ via (5) mới chi hồi chiều,

1) Con cò con vạc hay đi ăn đêm. 2) Réveillon. 3) nhây. 4) thiên = 1 ngàn 5) Le Vieux = ông già

đủ tư cách để lấy le (6) với các em. Cùng ba thằng bạn, vị chi là 4 nhân (7), khiêu.. trường trực-chi.

12 giờ 15. — Các em ca-va-lót (8) bữa nay tư cách (9) quá! Tết nhất có khác, em nào cũng có thờ cả. Tha hồ lăm khứa (10) và tha hồ chạy bàn (11).

12 giờ 20. — Tiền bạc dạo này khí hiểm, nên dăng-xinh cũng hạ giá chỉ có 5 choạc (12) 1 giờ, chi (13) cho em chừng 5 bò (14) và buộc-boá (15) 1 bò là hết chạy bàn. Em L. ngồi bàn mình hôm nay tươi lắm. Cha-cha-cha (16) nhẩy 1 cây (17), gặp cậu thì số đánh (18).

3 giờ khuya. — Tan dăng-xinh, muốn cháy túi. Còn lại có hơn 6 chịch (19) lại hèm P.Đ.P. đóp (20) bánh cuốn rồi về ngủ.

8 giờ sáng. — Xi-nê bữa nay có phim hay. Đi coi bec-ma-năng.

11 giờ. — Bữa nay bỏ lớp, chưa tới giờ về, đi thụt bi-da cho bớt sầu.

11 giờ 30. — Chưa tới giờ com, ghé thợ may coi bộ đồ. Lão này may được. Áo sơ-mi màu đỏ, nút xanh thì tuyệt, lại ngắn và bó sát vào người, đúng điệu lắm !

Quần săng-li (21), không có đầu gối, rộng phía dưới và xẻ gấu, có vẻ người đầu bò lắm !

12 giờ 30. — Com xong cần phải ngoi (22) 1 chút cho đỡ mệt. Chiều đi học, vì có lễ hôm nay các em bé (23) học cùng lớp cũng đông đủ cả.

14 giờ 30. — Đi học cho ra vẻ con nhà, kéo tụi bạn nó lại nói :

— Chàng họ Thấp, vốn giông hào hiệp Xếp bút nghiên theo việc ăn chơi.

Giáo sư giậy hay, giờ gì cũng biết cách khêu (24) mấy chuyện đời xưa vào cho hấp dẫn. Toán thì có truyện đời tư Pascal, lý-hóa thì có Archimède với truyện « Eureka », Việt thì Hồ Xuân-

6) l'Air = dáng điệu. 7) người 8) Cavalière = vũ nữ 9) có nghĩa là bảnh. 10) khách 11) bỏ đi bàn khác 12) chục bạc 13) tiêu 14) 1 trăm đồng 15) Pourboire 16) 1 điệu nhẩy 17) giới, 18) nhât 19) chục bạc 20) Áo 21) không có nẻ p 22) nghỉ, 23) cô gái 24) xoay qua.

Hương v.v... lại học ở lớp mịch, (25) thật đáng đồng tiền bát gạo quá! Mở trường tư như vậy mới gọi là biết cách chớ. Trường nào toàn học sinh dục rửa và giấy khô khan thì dớp gió.

16 giờ 30.— Tan học, rủ cô bạn cùng lớp đi đánh binh-bông.

19 giờ 00.— Đớp.

19 giờ 30.— Đi học nhạc.

20 giờ 00.— Ép tóc để tối đi dự Đại Nhạc Hội.

12 giờ 00.— Viết thư cho Đ.P.T. xin vài bản nhạc tặng em và tặng thầy, tặng bạn. Thật là mất nhiều thì giờ. Phải sống đến

hơn trăm năm mới đủ giờ cho mình sinh hoạt đúng mức.

Ông già đọc xong, thở ra một câu: « Thôi thế là xong! Thời buổi này, câu tục ngữ « Cha nào con nấy » không còn đúng nữa rồi! Không biết chừng con mình có con, con nó sẽ như con mình chăng? ».

Rồi ông xé quyển nhật ký của con ông, quảng vung-vãi trước bàn thờ Ông bà.

25) lớp có cả trai lẫn gái.

* CHUYỆN NỮ

Vợ chồng ông Smith sửa soạn đi dự lễ cưới của một người bạn gái. Bà Smith không nhéo bảo chồng:

— Mình phải ra phố may gấp cho em cái áo khác. Em không muốn ở trần trường đề đi ăn đám cưới chị Lucie.

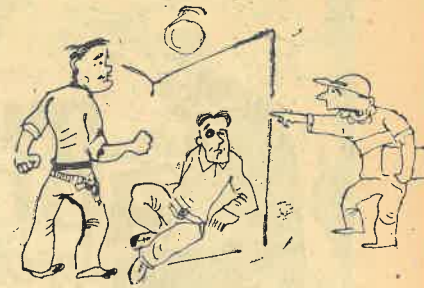
Ông Smith trở mặt ngó vợ:

— Ủa chớ anh vừa may cho mình cái áo đẹp đề đi ăn cưới mới cách đây 2 tháng thôi mà.

— Phải, nhưng hai tháng trước em mặc cái áo đó là hôm chị Lucie lấy người chồng trước. Nay chị ấy lấy chồng lần thứ hai, em không muốn mặc cái áo cũ đó nữa đâu.



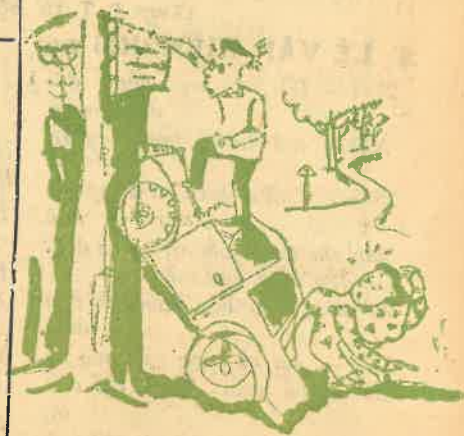
— Bệnh anh cần phải đi bích bộ luôn mới mau khỏi. Anh làm nghề gì?
— Dạ thưa Bác-sĩ, tui là phu xe cyclo đạp ạ.



Đạo diễn quát: — Ngừng quay! Phải đảm cho sưng nốt con mắt bên kia nữa!



— Chết chửa, ai đánh chị thế này?
— Chồng em đấy.
— Ủa, tôi tưởng anh đi Hué kia mà?
— Thì tại em cũng tưởng thế, cho nên em...



— Người ta viết gì trên đó vậy Minh?
— À tám biên đề: « đường nguy-hiêm xin đi cẩn thận ».



BA-TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ LÊ VĂN HIẾN (Hội an)

2824.— Đồi mỗ cao bằng đồi
đanh vọng
Nghĩa mỗ trộng bằng nghĩa
mẹ cha.

2825.— Chiều chiều ra đứng vại
ngó

Nón che tay ngoắc vò trò áo đen.
Áo đen năm nút viên tà,
Ai may cho bậu, hay là bậu
may.

2826.— Ra về rừng dút mà về
Bỏ non bỏ nước, bỏ lời thề cho
ai.

2827.— Thề thì thề gái thề trai
Thề dẫu chết đó mà ai dám thề

2828.— Thương nhau cho trọn
đạo trời

Dâu mà không chiếu, trâu trời
mà nằm.

★ HỒNG YẾN (Sài Gòn)

2829.— Hoa gì hương sắc lẵng lơ
Hoa gì nghe đến đã mơ tưởng rồi
Hoa gì buôn bán khắp nơi.

Hoa gì thích mọc chỗ người giàu
sang.

Hoa gì không sắc không hương.
Anh hùng nghe đến mến thương
ngay liền.

2830.— Hoa Nguyệt hương sắc
lẵng lơ

Hoa Khôi nghe đến đã mơ tưởng
rồi

Hoa-Kiều buôn bán khắp nơi

Hoa-Kỳ thích mọc chỗ người giàu
sang

Hoa-Lư không sắc không hương

Anh hùng nghe tới mến thương
ngay liền.

2831.— Cái gì khổ sở như đời
Cái gì hư hỏng con người làm ăn?

Cái gì làm mất công tâm?

Cái gì mở mắt tối tăm cả đời?

Cái gì thoát hóa con người?

Cái gì đem lại giống nòi làm
than?

2832.— Đồi lạnh khổ sở nhất
đời.

Cờ bạc hư hỏng con người làm ứn
Hối lộ làm mất công tâm.

Mù chữ mở mắt tối tăm cả đời.

Mê-tin thoát hóa con người.

Chia rẽ đem lại giống nòi làm
than.

2833.— Cái gì thế lực hơn vua?

Cái gì già trẻ cũng chờ khát khao?

Cái gì kẻ ước người ao?

Cái gì vì nó xây bao đau lòng?

2834.— Dân quyền thế lực hơn
vua.

Hòa-bình già trẻ cũng chờ khát
khao

Cơm áo kẻ ước người ao.

Đồng tiền vì nó xây bao đau lòng.

2835.— Cái gì độc gờm độc ghê

Không hình không sắc làm mé
ảnh hùng?

Độc gì kiến hiệu vô cùng?

Thoát vòng tham lại thoát vòng
đốt ngu?

Độc gì được ấu được no?

1836.— Tiếng nói phụ-nữ độc
ghê

Không hình không sắc làm mé
ảnh hùng

Độc được kiến hiệu vô cùng

Thoát làm than lại thoát vòng
đốt ngu

Độc đắc được ấu được no.

(còn nữa)

TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được
hồng thiệp của ông Thuận-
Đức Nguyễn-Trung-Hậu, Thi-sĩ
trung nhóm Nam-Phong Thi-
xã, báo tin đến ngày 10-1-1960
sẽ làm lễ thành hôn cho thứ-
nam là cậu NGUYỄN-TRUNG-
NHƠN đẹp duyên cùng cô VÕ-
CHI-LAN, thứ nữ của ông bà
Võ-văn-Lương, ở Phú-Nhượng.

Nhân dịp vui vẻ này, chúng
tôi xin thành thực chia mừng
cùng Thi-hữu Thuận-Đức, và
mến chúc tân-lang và tân
giai-nhân được muôn vàn
hạnh-phúc.

NGUYỄN-VỸ



★ TRÒ ĐỜI (thơ ngụ ngôn) — của TRẦN GIA THOẠI

(Nhà in NGUYỄN HỮU UẤN 36 Hùng Vương Đà Nẵng)

Một tập thơ ngụ ngôn trên 30 bài. Tuy lấy chút ít tài liệu trong các mẫu chuyện xưa của Ấn-Độ, La-Mã, Hy-Lạp v...v... (cũng như La Fontaine đã phỏng theo các chuyện cổ-tích của Hy-Lạp, Á-Rập, Tàu v...v...) nhưng tác giả đã khéo dùng các lối thơ Việt-Nam mà diễn tả rất lưu loát rõ ràng, nhiều khi trào-lộng, hóm hỉnh, rất hay. Dĩ-nhiên những chuyện ngụ ngôn này có tính cách châm-biếm các trạng-thái lố lăng trong xã-hội với mục đích cứu cánh là giáo hóa, đề cao những đức tính tốt đẹp của con người. Lời văn dí dỏm; sáng suốt, thật hấp dẫn. Dày 80 trang — 20\$.

★ THƯƠNG — VĂN THẾ BẢO chủ trương

Giai phẩm văn nghệ, với sự hợp tác của nhiều tác giả và giáo-sư có tên tuổi : Trần-Cang, Chu-anh-Thiên, Chính-Phương, Chế-Vũ, Văn thế Bảo, Thanh-t.Hoàng, Nguyễn duy Diễm, Vi-Ý, Nguyễn-thiệu-Lâu, Hoàng Bình Sơn, Anh-Hợp, Tô hà Vân, Ý-Nhi, Hoài, Dương vy Long, Diệu-Thanh, Tô mặc Giang, Cô-Thương, Xuyên-Việt, Phạm huy Viên v. v... Dày 15 trang — 15\$.



ĐÁP BẠN

BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN

và BẠCH-YẾN

★ Cô Châu-thị-Hiền, Phan-thanh-Giản — Sài Gòn

HỎI : « ... Chị Diệu-Huyền có thể cho em biết thêm chi tiết đầy - đủ về bài thơ «SONNET D'ARVERS» không ? Đúng ra thì « người đàn-bà ấy » là ai, hả chị ? Bài thơ ấy tác giả làm từ hồi nào, mà sao đến nay không có nhà Văn-học-Sử nào khám phá ra cái « bí mật » ấy ? Rất mong chị đừng phụ lòng mong mỏi của một người em vô-danh hằng mến chị... »

ĐÁP : — BÀI SONNET D'ARVERS

Bài thơ danh tiếng này của Thi-sĩ FÉLIX ARVERS (sinh năm 1806, chết năm 1850) không phải là bài thơ độc nhất của ông, như nhiều người lầm tưởng. Nó ở trong tập thơ « Mes heures perdues » (Những giờ nhàn rỗi của tôi) xuất bản năm 1833, nghĩa là cách nay 126 năm. Đã lâu rồi, người ta không biết rõ « người yêu bí mật » của Thi-sĩ ám chỉ trong bài thơ ấy là ai. Căn cứ trên một vài tài-liệu không đích-xác, CÔNG TƯỚNG DE LA FORCE ở Hàn-lâm-Viện Pháp, có ước-đoán rằng « nàng » có lẽ là BÀ MENNES-SIER, nhũ-danh là Marie NODIER, con gái của nhà văn Charles Nodier, ông này cũng ở Hàn-Lâm-Viện Pháp và làm chủ một Câu-lạc-Bộ Văn-nghệ, nơi hội họp thường xuyên của các Thi-sĩ Victor Hugo, Lamartine, Musset (hồi còn trẻ tuổi), FÉLIX ARVERS, với vài Thi-sĩ khác nữa. Cứ Chủ-nhật là cô Marie Nodier ngồi đánh đàn piano cho các Nhà-Thơ nghe. Do đó, theo lời Công Tước de La Force — Arvers mới say mê cô Marie, nhưng vì cô đã có chồng, ông Mennes-sier, nên tình-yêu thầm kín của Thi-sĩ mới thổ-lộ ra trong bài sonnet kia. Nhưng đó chỉ là lời phỏng-đoán. Có người đồng thời

tại cho rằng « Nàng » không phải là Bà Mennessier, mà là bà VICTOR HUGO. Nhưng lời đoán này lại càng sai lầm, vì lúc bấy giờ bà Victor Hugo đang yêu nhà văn SAINTE-BEUVE, bạn thân của Hugo, và tình yêu tội lỗi này đang làm xôn-xao dư-luận trong Thi-giới Pháp. Félix Arvers không có cảm-tình với bà vợ đã lớn tuổi mà lãng loạn của nhà Thi-hào Victor. Té ra, sau cùng, Văn-sĩ EMILE BERGERAT có viết một bài dài chứng minh rằng « người yêu bí mật » của Arvers chỉ là một cô thợ giặt, rất đẹp, nhưng quá hiền-lành, và cứ bị chồng đánh hoài. Chính Thi-sĩ ALFRED DE MUSSET, nhỏ hơn Arvers bốn tuổi, cũng nói rằng Arvers « Say mê » cô thợ giặt trẻ đẹp và nhu mì, mà các nhà Thơ kia không ai biết tên, vì anh chồng vũ-phu quá ghen, cấm cô ta không được đi ra ngoài. Arvers chiều nào cũng rủ Musset đi dạo một vòng qua trước cửa tiệm thợ giặt, và cứ đưa quần áo giặt hoài để được liếc trộm người yêu thơ mộng. Chính cô thợ giặt không hề biết là cô được một Thi-sĩ tài-ba yêu mê mình. Bài thơ của Arvers, nguyên văn như sau đây :

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère :
 Un amour éternel en un moment conçu :
 Le mal est sans espoir, aussi j'ai dû me taire,
 Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.
 Hélas ! j'aurai passé près d'elle, inaperçu,
 Toujours à ses côtés et pourtant solitaire,
 Et j'aurai jusqu'au bout fait mon temps sur la terre,
 N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
 Pour elle, quoique Dieu l'ai faite bonne et tendre,
 Elle ira son chemin, distraite et sans entendre
 Ce murmure d'amour élevé sur ses pas !
 A l'austère devoir pieusement fidèle,
 Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'elle :
 « Quelle est donc cette femme ? » et ne comprendra pas.

FÉLIX ARVERS

Dưới đây là bài dịch của Nguyễn-Vỹ :

Đời tôi có mỗi tâm-tư thầm kín :
 Một trường tình chớm nở chẳng bao lâu.
 Tình tuyệt vọng, nên tôi đành phải nín,
 Người tôi yêu, muôn thuở biết cho đâu !
 Ôi đau xót ! Trên đường đời thui-thủi,
 Dầu cạnh nàng, tôi vẫn cứ cô đơn !
 Dầu mãi-miết với thời gian, gió bụi,
 Chẳng được gì, mà chẳng dám van lơn !
 Nàng, bầm tính thật dịu-hiền, tha-thiết,
 Nhưng nàng đi, hò-hững, chẳng nghe qua
 Tiếng si-tình thốn-thức gót chun hoa !
 Nàng chung thủy với chồng, đâu có biết,
 Khi đọc Thơ đây yêu-nhớ bản-khoản...
 « Nàng là ai ? » Nàng nghĩ mãi, phân-vân...

NGUYỄN-VỸ

Bài thơ của Arvers lừng danh đến đời năm 1957 người ta đã đếm được trên 120 bài phỏng theo điệu thơ ấy, như là bài của BÀ GAY sau đây được khen nhiều nhất :

Es-tu bien sûr, ami, qu'elle n'aît pu l'entendre
 Ce murmure d'amour élevé sur ses pas ?
 Une femme, crois moi, sait toujours le comprendre,
 Ce langage muet qui se parle tout bas.
 Si Dieu l'avait créée à la fois douce et tendre
 Elle a dû se livrer de douloureux combats
 Et tenir à deux mains son coeur pour le défendre
 Contre un amour si vrai qu'il ne se trahit pas.
 A l'austère devoir, pieusement fidèle
 Sa vertu la plus haute était peut être celle
 De paraître insensible et distraite à ta voix.
 Penses-tu seul avoir un secret dans ton âme ?
 Il est sur cette terre, ami, plus d'une femme
 Qui garde un front serein tout en traînant sa voix !

(Bạn dám chắc là nàng không nghe tiếng
Của tình yêu lưu-luyến gót chun hoa ?
Giai nhân hiểu, bạn ơi, lòng xao-xuyến
Khi yêu thầm, bạn nói ... nói không ra !)

v.v

Lại có những bài phỏng theo với điệu đặc biệt khôi hài, như
bài sau đây :

SONNET D'« ART VERT » của một Họa-sĩ :

Mon cadre a son secret, ma toile a son mystère :
Paysage éternel en un moment conçu
Suis-je un pré, Suis-je un bois ? Hélas ! je dois me taire !
Car celui qui m'a fait n'en a jamais rien su !
Ainsi, je vais passer encore inaperçu
Toujours assez coté, et pourtant solitaire,
Et mon auteur ira jusqu'au bout de la terre,
Attendant la médaille, et n'ayant rien reçu.
Le public, quoique Dieu l'ait fait gobeur et tendre,
Va passer devant moi, distrait, et sans entendre,
Malgré mes tons criards, mon appel sur ses pas.
Au buffet du salon, pieusement fidèle,
Il dira, dégustant son bock rempli ... d'ale
« Quels sont ces épinards ? » et ne comprendra pas !

Đại-y là bức tranh của một Họa-sĩ cùi tự than thân trách phận
rằng Họa-sĩ đem đi triển-lãm mà chẳng có ai thèm mua, chẳng ai
thèm đề ý. Công chúng đi ngang qua, thờ ơ lãnh đạm, mặc dầu bức
tranh kêu ré lên với những màu sắc rực rỡ chói lòa. (Mượn tâm
sự của Thi-sĩ Arvers mà tả tâm sự khôi hài của bức tranh cùi) Lại
có một Thi-sĩ cũng dùng điệu đó đề tả chiếc xe hơi của ông :

Ma « Ford » a son secret, mes pneus ont leur mystère
Par un brusque freinage, en un moment conçu,
J'ai failli déraper, aussi j'ai dû me taire :
Celle que j'épargnai n'en a j'aurais rien su ...
Hélas ! je croyais bien passer inaperçu

Ayant stoppé dans un carrefour solitaire
Mais un agent survint, s'élançant ventre à terre,
M'infligeant une amende, et m'en donnant reçu.
Pour elle, quoique Dieu l'ait faite agile et tendre,
Elle m'aurait frôlé, distraite, et sans entendre
Le coup de frein brutal qui protégea ses pas.
Au journal du matin pieusement fidèle,
Elle dira, lisant ce fait tout rempli d'elle :
« Quel est donc ce chauffard ? » et ne comprendra pas.

Đại-y bài này là chế-diệu chiếc xe « Ford », Huê Kỳ chạy giữa
đường xuýt cán người đàn bà, bị linh thời tu-huýt biên phạt. Nhờ
tài xế thẳng giỏi, bà ấy khỏi bị chết, thế mà hôm sau đọc nhật
trình thấy cái tin đó, bà lại bảo : « Cái thằng tài xế cùi nào đó
he ? » và bà đâu có hiểu cho cái khổ-tâm của anh tài xế !

Bạn xem, một bài thơ trứ danh của một Thi-sĩ đau khổ vì tình
yêu thầm kín, cũng được người ta phỏng theo làm đủ các lối để áp-
dụng vào trường hợp bi kịch cũng được, mà hài kịch cũng được !

★ Cô Hà Khanh — Đà-nẵng

- T. T. KH. không phải là người yêu của Nguyễn-Bình.
- Truyện « Đồi Uyên Ương » của N. V. bị cấm không được xuất-bản
- Nhạc-sĩ Johann Strauss sinh năm 1825, chết năm 1899 tại
Vienne vì bệnh già.
- Nhạc-sĩ Đặng-thế-Phong chết vì kháng-chiến.
- N. V. sinh năm 1912.

★ Bạn N. P. Tường — Huế

- Nguyễn-nhuộc-Pháp đã chết rồi (xem lại Phổ Thông số 9
có nói rõ)
- Nhóm « Tự-Lực Văn-đoàn » hiện còn ông Nhất-Linh, hiện
sống ở Đà-lạt. Khải Hưng đã chết (xem lại Phổ Thông số 19). Thế-Lữ,
Tú Mờ ở ngoài Bắc.

★ Bạn Hoàng-Công-Khanh — Cholon

Xin Bạn hỏi tại phòng kiểm tra Trung Bình. Chúng tôi không
rõ về vấn đề ấy.

✧ **Bạn Nguyễn-văn-Thắng — Quốc Học — Huế**

PHẠM-PHÚ-THỨ là vị Thượng-Thư dưới Triều Tự-Đức cùng đi sứ với cụ Phau-Thanh-Giản sang Pháp năm 1863.

PHẠM-HỒNG-THÁI là người chiến sĩ cách mạng đã ném bom ở khách sạn Victoria trong tổ giới Sa-điện (Trung Hoa) mưu sát viên Toàn-quyền Merlin đến viếng Quảng Châu đêm 19 tháng 6 năm 1923.

— TRẦN-CAO-VÂN, là người đã tổ-chức cuộc âm-mưu khởi-nghĩa, với Vua Duy-Tân, tháng 5 năm 1916.

— PHÓ-ĐỨC-CHÍNH là một đảng viên Việt-Nam Quốc-dân-Đảng, một đồng chí và cộng-sự viên đặc-lực của Nguyễn-Thái-Học, tham-gia cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy tháng 2 năm 1930.

— TRƯƠNG-ĐÌNH là một chiến-sĩ cách-mạng đã cầm-cự đánh Pháp ở Gò-Công, Chợ-Lớn, Tân-An, lúc Pháp mới lấy « Nam Kỳ ». 1862-1864. Ông tử-trận ở Kiến-Phước đêm 9 tháng 8 năm 1864, bị bắn gãy xương sống.

✧ **Bạn Tôn-thất.Thị k.b.c. 3317**

Mặc lễ phục khi có tang chế, thay vì bịt khăn đen người ta chít khăn trắng, mặc thường phục (đàn ông) người ta để tang bằng một mẫu vải đen trên ngực, (phụ nữ) gắn trên hồ áo dài. Chỉ có để tang cho cha mẹ mới mặc áo sổ lai.

Về thời gian để tang, thì :

Con để tang cho cha mẹ 3 năm

Cha mẹ để tang cho con 3 tháng

Vợ để tang cho chồng hay chồng để cho vợ 3 năm

Anh chị để tang cho em 1 năm

Em để tang cho anh chị 1 năm

Dâu để tang cho cha mẹ chồng 3 năm

Rể để tang cho cha mẹ vợ 1 năm

✧ **Bạn Trần Xuân Cầu — KONTUM**

Về việc hỏi thuốc Bác sĩ Hoàng mộng Lương, rất tiếc dạo này Bác-sĩ bận việc quá nên không thể trả lời được. Mong bạn thông cảm cho. Còn máy đeo vào tai người điếc để nghe được, bạn nên viết thư hỏi địa chỉ sau đây là nơi bán máy ấy :

Audisom, Service DG
24, Rue de l'Abbé

Paris 14^e

✧ **Bạn Phan văn Vy — Đà Nẵng**

1) Trong Phở-Thông số 18, bài nói về MARCONI « tốt nghiệp năm 1958 ». Xin sửa lại là 1895

2) Về Phở-Thông số đặc biệt XUÂN CANH TÝ, chúng tôi không làm quà tặng như Phở-Thông Trung Thu, vì những lý do sau đây ; rút kinh nghiệm trong việc gửi quà số Trung Thu :

1) Có nhiều bạn đọc gửi thư và tem lại tòa soạn để mua Phở-Thông Trung Thu, nhưng THƯ THƯỜNG BỊ LẠC MẮT, không hiểu vì lẽ gì, và ai lấy ?

2) Nhiều bạn nói có bỏ tem và tiền trong thư gửi đến tòa soạn, nhưng lúc mở thư ra xem chúng tôi KHÔNG THẤY CÓ TEM HOẶC TIỀN ĐAU CẢ. Mặc dầu vậy, chúng tôi vẫn gửi báo đến các địa chỉ mà các bạn đã biên trong thư.

3) BÁO TRUNG THU GỬI ĐI LẠI THƯỜNG BỊ THẤT LẠC. Nhiều bạn viết thư đến phản nản, chúng tôi phải gửi lần thứ hai, bằng gói bảo đảm.

Vì những lẽ đó, chúng tôi thấy việc nhà báo tổ-chức gửi Phở-Thông Đặc biệt làm quà tặng các bạn xa, thật là một điều rất bất tiện. có nhiều phiền-phức không ngờ (MẤT TEM, MẤT TIỀN MẤT BÁO !)

Vậy nếu các bạn muốn tặng Phở-Thông đặc biệt cho ai trong dịp Xuân Canh Tý này, xin các bạn mua báo ngay ở địa phương của bạn, có lẽ tiện hơn. Chúng tôi rất tiếc không thể đáp lại lời yêu cầu của một số rất đông các bạn thân mến của Phở Thông, muốn nhờ chúng tôi gửi báo tặng làm quà Xuân. Mong các bạn thông cảm cho.

Thâm tạ

PHỞ - THÔNG

MUÔN VẠN CẢM TẠ

Thơ của Quý Bạn thân mến gửi về mừng Phô-Thông một tuổi chúng tôi đều có nhận được đủ cả. Đa số các bạn trách chúng tôi sao không báo tin trước một vài số đề nhắc cho các bạn biết, và sao không cho ra một số đặc biệt trong dịp đệ nhất chu niên, chớ « làm đột ngột và vội vàng quá », đề khi quý bạn đọc Phô-Thông số 22 mới biết được thì đã trễ rồi. Chúng tôi biết vậy và thành thật xin lỗi. Chỉ vì chúng tôi muốn « cùng thời nói » thân mật trong gia đình cho chú bé Phô-Thông, mà không muốn làm ồn-ào phá rầy hàng xóm vô ích.

Nay các bạn thân mến xa gần khắp nơi gửi nhiều bài thơ rất vui, rất hay, và cũng rất cảm động về mừng P.T. Chúng tôi xin muôn vạn cảm tạ, và xin cất kỹ tất cả các bài thơ này trong quyển Album của bé P.T. để nó làm kỷ-niệm. Nhiều bạn yêu cầu chúng tôi đăng thơ lên báo, nhưng xin quý bạn miễn cho, vì nếu đăng hết lên báo thì được lòng quý bạn, mà chúng tôi sẽ mang tiếng với khách bàng-quan. Các bạn cho phép chúng tôi được tránh lời dị-nghị. Một lần nữa, xin cảm ơn Quý Bạn rất nhiều.

N. V.

TRẢ LỜI NGAY THÁNG ẤM
VA DƯƠNG LỊCH

★ Ông Đinh văn Lợi — k b c 4217.

— Ngày 2-4-1904 D.l. tức là ngày 17 tháng 2 âm-lịch, năm canh-thìn, tháng Đinh-Mão, ngày Bính-dần.

— Ngày 27-4-1929 D.l. là ngày 18 tháng 3 âm-lịch năm Kỷ-tỵ, tháng Mậu-thìn, ngày Nhâm Dần.

★ Ông Trần mạnh Sang — Qui-nhơn.

— Ngày 27-6-1931 nhằm ngày 12 tháng 5 năm Tân-vị. tháng giáp ngọ, ngày Quý-sửu.

★ Trương văn Thái — Nha trang.

— Ngày 21-8 âm-lịch năm Kỷ-mão, tức ngày Thứ ba 3-10-1939 Dương-lịch.

★ Một độc giả ở Vinh-Long.

— Ngày 18 tháng 8 âm-lịch, năm Ất-hợi, là ngày Chúa-nhật 15-9-1935 D.l.

★ Ông Thái đức Duy — Giáo-viên Tam-kỳ.

— Ngày 5 tháng 9 âm-lịch năm Quý-dậu nhằm ngày 23-10-1933

— Năm Ất-vị năm (1955) nhuận tháng 3 chứ không phải tháng 2.

★ Bạn Phương-Khanh — Cần thơ.

— Ngày 7-3-1933 là ngày 12 tháng 2 âm-lịch năm Quý-dậu, tháng Ất mao, ngày Nhâm thân.

— Ngày 7-10-1934 nhằm ngày 25 tháng 8 âm-lịch, năm Giáp tuất, tháng Quý-dậu, ngày Đinh-vị

— Ngày 2-6-1937 nhằm ngày 24 tháng 4 âm-lịch năm Đinh-sửu, tháng Ất-tý, ngày Canh thân.

— Ngày 29-6-1939 là ngày 13 tháng năm âm-lịch năm Kỷ-mão, tháng Mậu-thìn, ngày Đinh-dậu.

★ Một bạn đọc ở 347 Phan-đình-Phùng — Saigon.

— Ngày 29-3 âm-lịch năm Bính ngọ nhằm ngày Chúa nhật 22-4-1906 D.l.

— Ngày 27-11 âm-lịch năm Đinh Sửu là ngày thứ tư 29-12-1934 D.l.

— Ngày 5-11 âm-lịch Năm Bính-tý nhằm ngày Thứ sáu 18-12-1936 D.l.

— Ngày 8-12 năm Giáp-tuất nhằm ngày Thứ bảy 12-1-1935 Dương-lịch.

★ Bạn B. Ph. Phan k.b.c. 4199.

— Ngày 20-3 âm-lịch năm Ất-vị = Dimanche 14-4-1895 D.l.

- Ngày 19-7 âm-lịch năm Bính-dần = Jeudi 26-8-1926 D.l.
- 24-4 âm-lịch năm Bính-dần = Dimanche 4-6-1926.
- 17 tháng giêng â.l. năm Canh-ngọ = Samedi 15-2-1930
- 15-7 âm-lịch 1931 = Vendredi 28-8-1931
- 16-8 âm-lịch năm Quý-dậu = Jeudi 5-10-1933
- 26-11 âm-lịch năm Ất-hợi là ngày Tân-mùi, tháng Mậu-tý nhằm ngày Thứ bảy 21-12-1935
- 28-5 âm-lịch năm Tân-tý, là ngày Tân-mùi, tháng Ất-mùi, nhằm ngày Thứ tư 22-7-1941
- Ngày 17-4 âm-lịch năm Ất-vị, ngày Kỷ-hợi, tháng Tân-tý, nhằm ngày Thứ ba 7-6-1955
- Ngày 15-10 âm-lịch năm Bính-thân, ngày Mậu-tý, tháng Kỷ-hợi, nhằm ngày Thứ bảy 17-11-1956

★ Em Thiện-Phúc — Huế

- Ngày 15-1-1948 D. L, nhằm ngày 25 tháng Chạp âm-lịch, năm Đinh Hợi
- Ngày 31-12-1949 D.L, nhằm ngày 2 tháng 12 âm-lịch, năm Đinh Hợi
- Ngày 18-6-1954 D.L, — 18 tháng 5 —
- Giáp Ngọ
- Ngày 20-5-1955 D.L, — 29 — 5 nhuận —
- Ất Vị
- Ngày 24-5-1956 — 16 — 5 —
- Bính Thân

★ Ông Huỳnh Đức Phương — Bến Bạch Đằng Saigon

Ngày 21 tháng 11 âm lịch năm Nhâm Thân nhằm ngày 18 tháng 12-1932. 8 giờ 30 tức là giờ Tuất,

★ Võ thị Hoa — Qui Nhơn

Ngày 3 tháng 4 âm lịch năm Nhâm Ngọ, ngày Bính Dần, tháng Ất ty, nhằm ngày Chúa Nhật 17-5-1942

★ Ông Thanh Ngọc Huế.

- Ngày 16-10 âm lịch năm Canh-thìn = Vendredi 15-11-1940 D.l.
- Ngày 27-12 âm lịch năm Kỷ-mão = Vendredi 4-2-1939 D.l.
- 24-2 âm-lịch năm Bính-tý = Mardi 17-3-1936 D.l.
- 12-10 âm-lịch năm Quý-sửu = Dimanche 9-11-1913 D.l.
- 16-9 âm-lịch năm Canh-thân = Mercredi 27-10-1920
- 1-1 âm-lịch năm Canh-thân = Vendredi 20-2-1920
- 16-9 âm-lịch năm Quý-vị = Jeudi 14-10-1943

Tin mừng

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của Bà và Ông Chử-Ngọc-Liễn, Ủy-viên Công-cán Bộ Nội-Vụ báo tin ngày 26-11 Kỷ hội tức ngày 25-12-1959 làm lễ thành hôn cho thứ nam là Trung Úy Chử-nam-Anh đẹp duyên cùng cô Bành-mộng-Loan trưởng nữ của Ông bà Bành-phượng-Chung. Hôn lễ cử-hành tại số nhà 214/19/4 Trần quang Khải Saigon.

Nhân dịp vui vẻ này, chúng tôi xin thành thực chia mừng cùng Ông Bà Chử-ngọc-Liễn và mến chúc tân lang, và tân giai nhân được muôn vàn hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ

Nơi đáng tin cậy của các bạn yêu
nghệ-thuật nhiếp-ảnh

Quán ĐÔ-THÀNH

Quán 23, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

- Nhận rửa, in, rọi các cỡ hình ảnh đen trắng và màn EKTACHROME.
 - Nhận đi chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc, ảnh quảng-cáo, ảnh phóng-sự v.v...
 - Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.
 - Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh, máy quay phim, chiếu.
 - Bán phim, thuốc, giấy (có bán lẻ cho người muốn rửa hình lấy).
 - Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.
 - Sản-xuất các loại ảnh danh-lam thắng-cảnh Việt-Nam
- Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng đề chỉ-dẫn các bạn mới chơi ảnh.

CHỈ CÓ TẬP BÁO TẾT **XUÂN DÂN TỘC** VĨ ĐẠI VÀ XUẤT SẮC NHẤT

Chủ biên : HUYỀN-NHI Trình bày : NGUYỄN-ANG-CA

Qui tụ nhiều cán bút lỗi lạc, được sự yêu mến của độc giả toàn quốc : Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền (Phổ Thông), Bình-Nguyên-Lộc (Vui Sống) Trọng-Nguyên (Sài Gòn Mới, Phụ Nữ Ngày Mai), Hoài-Trình (Phụ Nữ Diễm Đàn) Tô Yến Châu, Trường-giang Mạnh Vũ (Tiếng-Chuông), Nguyễn Thu Minh (Phổ Thông, Bông Lúa) Anh-Quân (Dân Chúng), Hoàng - An, Trần-Văn-Miêng (Buổi Sáng), Phạm-Côn-Sơn (Đại Chúng) Hà Liên Tử (P.N.D.Đ.) Sơn-Nam (Lẽ Sống) Hồn Nghệ sĩ, Nghệ sĩ Cà Lăm (Tin Mới), Thạch-Lê (Đuốc Thiêng) cô Hương-Trang, cô Vinh-Lan, cô Kiều Mỹ-Thôn (Vui Sống), cùng các văn nghệ sĩ tầm tiếng : Bảy Nhiêu, Vạn Lý, Thu-Trang, Hoàng - Miên, Hàn Song T.H.T., Lạc - Vân, Hoàng-Ngọc-Giao, Nguyễn-Nam-Phong...

Nhiều sự đặc biệt đang làm bạn rộn rã mong chờ :

— Một nhạc phẩm mới, hay nhất của Lam-Phương (Xuất sắc hơn nhạc-phẩm « Tình Anh Lính Chiến »)

— Một Phụ-Trương đáng trọn một tâm truyện ưng ý nhất năm 1959 của Bình-Nguyên-Lộc.

— Một thiên khảo cứu sưu tầm công phu về thành Sài Gòn và Nam Việt năm Canh-Tí 1.900 của Sơn-Nam và Nguyễn Ang-Ca.

— Hai món quà khác nữa (sẽ công bố sau) và nhiều quà bất ngờ dành tặng bạn của nhà tương số Huỳnh-Liên, Bà Giám Đốc Cosunam-films ! King's photo, Bình-Minh ảnh-Viện, Kol và Perlon, Méliá, Bastos, nữ chuyên-viên quảng cáo Hồ-Ngọc-Nhung, nhà xuất bản Bến-Nghé v.v...

— Một cuộc thi dành riêng cho thiếu sinh Việt - Nam với nhiều phần thưởng có giá trị.

XUÂN DÂN TỘC, kỷ niệm năm thứ Bảy : trên 80 trang !



**NHA TỔNG GIÁM ĐỐC
KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
ĐÔ-THỊ**

THÔNG-CÁO

Trực.thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến.Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ.số Kiến.thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc.Đặc trúng	1.000.000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
	55 lô an ủi	2.000\$

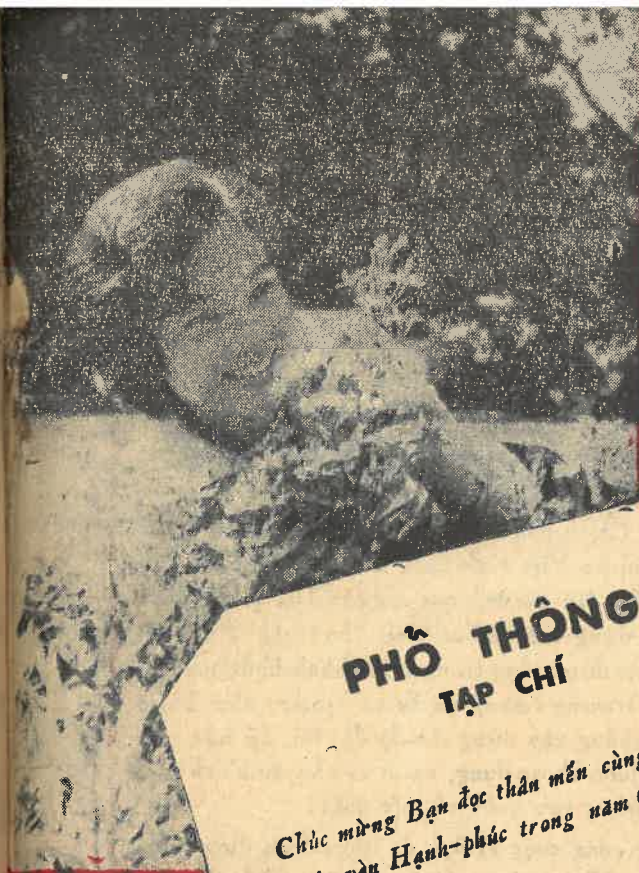
Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT

K. D. số : 479/HĐRD — Saigon, ngày 17-12-1959

In tại nhà in TẤN-PHẬT — 283 Gio-Long — Saigon



**PHỔ THÔNG
TẠP CHÍ**

Chúc mừng Bạn đọc thân mến cùng Quý Quyền
muôn vàn Hạnh-phúc trong năm Canh-Tý 1960